

WWW.SSI.COM.VN
Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84 8 38242897 - Fax +84 8 38242997

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2012
CTY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN (SSI)

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 03
Các chỉ số hoạt động cơ bản năm 2012 07

TỔNG QUAN SSI 09

Tầm nhìn - Sứ mệnh 11
Lịch sử phát triển 13
Ngành nghề kinh doanh chính 15
Giải thưởng tiêu biểu 16
Cơ cấu tổ chức 17
Hội đồng Quản trị 19
Ban Kiểm soát 21
Nhân sự chủ chốt 23

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2012 25

Tổng quan Kinh tế năm 2012 27
Hoạt động của Hội đồng Quản trị 31
Hoạt động của Ban Kiểm soát 32
Hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ 33
Quản trị rủi ro 35
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 45
Công ty liên kết 63
Báo cáo Trách nhiệm xã hội 69

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 85

Triển vọng Kinh tế năm 2013 87
Mục tiêu - Kế hoạch năm 2013 91

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 99

Thông tin chung 101
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc 103
Báo cáo của kiểm toán độc lập 104
Bản cân đối kế toán hợp nhất 105
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 109
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 111
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất 113
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 115

THÔNG TIN KHÁC 167

Thông tin cổ đông và quản trị Công ty 169
Thông tin doanh nghiệp 175
Mạng lưới hoạt động 177



THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Một tổ chức chỉ có thể đứng vững trước mọi sóng gió khi họ "**vững**" từ gốc, "**chặt**" trong các mối liên kết và "**bền**" trên con đường phát triển. SSI đã trở thành một tổ chức như vậy khi chúng tôi sẵn sàng đồng hành phát triển cùng các Đối tác, và trở thành nơi Hội tụ Nhân tài trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

Thưa Quý vị,

Năm 2012 tiếp tục đánh dấu những khó khăn của nền kinh tế cũng như của thị trường chứng khoán trên toàn thế giới. Việt Nam liên tiếp trải qua nhiều biến động, kinh tế vĩ mô dần hé lộ những bất ổn sau một thời gian dài chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế Châu Âu. Những vấn đề của ngành tài chính như nợ xấu của hệ thống ngân hàng, hoạt động kém hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước và đầu tư công được nhận thức rõ ràng hơn bao giờ hết. Chính phủ tiếp tục đặt sự ổn định kinh tế vĩ mô lên trên mục tiêu tăng trưởng. Với chính sách đó, tăng trưởng GDP năm 2012 giảm xuống chỉ còn 5% so với mức 5,9% của năm 2011. Việc kiềm chế tăng trưởng đã phần nào làm giảm sức nóng của nền kinh tế, điển hình như lạm phát giảm mạnh xuống còn một con số (6,81%) so với mức lạm phát hai con số của năm 2011 (18,13%); cán cân thương mại thặng dư; đồng nội tệ tăng giá nhẹ so với đồng Đô la Mỹ.

Trước những thay đổi của chính sách kinh tế vĩ mô và những bất ổn của nền kinh tế, thị trường chứng khoán năm 2012 đối mặt với rất nhiều biến động. Thông tin hạ lãi suất giúp thị trường tăng mạnh trong bốn tháng đầu năm. VN-Index đã đạt đỉnh 488 điểm vào ngày 08/05/2012. Tuy nhiên, những cú sốc lớn từ hệ thống ngân hàng và một số công ty chứng khoán đã ảnh hưởng mạnh đến tâm lý nhà đầu tư khiến VN-Index giảm 23% xuống còn 375,06 điểm vào ngày 02/11/2012.

Các thông tin tích cực từ Chính phủ trong tháng 12 đã giúp thị trường hồi phục và tăng mạnh trở lại vào những ngày cuối năm. Tại thời điểm đóng cửa năm 2012, VN-Index tăng 17,7% với thanh khoản được cải thiện. Chịu ảnh hưởng nặng nề từ những biến động không thể dự báo của thị trường, nhiều công ty chứng khoán dần lộ diện sự yếu kém về tiềm lực tài chính và sự thiếu minh bạch trong công tác quản trị doanh nghiệp; một số công ty khác phải thu hẹp quy mô hoạt động hoặc phá sản. Nền kinh tế bất ổn và kết quả hoạt động kinh doanh thấp của các doanh nghiệp đã làm ảnh hưởng niềm tin của Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh đó, với tiềm lực tài chính dồi dào, với bộ máy quản trị rủi ro và quản lý chi phí hiệu quả, với đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, và đặc biệt là niềm tin của Khách hàng và Nhà đầu tư, SSI tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu và đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Doanh thu 2012 của SSI đạt 849,29 tỷ đồng, tăng 0,15% so với năm 2011; lợi nhuận trước thuế đạt 487,3 tỷ đồng, tăng 285% so với năm 2011.

Nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng, SSI áp dụng chính sách thận trọng, chấp nhận lùi một bước về thị phần môi giới, duy trì vị trí số 1 trong thị phần môi giới khách hàng nước ngoài với trên 30% thị phần. Công tác phát triển khách hàng đạt tốc độ tăng trưởng ổn định, đến nay chúng tôi đã có gần 60.000 tài khoản giao dịch, trong đó gần 100 khách hàng tổ chức trong và ngoài nước mở mới tài khoản, và hơn 60% tài khoản mở mới trong năm đã thực hiện giao dịch. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, chúng tôi chủ trương đảm bảo an toàn nguồn vốn của Công ty, đảm bảo thanh khoản và an toàn tài sản tuyệt đối cho Nhà đầu tư. Năm 2012, nghiệp vụ Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính đạt tổng doanh thu 353,8 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra và đóng góp 42% vào tổng doanh thu của toàn Công ty.



Trong tháng 11/2012, Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM) đã thanh hoán thành công Quỹ Tầm Nhìn SSI. Được thành lập vào thời điểm thị trường chứng khoán bùng nổ, sau 05 năm hoạt động, Quỹ Tầm nhìn SSI đã hoàn lại hơn 90% tiền mặt cho các nhà đầu tư (bao gồm cả cổ tức đã trả). Năm 2012, SSIAM được nhận 02 giải thưởng "Công ty Quản lý quỹ tốt nhất của năm" do 02 tổ chức uy tín là The Asset và Asia Asset Management trao tặng; Tổng giám đốc SSIAM được bình chọn là Tổng giám đốc xuất sắc nhất của năm. SSIAM cũng đại diện cho SSI tham gia vào Hội đồng quản trị của 08 trong số 09 Công ty liên kết của SSI, và đã nỗ lực cùng các Công ty này xây dựng chiến lược phát triển lâu dài, bỏ qua những lợi ích ngắn hạn để vươn tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

Là một trong những công ty chứng khoán được thành lập đầu tiên, chúng tôi có nhiều cơ hội được trải nghiệm những thăng trầm và thay đổi của thị trường. Với vai trò và vị trí của một nhà tư vấn, một chuyên gia tài chính, một nhà tạo lập thị trường, chúng tôi thấu hiểu sâu sắc rằng một tổ chức chỉ có thể đứng vững trước mọi sóng gió khi họ "vững" từ gốc, "chặt" trong các mối liên kết và "bền" trên con đường phát triển. Với quan điểm chất lượng nhân sự là một trong những yếu tố tạo nên tính "vững, chặt, bền" đó, chúng tôi luôn quán triệt chính sách xây dựng một môi trường làm việc trong sạch, hiện đại, an toàn và bảo mật, một chế độ đãi ngộ thỏa đáng và cạnh tranh cho đội ngũ nhân viên SSI. SSI đã thực sự trở thành "mảnh đất rộng" cho những con người tài năng, có mong muốn cống hiến lâu dài và cam kết đồng hành cùng Công ty trên mọi chặng đường phát triển. Đào tạo những con người Tiềm năng thành những Tài năng, tạo cơ hội cho những Tài năng tỏa sáng là một trong những chính sách nhân sự đã, đang và sẽ được chúng tôi áp dụng tại SSI. Ngoài lợi ích mang lại cho Công ty và cán bộ nhân viên SSI, chúng tôi chủ trương đem đến những lợi ích rộng lớn hơn bằng việc quan tâm tới sự phát triển bền vững của môi trường và xã hội. Năm 2012, SSI là một trong những Công ty tuân thủ tuyệt đối nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách nhà nước, duy trì trong Top 10 các Doanh nghiệp niêm yết thực hiện nghiêm túc nhất quy định công bố thông tin minh bạch. Chúng tôi dành nhiều sự quan tâm cho công tác đền ơn đáp nghĩa, đầu tư giáo dục, xóa đói giảm nghèo ở các vùng núi và dân tộc thiểu số với mong ước góp sức xây dựng một xã hội Việt Nam văn minh, giàu mạnh.

Bước sang năm 2013, nhận định kinh tế toàn cầu vẫn tiếp tục trải qua nhiều khó khăn, và cơ hội cho sự bật dậy nhanh chóng của nền kinh tế là rất thấp. Những rủi ro trong năm 2012 sẽ vẫn còn tiếp diễn, như tình trạng nợ xấu, hiệu quả của khối doanh nghiệp nhà nước, tổng cầu yếu, rủi ro lạm phát, thâm hụt ngân sách và dư cung trên thị trường bất động sản. Tuy nhiên, nếu kế hoạch tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, doanh nghiệp nhà nước và đầu tư công được nhận diện đúng đắn sẽ tạo ra kết quả tích cực, làm tăng niềm tin của nhà đầu tư và cải thiện hoạt động của thị trường chứng khoán.

Với kế hoạch đồng hành và phát triển cùng các Công ty liên kết, chúng tôi sẽ giúp các doanh nghiệp liên kết phát huy các lợi thế sẵn có để phát triển nhanh và bền vững. Tận dụng lợi thế cơ bản của thị trường trong nước như chi phí lao động thấp, nhu cầu đa dạng với dân số và thu nhập ngày càng tăng, doanh thu bán lẻ hàng hóa nội địa đã tăng từ 50% GDP năm 2000 lên đến 78% GDP năm 2012, SSI và các Công ty liên kết đã nhanh chóng lập chiến lược phát triển cho những năm tới. Theo đó, bên cạnh việc duy trì thị trường xuất khẩu, các doanh nghiệp liên kết tập trung khai thác tiềm năng của thị trường nội địa, nâng cao hiệu quả quy trình sản xuất và chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng và tính đa dạng của sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu dùng trong nước ngày càng tăng cao.

Nhận thức rất rõ những khó khăn trong thời gian tới, với thông điệp năm 2013 "**Đồng hành và phát triển cùng các Đối tác**", chúng tôi đã chuẩn bị nguồn lực, sẵn sàng đối mặt với những thách thức, nắm bắt và hiện thực hóa các cơ hội để SSI tiếp tục lớn mạnh, hòa nhập trong sự phát triển bền vững của Xã hội và Cộng đồng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và các Cơ quan chức năng đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng SSI, cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên công ty vì những đóng góp, sáng tạo và nỗ lực của các bạn để cùng SSI vượt qua những thách thức, khó khăn, cùng chung sức xây dựng Công ty ngày một vững mạnh.

Thay mặt cho toàn thể nhân viên, tôi cam kết SSI sẽ nỗ lực hơn nữa để tiếp tục mang lại lợi ích thiết thực cho Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác, đồng thời tiếp tục đóng góp cho sự phát triển chung của Cộng đồng Xã hội.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Vị,

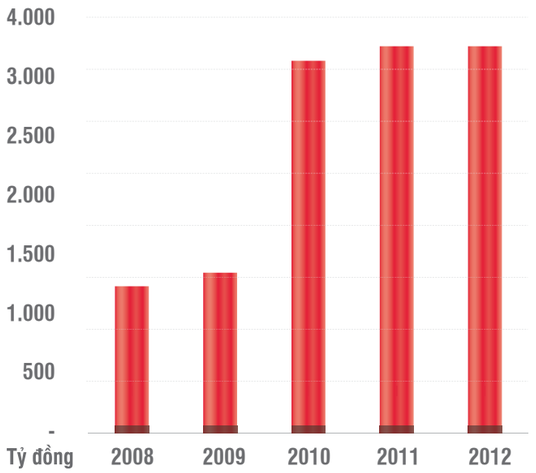
TP. HCM ngày 10/04/2013
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Nguyễn Duy Hưng

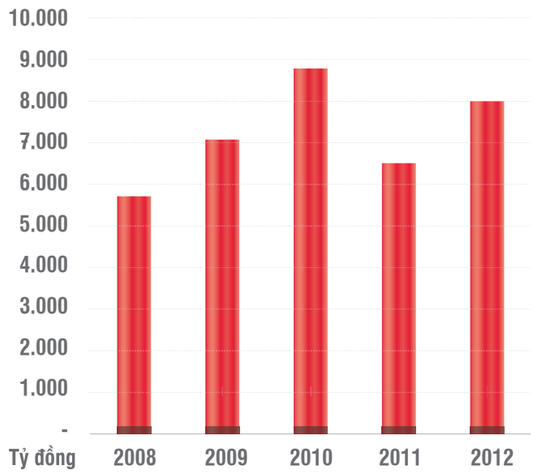
CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN NĂM 2012

KẾT QUẢ KINH DOANH	2010	2011	2012
Doanh thu thuần (VNĐ)	1.503.616.689.880	848.042.922.890	849.294.221.184
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (VNĐ)	899.895.527.639	163.330.324.796	376.778.240.068
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	902.819.486.257	126.604.379.877	487.258.631.205
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	689.469.002.878	82.753.235.555	465.492.437.791
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN	**2010**	**2011**	**2012**
Tổng tài sản (VNĐ)	8.792.894.565.983	6.507.513.198.854	7.980.875.901.875
Vốn điều lệ (VNĐ)	3.511.117.420.000	3.526.117.420.000	3.526.117.420.000
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	350.711.972	348.408.905	349.577.749
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	5.459.312.028.182	5.080.665.298.616	5.191.573.047.865
CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	**2010**	**2011**	**2012**
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	72,40%	49,54%	60,61%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	27,60%	50,46%	39,39%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	37,08%	20,75%	34,95%
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	62,09%	78,07%	65,05%
TỶ SUẤT LỢI NHUẬN	**2010**	**2011**	**2012**
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	7,84%	1,27%	5,83%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	12,63%	1,63%	8,97%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	19,64%	2,35%	13,20%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	45,85%	9,76%	54,81%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) (VNĐ)	1.982	227	1.328

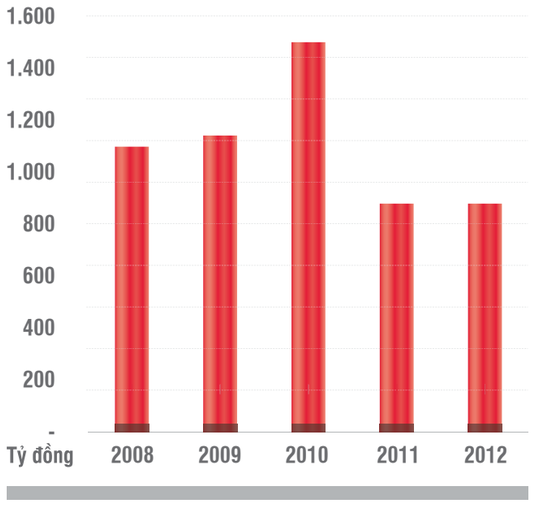
Vốn điều lệ



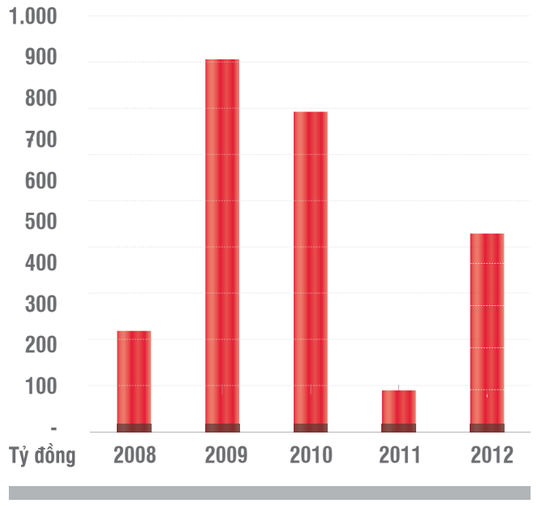
Tổng tài sản



Doanh thu thuần



Lợi nhuận sau thuế



TỔNG QUAN SSI

12 năm - Một chặng đường tìm tòi và phát triển



TẦM NHÌN
SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN: CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG

SSI hoạt động dựa trên tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công”.

Điều cốt lõi ở các sản phẩm và dịch vụ của SSI là nỗ lực đem lại thành công cho khách hàng, cộng sự và các đối tác. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng

SỨ MỆNH: KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

SSI được thành lập với mục đích gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính.

Sứ mệnh này luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sẵn sàng giải pháp: Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

Sâu sát chuyên môn: Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kỹ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kì vọng ở SSI.

In dấu sáng tạo: Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1999 - 2000

30/12/1999: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại TP. HCM và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ.

07/2000: Tư vấn niêm yết cho SAM (Công ty CP Đầu tư & Phát triển Sacom) – một trong hai công ty đầu tiên niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam (TTCKVN).

2001

02/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 9.000.000.000 VNĐ.

07/2001: Tư vấn niêm yết và huy động tăng vốn cho Công ty CP Cơ điện lạnh (REE), là công ty đầu tiên tăng vốn qua thị trường chứng khoán.

07/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán.

2002

07/2002: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.

2004

04/2004: SSI tăng vốn điều lệ lên 23.000.000.000 VNĐ.

2005

02/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 26.000.000.000 VNĐ, và mở rộng hoạt động với 5 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán và Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán.

03/2005: Tư vấn thành công đợt IPO của VSH (Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh) – Công ty thủy điện đầu tiên thực hiện IPO trên TTCKVN.

06/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ, trong đó nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành Chứng khoán là nghiệp vụ được bổ sung.

2006

02/2006: SSI tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 VNĐ.

05/2006: SSI tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 VNĐ .

09/2006: SSI tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 VNĐ.

11/2006: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCKVN cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường.

12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2007

04/2007: Thực hiện thành công đợt IPO cho DPM (Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí), là đợt IPO có khối lượng cổ phần chào bán lớn nhất từ khi TTCKVN thành lập tính đến 2007.

06/2007: Thực hiện thành công đợt chào bán riêng lẻ lớn nhất đối với công ty tư nhân cho MPC (Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú).

07/2007: ANZ trở thành cổ đông chiến lược của SSI.

07/2007: SSI tăng vốn điều lệ lên 799.999.170.000 VNĐ.

08/2007: Công ty Quản lý Quỹ SSI, công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập .

10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh).

11/2007: Thành lập Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên nội địa với quy mô 1.700.000.000.000 VNĐ – quỹ đầu tư nội địa có quy mô lớn nhất và thuộc tốp 10 quỹ đầu tư có giá trị lớn nhất trên thị trường.

2008

03/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.199.998.710.000 VNĐ.

04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ.

06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI.

12/2008: Thực hiện đợt đấu giá thành công nhất năm 2008 cho Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietin Bank) .

2009

01/2009: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.533.334.710.000 VNĐ.

07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài.

09/2009: SSI chính thức thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu với tầm nhìn mới, diện mạo mới.

10/2009: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi lớn nhất năm 2009 cho Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG).

11/2009: Hội thảo "Gateway to Vietnam" lần đầu do SSI và Euromoney đồng tổ chức gây tiếng vang lớn thu hút hàng trăm nhà đầu tư trong nước và quốc tế tham dự, đã giới thiệu một cách thuyết phục các cơ hội đầu tư tiềm năng tại VN.

11/2009: Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) và Daiwa SMBC Capital ký thỏa thuận thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư DSCAP-SSIAM Vietnam Growth Investment Fund LLC – quỹ nước ngoài duy nhất tại VN đến thời điểm này.

2010

03/03/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.755.558.710.000 VNĐ.

03/2010: Tư vấn thành công đợt chào mua công khai đầu tiên trên TTCKVN giữa Công ty CP Thủy sản Hùng Vương (HVG) và Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGF).

05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ.

2011

05/2011: Cùng với Credit Suisse, SSI đã tư vấn phát hành thành công trái phiếu quốc tế lãi suất cao đầu tiên trên thị trường của HAG với tổng giá trị huy động là 90 triệu USD. Đây là lần đầu tiên một doanh nghiệp tư nhân VN tham gia huy động thành công vốn trên thị trường vốn quốc tế.

07/2011: Tư vấn thành công đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) của Petrolimex – đợt IPO thành công lớn thứ nhì của năm 2011 về giá trị vốn huy động.

2012

30/01/2012: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.526.117.420.000 VNĐ.

06/2012: SSI tiếp tục có những cải tiến trong công nghệ, nổi trội là việc trở thành công ty chứng khoán Việt Nam đầu tiên liên kết thành công đến 2 mạng giao dịch toàn cầu Bloomberg và Reuters trên nền phần mềm SSI tự phát triển.

11/2012: Quỹ tầm nhìn SSI (SSIVF) chấm dứt hoạt động khi hết hạn 5 năm hoạt động.

01/03/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên

3.537.949.420.000 VNĐ

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- Sản phẩm, dịch vụ cơ bản đối với chứng khoán niêm yết như Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; và Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết.
- Sản phẩm dịch vụ tài chính Giao dịch ký quỹ (margin) và Hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán.
- Sản phẩm Dịch vụ giao dịch điện tử gồm có Smart Trading, Web Trading, Contact Center, SMS.
- Sản phẩm Báo cáo nhận định thị trường, Phân tích ngành, Phân tích cổ phiếu, Tổ chức đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư.…đáp ứng nhu cầu của khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân.

QUẢN LÝ QUỸ

- Quản lý Quỹ đầu tư bao gồm các hoạt động Huy động và Quản lý các quỹ đầu tư trong nước, các quỹ đầu tư nước ngoài.
- Quản lý danh mục đầu tư bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ và Quản lý danh mục đầu tư chỉ định cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Tư vấn đầu tư bao gồm Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- Tư vấn tài chính doanh nghiệp: Định giá doanh nghiệp, Tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Mua bán & sáp nhập (M&A), Chia tách giải thể doanh nghiệp…
- Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước bao gồm thị trường chứng khoán và thị trường nợ: Tư vấn cổ phần hóa, Tư vấn và bảo lãnh phát hành (phát hành lần đầu ra công chúng, phát hành riêng lẻ), Tư vấn niêm yết, Tư vấn phát hành các sản phẩm cấu trúc và phái sinh.

NGUỒN VỐN & KINH DOANH TÀI CHÍNH

- Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Ủy thác, Repo trái phiếu, Mua bán giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác.
- Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành trái phiếu.
- Dịch vụ thiết kế, xây dựng các sản phẩm cấu trúc linh hoạt để tận dụng tối đa các nhu cầu vay vốn cũng như đầu tư vốn của khách hàng với mức lãi suất hấp dẫn và thời hạn phù hợp.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

COUNTRY AWARDS FOR ACHIEVEMENT
FinanceAsia

"Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam" trong bốn năm liên tiếp 2008 – 2009 – 2010 – 2011
"Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam" trong bốn năm liên tiếp 2008 – 2009 - 2010 – 2012
"Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam" trong hai năm liên tiếp 2010 – 2011

Asian Investor

"**Công ty Quản lý Quỹ Nội địa hoạt động hiệu quả nhất tại Việt Nam**" do tạp chí Asian Investor trao tặng năm 2010

Alpha Southeast Asia

"Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam" năm 2011
"Nhà Tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam" năm 2011
"Nhà Môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam" năm 2011
"Thương vụ Tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Đông Nam Á" năm 2011

ASSET ASIA AWARDS – The Asset – TRIPLEA

"Ngân hàng Đầu tư nội địa tốt nhất Việt Nam" trong hai năm liên tiếp 2011 - 2012
"Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam" trong hai năm liên tiếp 2011 - 2012
"Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam" năm 2012

Asia Asset Management
THE JOURNAL OF INVESTMENTS & PENSIONS

"Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam" năm 2012
"Tổng Giám đốc của năm 2012" cho bà Lê Lệ Hằng – Tổng giám đốc công ty Quản lý Quỹ SSI

CÁC GIẢI THƯỞNG KHÁC

Huân chương Lao động Hạng Ba cho những thành tích xuất sắc trong xây dựng & phát triển Thị trường Chứng khoán giai đoạn 2000 – 2010

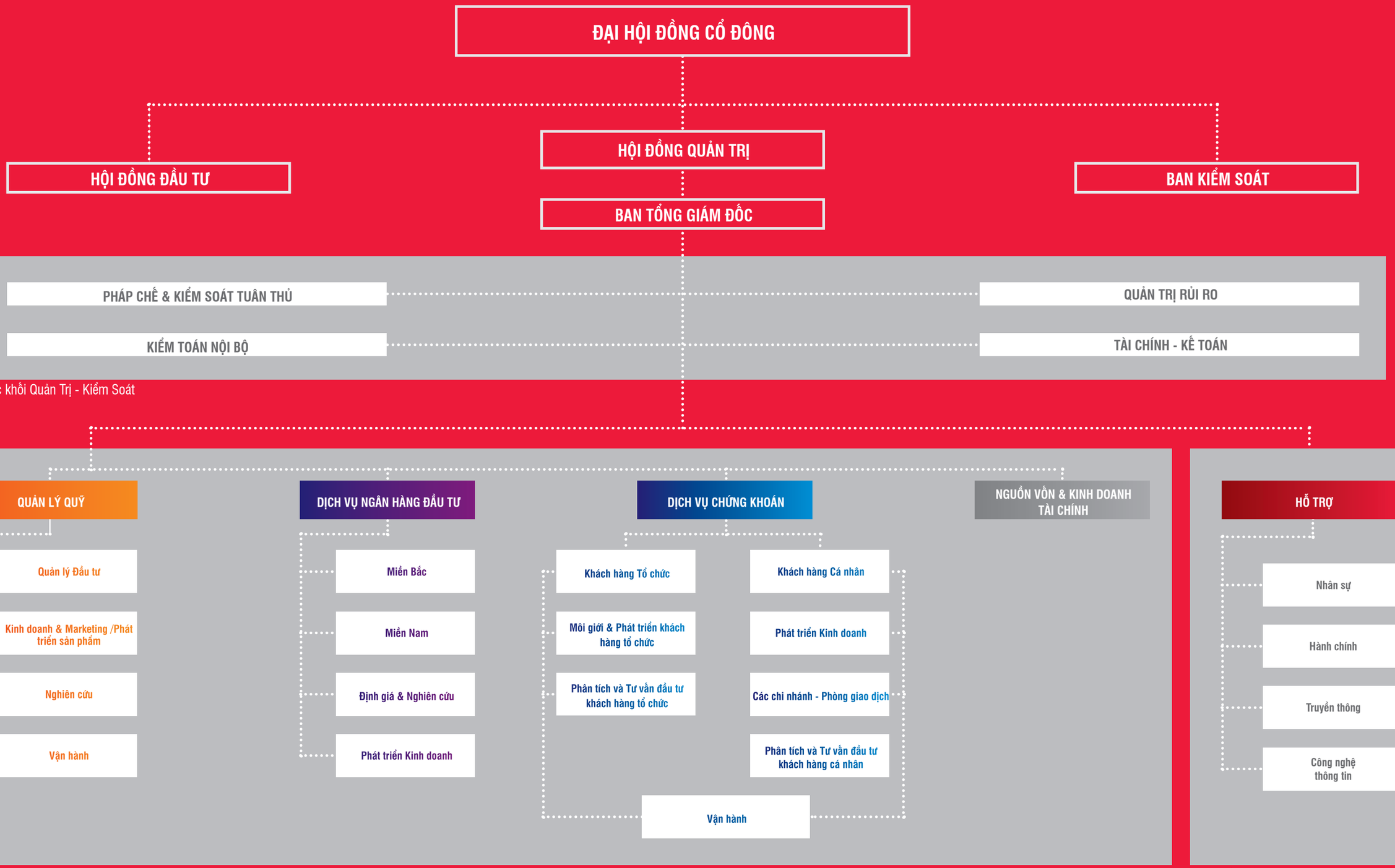
Tốp 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) trong 5 năm liên tiếp 2008 – 2009 – 2010 – 2011 – 2012

Tốp 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) trong hai năm 2010 - 2012

Đứng thứ 2 trong số 5 doanh nghiệp niêm yết dẫn đầu về công tác quan hệ với nhà đầu tư (Investor Relations – IR) năm 2012 theo khảo sát của Vietstock

Một trong 10 doanh nghiệp niêm yết thực hiện nghiêm túc nhất quy định công bố thông tin minh bạch theo khảo sát của Vietstock

CƠ CẤU TỔ CHỨC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ Tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc SSI.

Ông là người sáng lập SSI.



Ông Ngô Văn Điểm

Ủy Viên HĐQT

Ông Điểm có bề dày kinh nghiệm hơn 30 năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ. Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí như Chánh Văn phòng Uỷ Ban Nhà nước về Hợp tác đầu tư, Vụ trưởng Hội đồng thẩm định nhà nước, Vụ trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam và Phó trưởng ban Ban nghiên cứu của Thủ tướng đặt tại Văn phòng Chính phủ. Ông Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.



Ông Nguyễn Hồng Nam

Ủy Viên HĐQT

Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.



Bà Đàm Bích Thủy

Ủy Viên HĐQT

Bà Thủy hiện nay là Phó Chủ tịch Ngân hàng ANZ, khu vực Mê-kông. Bà có nhiều năm kinh nghiệm làm Giám đốc Ban tài nguyên Thiên nhiên, cho vay tài trợ theo Dự án khu vực Châu Á tại Ngân hàng Đầu tư ANZ Singapore, thành viên Tập đoàn Tài chính ANZ. Bà Thủy là Thạc Sỹ Quản trị Kinh doanh của Trường Đại học Kinh doanh Wharton.



Ông Bùi Quang Nghiêm

Ủy Viên HĐQT

Ông Nghiêm hiện nay là Giám đốc Công ty Luật Hợp danh Nghiêm & Chính, Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư TP. HCM. Ông Nghiêm tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Halle - CHDC Đức



Ông Masami Tada

Ủy Viên HĐQT

Ông Masami Tada hiện đang là Chủ tịch công ty Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited. Là thành viên đã gắn bó nhiều năm với tập đoàn Daiwa, ông còn nắm giữ nhiều vị trí chủ chốt trong Hội đồng quản trị các tổ chức thành viên khác như: Daiwa Capital Markets Trading Hong Kong Limited, Daiwa Capital Markets Investments Asia Limited, Daiwa Capital Markets Investments Hong Kong Limited v.v... Ông Masami Tada là Cử nhân Luật của trường Đại học Waseda Nhật Bản.



Ông Alistair Marshall Bulloch

Ủy Viên HĐQT

Ông Alistair hiện là Giám đốc điều hành và Cố vấn cao cấp khu vực châu Á - Thái Bình Dương, châu Âu và Mỹ của ngân hàng ANZ. Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng.

Họ và tên	Chức danh	Mức độ độc lập (*)	Nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Thành viên HĐQT kiêm chức danh điều hành, người có liên quan của cổ đông lớn Công ty TNHH NDH Việt Nam. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 01/11/1999 Bầu lại ngày 27/9/2003 Bầu lại ngày 28/4/2010
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	Được bầu ngày 21/4/2007 Bầu lại ngày 20/4/2012
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Thành viên HĐQT kiêm chức danh điều hành. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 01/11/1999 Bầu lại ngày 24/4/2009
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Thành viên HĐQT không điều hành, người có liên quan của cổ đông lớn - Ngân hàng ANZ (Australia and New Zealand Banking Group) Không sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 24/4/2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 24/4/2009
Ông Masami Tada	Ủy viên	Thành viên HĐQT không điều hành, người có liên quan của cổ đông lớn – Công ty Chứng khoán Daiwa (Daiwa Securities Group Inc) Không sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 20/4/2012
Ông Alistair Marshall Bulloch	Ủy viên	Thành viên HĐQT không điều hành, người có liên quan của cổ đông lớn – Ngân hàng ANZ (Australia and New Zealand Banking Group) Không sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bổ nhiệm ngày 19/10/2010 và chấp thuận bởi ĐHĐCĐ ngày 28/4/2011

(*) Ghi chú: Thành viên HĐQT độc lập được xác định căn cứ điểm 3 Điều 2 Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Khải

Ông Khải tham gia vào Ban Kiểm soát SSI từ năm 1999 và liên tục được tín nhiệm bầu là Trưởng Ban Kiểm soát qua các nhiệm kỳ.

Ông Khải là người có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp và hiện là Tổng giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình - Pan Pacific, một công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, thương mại và dịch vụ vệ sinh công nghiệp.



Ông Đặng Phong Lưu

Ông Lưu là thành viên Ban Kiểm soát SSI từ năm 2005. Ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Chi Nhánh Tân Bình - Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB). Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ông tốt nghiệp Đại Học Ngân Hàng, Thành phố Hồ Chí Minh



Bà Hồ Thị Hương Trà

Bà Trà là thành viên của Ban Kiểm soát SSI từ năm 2007. Bà Trà có kinh nghiệm trên 14 năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN. Bà Trà từng làm ở bộ phận kế toán và nay là Phó phòng Quản lý nợ của Hội sở Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Bà Trà là cử nhân của Trường Đại học Tài chính kế toán.

Họ và tên	Chức danh	Mức độ độc lập	Nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 01/11/1999 Bầu lại ngày 08/4/2006 Bầu lại ngày 28/4/2011
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 26/3/2005 Bầu lại ngày 28/4/2010
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	Được bầu ngày 21/4/2007 Bầu lại ngày 20/4/2012



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Ban Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ Tịch Kiêm Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Hồng Nam
Phó Tổng Giám Đốc

Các Khối Quản Trị - Kiểm Soát



Ông Nguyễn Kim Long
GĐ Luật & Kiểm Soát Nội Bộ



Ông Trần Dương Anh Việt
GĐ Kiểm Toán Nội Bộ



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
GĐ Tài Chính



Ông Michael Rosen
GĐ Chiến lược



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế Toán Trưởng

Các Khối Kinh Doanh

QUẢN LÝ QUỸ



Bà Lê Thị Lệ Hằng
Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Khắc Hải
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Phạm Trường Sơn
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám Đốc



Bà Nguyễn Ngọc Anh
Giám Đốc phụ trách phía Bắc



Ông Nguyễn Phan Dũng
Giám Đốc Đầu Tư

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Ông David C. Kadarauch
Giám Đốc Khối

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN



Ông Bùi Thế Tân
Giám Đốc Khối



Ông Mai Hoàng Khánh Minh
Phó Giám Đốc Khối
Phụ trách Môi Giới KHTC



Bà Hoàng Thị Xuân
Phó Giám Đốc Khối
Phụ Trách Nghiệp Vụ
Giám Đốc GD ĐT



Ông Phạm Ngọc Bích
Giám Đốc Khối
Phụ trách Phát triển KHTC



Bà Đỗ Thị Thanh Thúy
Phó Giám Đốc Khối
Phụ trách Phát triển Kinh Doanh



Ông Nguyễn Duy Khoa
Giám Đốc MG KHCN



Bà Hoàng Việt Phương
Giám Đốc PT&TVĐT
Khách Hàng Tổ Chức



Ông Nguyễn Đức Hùng Linh
Giám Đốc PT&TVĐT
Khách Hàng Cá Nhân

NGUỒN VỐN & KD TÀI CHÍNH



Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương
Giám đốc Khối

Các Khối Hỗ Trợ



Bà Đoàn Ngọc Ly Ly
Giám Đốc Nhân Sự



Bà Lương Lan My
Giám Đốc Truyền Thông



Ông Bùi Việt Dũng
Giám Đốc CNTT



Bà Trần Thu Trang
Giám Đốc Hành Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

2012 - Một năm phát triển bền vững



TỔNG QUAN KINH TẾ NĂM 2012



GDP năm 2012 tăng 5,03% so với năm trước, chủ yếu nhờ hoạt động xuất khẩu đạt kết quả khả quan: Sau 20 năm, kể từ năm 1992 là lần đầu tiên Việt Nam đạt thặng dư thương mại, cán cân thương mại lại thặng dư lần thứ hai vào năm 2012 và đây chính là động lực tăng trưởng chính cho GDP. Nếu không tính tác động của xuất siêu tới tăng trưởng GDP, con số tăng trưởng thực tế sẽ thấp hơn năm 2011. Một mặt, xuất khẩu của Việt Nam trở thành một điểm sáng khi tăng tới 20% so với năm trước. Mặt khác, nhập khẩu sụt giảm là một tín hiệu đáng báo động và ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế chung bởi nhập khẩu cung cấp đầu vào cho cả sản xuất và tiêu dùng. Nhập khẩu giảm thể hiện hoạt động sản xuất yếu và cầu thấp. Đáng chú ý là nhập khẩu của các doanh nghiệp trong nước giảm 6,7% so với năm 2011. Các số liệu khác cũng không mấy tích cực, tăng trưởng tổng mức bán lẻ (loại trừ yếu tố lạm phát) đạt 6,2% trong cả năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 4,8% và mức tồn kho tăng 20,1% so với năm trước. Kết quả này đã khiến cho việc thực hiện kế hoạch 5 năm (giai đoạn 2011 - 2015) với mức tăng trưởng GDP bình quân là 6,5 - 7% trở nên khó khăn hơn.

Tỷ giá VND/USD tự do 2011-2013



Nguồn: Reuters

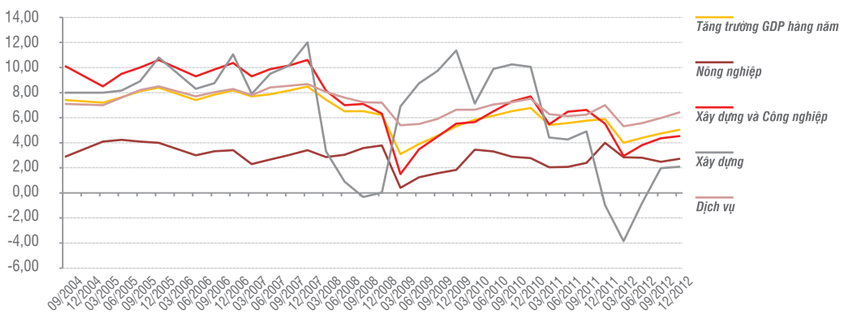
Một trong những điểm sáng của năm 2012 là việc đồng VND được duy trì ổn định với cán cân thanh toán đạt thặng dư khoảng 10 tỷ USD trong năm 2012 (cao hơn nhiều mức thặng dư 3 tỷ USD trong năm 2011), nhờ thặng dư tài khoản thương mại. Dự trữ ngoại hối năm 2012 đạt khoảng 25 tỷ USD, gấp đôi năm 2011.

Lạm phát cũng đạt kết quả tích cực trong năm 2012. CPI năm 2012 giảm mạnh xuống 6,81% so với mức 18% trong năm 2011. Các thành phần chính làm tăng chỉ số giá tiêu dùng 2012 là dược phẩm (2,53%/6,81%), giáo dục (0,98%/6,81%) và nhà ở & vật liệu xây dựng (0,91%/6,81%, bao gồm cả điện) trong khi lương thực và thực phẩm thường là thành phần tăng mạnh nhất trong những năm trước. Một điều đáng lưu ý là chính sách thắt chặt tiền tệ và tài khóa đã được thực hiện quyết liệt trong nửa đầu năm 2012, và vào nửa cuối năm, sức mua yếu là nguyên nhân chính giúp kiềm chế CPI ở mức thấp.

Tình trạng nợ xấu đã khiến tăng trưởng tín dụng giảm: Lần đầu tiên nợ xấu trong hệ thống ngân hàng được báo cáo ở mức 8-10% (trước đó chỉ khoảng 3%) và tỷ lệ thực tế còn có thể cao hơn đối với các ngân hàng nhỏ. Thị trường bất động sản là một trong những nhân tố quan trọng nhất làm tăng tỷ lệ nợ xấu với khoảng 70% tổng dư nợ có liên quan hoặc được thế chấp bằng bất động sản.

Nợ xấu và rủi ro hệ thống của hệ thống ngân hàng đã trở thành tiêu điểm của năm 2012, một phần do có nhiều vụ sai phạm bị phát hiện và một số nhân vật giữ vị trí quan trọng trong hệ thống ngân hàng bị bắt giữ. Trước tình hình rủi ro nghiêm trọng, một số ngân hàng thậm chí còn yêu cầu thế chấp khi cho vay trên thị trường liên ngân hàng. Điều này dẫn đến tình trạng các

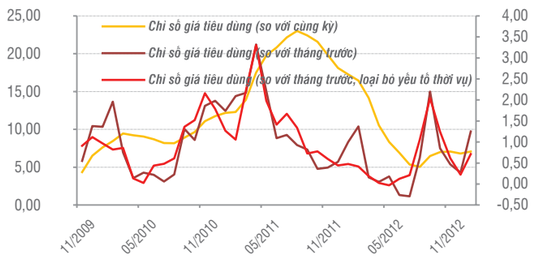
Tăng trưởng GDP hàng quý, tính theo ngành, tính từ đầu năm, 2004-2012 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

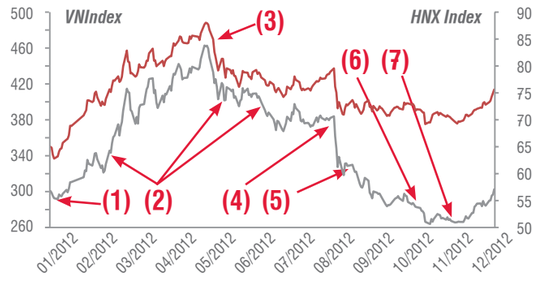


Chỉ số giá tiêu dùng 2009-2013 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê, SSI Research

Biến động của VNIndex & HNXIndex

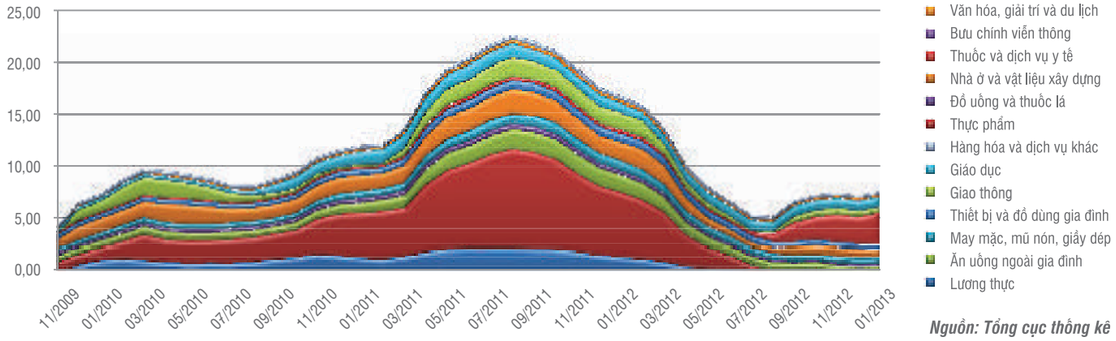


Nguồn: Bloomberg

Thuyết minh biểu đồ: Biến động của VNIndex & HNXIndex

(1) EIB thông báo mua STB, bắt đầu thương vụ sáp nhập	**(5)** Moody's hạ định mức tín nhiệm với các NH lớn
(2) Giảm lãi suất 1%	**(6)** ACB lỗ trong kinh doanh vàng, cựu chủ tịch STB bị triệu tập
(3) Thông báo nợ xấu 8.6% vào quý 1/2013	**(7)** Chính phủ ban hành các gói giải pháp cứu thị trường bất động sản
(4) Ông Nguyễn Đức Kiên bị bắt	

CPI theo từng thành phần, 2009-2013 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê

ngân hàng lớn có thừa thanh khoản nhưng không thể hoặc không muốn cho vay trong khi các ngân hàng nhỏ yếu kém rơi vào tình trạng thiếu hụt thanh khoản, thậm chí đối mặt với nguy cơ mất khả năng thanh toán. Tăng trưởng tín dụng thấp là do các nguyên nhân phát sinh từ cả cung và cầu tín dụng (Nguồn vốn của các ngân hàng không còn dồi dào, các doanh nghiệp không mặn mà với việc vay vốn kinh doanh). Tăng trưởng tín dụng trong năm 2012 đạt 8,91% so với năm trước, rất thấp so với giai đoạn trước đó với mức tăng 20-30%.

Thắt chặt tài khóa trong bối cảnh một cuộc khủng hoảng nợ. Cầu yếu dẫn tới thu ngân sách thấp và áp lực lên chi ngân sách. Phương pháp Việt Nam dùng để tính toán thâm hụt ngân sách khá khác so với chuẩn quốc tế (IMF's Government Finance Statistics manual).Thứ nhất, thanh toán nợ gốc nợ nước ngoài được tính vào. Thứ hai, chi tiêu của Chính phủ không bao gồm giải ngân trái phiếu Chính phủ (cả trong nước và quốc tế), do đó đã tạo ra sự chênh lệch. Số liệu công bố cho thấy thâm hụt tài khóa năm 2012 đạt khoảng 162,6 nghìn tỷ đồng. Bộ Tài chính cũng công bố có một khoản thu kết chuyển từ năm 2011 sang năm 2012 đạt 22,4 nghìn tỷ đồng, do đó, thâm hụt ngân sách thực tế chỉ là 140,2 nghìn tỷ (162,6 nghìn tỷ trừ đi 22,4 nghìn tỷ), vừa bằng mức trần thâm hụt ngân sách 4,8%. Nếu không tính 58,85 nghìn tỷ thanh toán nợ gốc nợ nước ngoài từ nguồn chi ngân sách, mức thâm hụt ngân sách chỉ là 2,76% GDP. Tuy nhiên, nếu tính cả trái phiếu Chính phủ và sử dụng nợ trong năm 2012, mức thâm hụt sẽ vào khoảng 6% GDP (theo GFS). Mặc dù chưa đến mức báo động (năm 2009 lên tới 8,48%), con số này vẫn khá cao và đáng suy nghĩ để ngăn ngừa những tác động xấu tới sức khỏe tài chính của Việt Nam.

Phản ứng chính sách vẫn còn thận trọng: Đã có rất nhiều gói kích thích cũng như các giải pháp hỗ trợ được đưa ra cho thị trường bất động sản, các giải pháp đối với tình trạng nợ xấu và hàng tồn kho tăng cao và tái cơ cấu kinh tế (đặc biệt trong hệ thống ngân hàng, đầu tư công và các doanh nghiệp nhà nước). Tuy nhiên, chưa có nhiều chính sách được thực hiện.Từ nửa cuối năm 2012, niềm tin vào sự phục hồi của nền kinh tế đã giảm sút, một phần do tác động bởi một số vụ sai phạm trong hệ thống ngân hàng được công bố.

Trên Thị trường chứng khoán Việt Nam, trong năm 2012 VN Index có tính phân kỳ rõ ràng. Trong 5 tháng đầu năm, chỉ số này tăng tới gần mốc 500 điểm với sự tham gia tích cực của cả nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước do kỳ vọng vào sự phục hồi của nền kinh tế, tín hiệu lạm phát giảm và lãi suất điều hành giảm 3 lần.Sau đó, thị trường điều chỉnh mạnh, và phục hồi vào tháng 8 và nhanh chóng tuột dốc sau khi các vấn đề sai phạm tại ACB được công bố. Sau khi rơi xuống dưới mức 380 điểm (mất khoảng 23% so với mức đỉnh), VN Index tăng trở lại vào cuối năm 2012 khi Chính phủ chính thức công bố một loạt giải pháp nhằm khôi phục nền kinh tế trong năm 2013. Nhìn chung cả năm, VN Index đóng cửa ở mức 413,13 điểm vào ngày 28/12, tăng 17,69% hay 62,18 điểm. Trên sàn HNX, chỉ số có diễn biến tương tự trong năm nhưng biến động mạnh hơn, giảm 0,9% so với năm trước xuống mức 57,09 điểm. Về thanh khoản, cả hai sàn đều có sự cải thiện; giá trị giao dịch trung bình tăng 28% so với năm trước. Giá trị vốn hóa tăng lên 765 nghìn tỷ đồng (36,7 tỷ USD, tăng 34,44%) tương đương 26% GDP.

Nhà đầu tư nước ngoài giao dịch khá tích cực trong năm 2012. Cả khối lượng và giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài đều tăng, và họ mua ròng khoảng 4,6 nghìn tỷ đồng trong năm 2012 (chủ yếu trên sàn HOSE với 3,35 nghìn tỷ, gần gấp ba số liệu năm 2011). Ủy ban chứng khoán Nhà nước ước tính có khoảng 2 tỷ USD đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong năm 2012 (tăng 10% so với năm trước, cả trên thị trường niêm yết và OTC).



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp theo định kỳ, ngoài ra HĐQT còn họp thông qua hệ thống Tele-conference nội bộ để kịp thời cập nhật thông tin, định hướng hoạt động của Công ty phù hợp với sự biến động của thị trường. Vai trò của các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành được chú trọng nhiều hơn nhằm vươn tới những chuẩn mực quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất, được cơ quan quản lý và các tổ chức quốc tế khuyến cáo thực hiện.

Mục đích của chủ trương nhằm bảo vệ tốt hơn nữa quyền lợi của cổ đông, và tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan.

HĐQT đã cử ông Ngô Văn Điểm, thành viên HĐQT độc lập không điều hành, chịu trách nhiệm trực tiếp giám sát công tác điều hành của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý; báo cáo HĐQT kết quả giám sát, đánh giá độc lập về hiệu quả điều hành của Ban Tổng giám đốc. Ông Điểm có trách nhiệm cập nhật các thông tin nêu trên trong báo cáo hoạt động hàng tháng của HĐQT; phối hợp với Ban Kiểm soát để giám sát việc thực hiện các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Quyết định của HĐQT, điển hình là các công tác:

- Việc hợp nhất báo cáo tài chính với các công ty liên kết theo chiến lược đầu tư dài hạn;
- Rà soát, củng cố hoạt động quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định mới về tổ chức, hoạt động của công ty chứng khoán;
- Trong tháng 8/2012, đại diện của HĐQT trực tiếp kiểm tra, làm việc với Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Hải Phòng.

Ông Bùi Quang Nghiêm, thành viên HĐQT độc lập và không điều hành là người thẩm định và cho ý kiến về mặt pháp lý đối với các kế hoạch, đề xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc trình lên HĐQT. Với kinh nghiệm làm việc lâu năm trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, ông Nghiêm đã có những đóng góp quý báu trong công tác điều hành của HĐQT năm 2012, giúp cho Công ty hoạt động an toàn và phòng tránh tốt rủi ro pháp lý.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2012:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2012/NQ-HĐQT	04/01/2012	Đóng cửa chi nhánh Quảng Ninh
2	02/2012/NQ-HĐQT	05/01/2012	Sửa đổi Điều 5.1 Điều lệ để cập nhật số vốn điều lệ mới sau khi phát hành 1.500.000 cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt
3	03/2012/NQ-HĐQT	08/10/2012	Thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và lịch chi trả cổ tức năm 2011
4	04/2012/NQ-HĐQT	25/12/2012	Hướng dẫn chi tiết việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

HĐQT chưa thành lập các Tiểu ban phụ trách vấn đề chuyên biệt. Theo kế hoạch hoạt động trong năm 2013, HĐQT sẽ lập các Tiểu ban phụ trách các vấn đề về Nhân sự, Đãi ngộ, Kiểm toán nội bộ, Quản trị rủi ro hoặc cử thành viên HĐQT phụ trách chuyên trách về các vấn đề này.

Danh sách thành viên HĐQT đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty được trình bày tại trang 169 của Báo cáo này.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát (BKS) đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2012, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ, kiểm tra việc lập báo cáo tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính năm.

Trong năm 2012, BKS đã họp hai lần và thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến qua email, điện thoại. Cuộc họp BKS tháng 8/2012 đã thảo luận về các nội dung:

- Xem xét kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm do Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình HĐQT tại cuộc họp HĐQT tháng 10/2012;
- Giám sát thực hiện Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ;
- Giám sát hoạt động của HĐQT
- Báo cáo tình hình giải quyết kiến nghị của cổ đông.

Các hoạt động chính của BKS trong năm 2012 như sau:

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông.

Hoạt động của Công ty trong năm 2012 tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ, Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Các cán bộ quản lý, cổ đông nội bộ tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu SSI. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012 được thực hiện đầy đủ, chính xác.

BKS đã trực tiếp tham gia giám sát quá trình chi trả cổ tức, phát hành cổ phiếu cho nhân viên năm 2013 theo NQ số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên để bảo đảm việc phát hành được thực hiện đúng đối tượng, đúng mục đích.

Tuy nhiên, BKS cũng ghi nhận hiện tượng chậm trễ trong việc công bố báo cáo tài chính hợp nhất các quý và đã yêu cầu Tổng Giám đốc có ý kiến giải thích và phương án khắc phục.

BKS ghi nhận khó khăn thực tế của Công ty khi phải lập báo cáo tài chính hợp nhất số liệu của nhiều công ty liên kết có cùng thời hạn công bố báo cáo tài chính. BKS kiến nghị Tổng Giám đốc, HĐQT có phương án khắc phục vấn đề này.

Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
BKS ghi nhận nỗ lực của HĐQT, Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò quản lý và điều hành Công ty, bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và của khách hàng trong một năm thị trường chứng khoán có nhiều khó khăn, rủi ro cho cả công ty chứng khoán và nhà đầu tư. Đến nay, BKS chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

BKS cũng đánh giá cao sự hợp tác, hỗ trợ của HĐQT, Tổng Giám đốc đối với BKS để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng của mình. BKS đều nhận được đầy đủ tài liệu, thư mời tham dự các cuộc họp của HĐQT và đã cử người tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT.

Kết quả giải quyết các kiến nghị của Cổ đông đối với Công ty
Đến nay, BKS không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của công ty.

Thay đổi nhân sự:
Thay đổi nhân sự trong Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng:

- Trong năm 2012 Công ty có sự thay đổi thành viên HĐQT, ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 đã miễn nhiệm ông Yoshio Urata ngày 20/4/2012, đồng thời bầu bổ sung ông Masami Tada.
- ĐHĐCĐ thường niên 2012 đã bầu lại bà Hồ Thị Hương Trà vào BKS sau khi hết nhiệm kỳ 2007 - 2012
- Không có sự thay đổi nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ



Bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB) ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố công tác quản trị công ty tại các công ty đại chúng nói chung và các công ty niêm yết nói riêng. Một bộ phận KTNB hiệu quả đóng một vai trò thiết yếu trong việc giúp đỡ Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc thực hiện các trách nhiệm quản trị của mình.

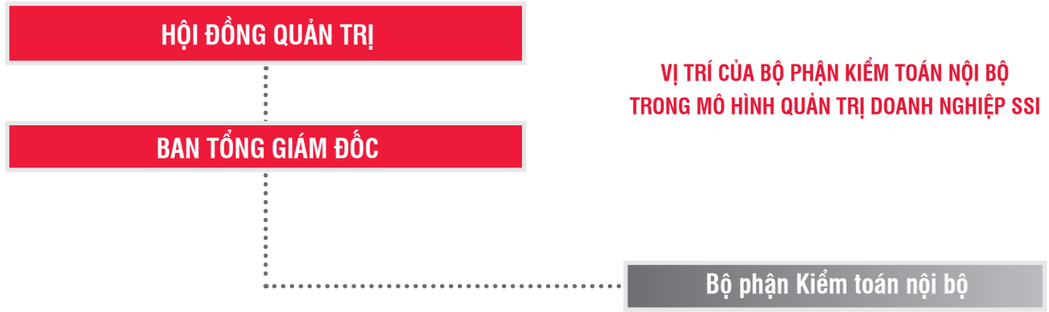
Tại SSI, bộ phận KTNB được thành lập theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc và trực thuộc khối Quản trị Kiểm soát của Công ty. Bộ phận KTNB với đội ngũ nhân viên có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán kiểm toán, có các chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ được giao. Kiểm toán nội bộ là bộ phận hoàn toàn độc lập với tất cả các bộ phận khác, là cánh tay phải của Ban Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra hoạt động tài chính, kế toán của Công ty. KTNB là bộ phận chịu trách nhiệm xem xét lại một cách định kỳ các công việc của phòng kế toán, các số liệu của Báo cáo tài chính, Báo cáo vốn khả dụng … và tìm ra các sai sót trong quản lý kế toán, tài chính để kịp thời phản ánh với Ban Tổng Giám đốc nhằm đưa ra các kiến nghị chỉnh sửa kịp thời theo đúng các quy định hiện hành.

Trong năm 2012, bộ phận KTNB đã thực hiện 10 đợt kiểm toán tại các chi nhánh và công ty con của SSI. Định kỳ hàng tháng và hàng quý, bộ phận Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính quý, báo cáo vốn khả dụng tháng do bộ phận kế toán lập, kịp thời phản ánh với Ban Tổng giám đốc những sai sót và đưa ra các kiến nghị chỉnh sửa kịp thời, tránh hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra.

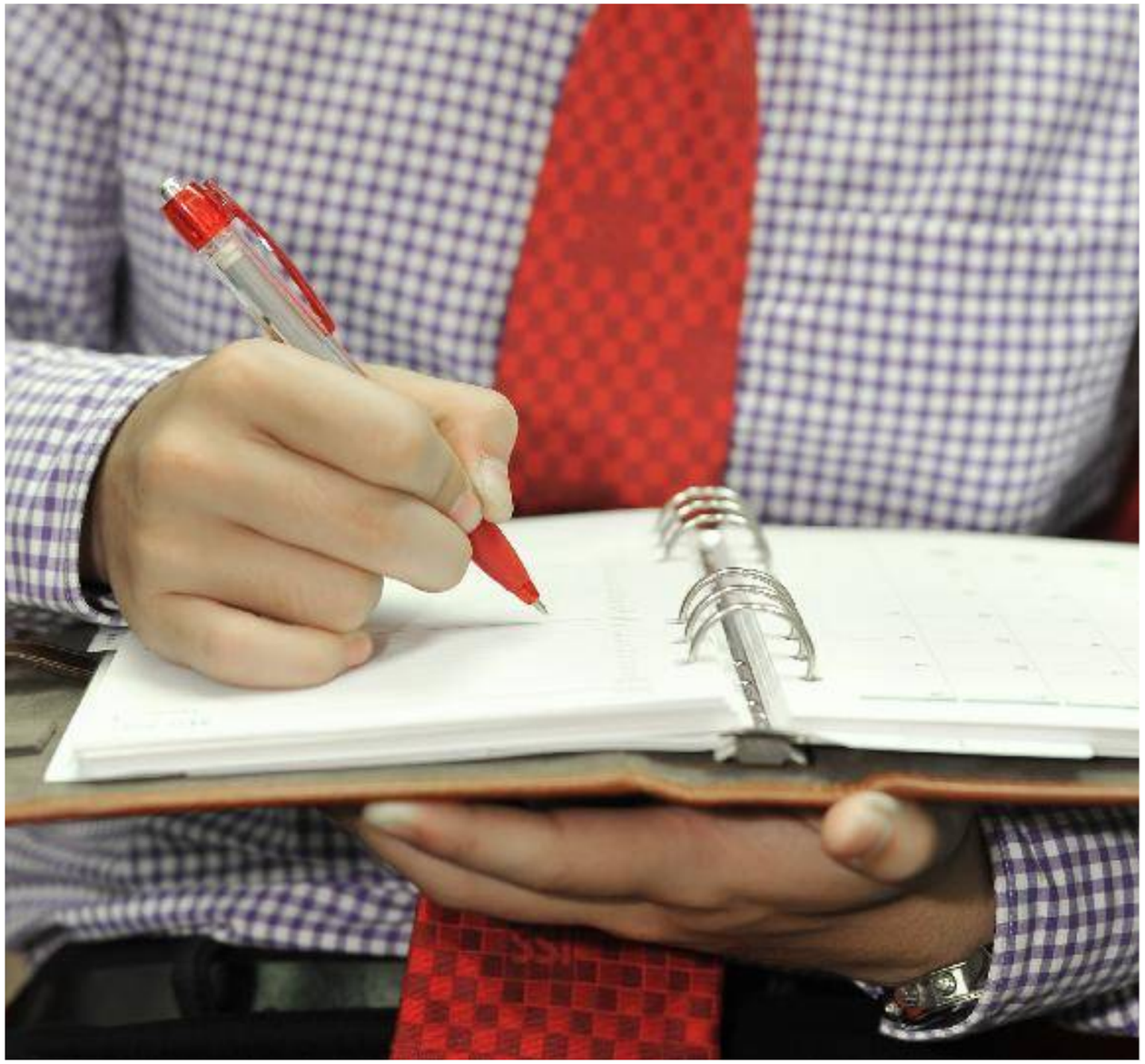
Năm 2013, Công ty sẽ tổ chức lại bộ phận KTNB theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán. Bộ phận Kiểm toán nội bộ tiếp tục duy trì hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính định kỳ tại các chi nhánh, công ty con trong hệ thống của SSI nhằm đảm bảo mọi báo cáo tài chính công bố hàng quý của Công ty phải phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, hệ thống kế toán tài chính của Công ty an toàn và ngày càng hoàn thiện hơn. Hàng tháng kiểm toán nội bộ sẽ duy trì công việc kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính tại Thông tư này.

Cập nhật các chuẩn mực, thông lệ quốc tế mới trong việc hành nghề kiểm toán nội bộ; Tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ để nâng cao kiến thức; Cập nhật các quy định mới về kế toán, tài chính nhằm cải thiện chất lượng chuyên môn của nhân sự cũng là một trong những kế hoạch được chú trọng của năm 2013.

VỊ TRÍ CỦA BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP SSI



QUẢN TRỊ RỦI RO



TÓM TẮT HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI SSI

Năm 2012 tiếp tục là một năm đầy biến động cho nền kinh tế nói chung và ngành tài chính nói riêng. Hậu quả xảy ra với một số ngân hàng, công ty chứng khoán đã làm doanh nghiệp tổn thất hàng nghìn tỷ, phải chấp nhận thu hẹp hoạt động, bị sáp nhập hoặc thậm chí là tự giải thể; cá nhân lãnh đạo doanh nghiệp bị truy cứu trách nhiệm từ hình sự đến dân sự,… càng cho thấy vai trò quan trọng của quản trị rủi ro trong hoạt động doanh nghiệp nói chung và hoạt động của các ngân hàng, công ty chứng khoán nói riêng. Cơ quan quản lý, các chuyên gia kinh tế, nhà đầu tư, cơ quan truyền thông đại chúng,… tất cả đều đặt vấn đề coi quản trị rủi ro là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cần được đẩy mạnh trong năm 2012 và các năm tiếp theo đối với ngân hàng, công ty chứng khoán.

Trong bối cảnh đó, SSI một lần nữa chứng minh hiệu quả của mô hình và chính sách quản trị rủi ro của mình. Công ty đã không để xảy sai sót hay rủi ro nào đáng kể có thể ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả hoạt động kinh doanh, quyền lợi của cổ đông và khách hàng. Đó là kết quả của sự nỗ lực nhất quán trong công tác quản lý, từ cấp quản lý cao nhất là Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc tới các bộ phận quản trị kiểm soát và các bộ phận nghiệp vụ, luôn luôn bám sát và tuân thủ các quy định quản trị rủi ro đã đặt ra.

Mô hình quản trị rủi ro tại SSI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Xác định chiến lược, chính sách quản lý rủi ro
GIÁM ĐỐC QUẢN LÝ RỦI RO, CÁC TRƯỞNG BỘ PHẬN	Nhận dạng rủi ro; Phát hiện rủi ro thực tế phát sinh mỗi ngày, phối hợp xử lý rủi ro; Xây dựng các mô hình, quy trình quản lý rủi ro; Giám sát việc thực hiện Quản lý rủi ro theo quy trình đã thiết lập.
CÁC BỘ PHẬN	Thực hiện đúng quy trình quản lý rủi ro để giảm thiểu rủi ro; Phát hiện các rủi ro mới phát sinh; Đóng góp ý kiến xây dựng hệ thống quản lý rủi ro.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là những rủi ro do sự không ổn định, biến động bất thường của thị trường trong giá cả hàng hóa, lãi suất, tỷ giá, chính sách... tác động xấu tới giá trị của các khoản đầu tư tài chính. Đầu tư chứng khoán mang tính đại chúng cao nhất nên cũng là kênh đầu tư nhạy cảm nhất, phản ánh mọi biến động của thị trường một cách tức thời và rõ rệt nhất. Mọi thông tin từ nguồn chính thức hay không chính thức, mọi thay đổi của các chính sách tài chính tiền tệ hay bất động sản đều phản ánh vào giá cổ phiếu. Những thay đổi này nằm ngoài tầm kiểm soát của các công ty chứng khoán nên cần có sự quản trị rủi ro mang tính phối hợp chặt chẽ từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

Hai nghiệp vụ của SSI chịu ảnh hưởng nhiều nhất của rủi ro thị trường bao gồm:

- Nghiệp vụ đầu tư tiền gửi/kỳ phiếu/trái phiếu: Với trạng thái tiền mặt trung bình năm 2012 tương đối lớn (gần 3.000 tỷ đồng) bao gồm gần 763 tỷ đồng của nhà đầu tư, SSI phải thực hiện quản lý đảm bảo đạt nhiều mục đích, bao gồm tối ưu hóa lợi nhuận, duy trì thanh khoản linh hoạt, đồng thời đảm bảo tách bạch tiền gửi của khách hàng và của SSI. Dòng tiền của SSI tương đối đa dạng do hoạt động đầu tư mua bán linh hoạt, cho vay ký quỹ cũng liên tục biến động theo hoạt động mua bán của khách hàng.



Do đó, để tối ưu hóa lợi nhuận SSI phải thực hiện cơ chế đầu tư tiền gửi kết hợp với tiền vay một cách hài hòa sao cho tránh được rủi ro về "gap" lãi suất và thời hạn, giảm thiểu tác động do những thay đổi trong chính sách lãi suất của Ngân hàng Nhà nước cũng như biến động lãi suất thị trường.

- Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu: Giá cổ phiếu chịu ảnh hưởng tức thời từ những biến động từ các yếu tố nội tại của nền kinh tế, và bất kỳ sự sụt giảm nào đối với giá cổ phiếu xuống thấp hơn giá vốn đều được phản ánh ngay vào trạng thái lãi lỗ của công ty chứng khoán. Dự đoán được tình thế thị trường khó khăn còn kéo dài, xu thế chính trong giá cổ phiếu là xu thế đi xuống, SSI tiếp tục duy trì quan điểm đầu tư thận trọng, tăng đầu tư dài hạn và giảm kinh doanh ngắn hạn. Năm 2012, SSI tiếp tục chiến lược đầu tư "Đồng hành và phát triển cùng các công ty liên kết", là các công ty thuộc những ngành cơ bản và thiết yếu của nền kinh tế, ít chịu ảnh hưởng bởi những biến động của thị trường, có tiềm năng phát triển ổn định. Tỷ trọng đầu tư liên kết của SSI ngày càng tăng trên tổng giá trị đầu tư. Và do đó, ảnh hưởng bởi những rủi ro về biến động giá cũng ngày càng giảm. Số lượng các công ty liên kết của SSI từ 2 công ty trong năm 2011 đã tăng lên 9 công ty trong năm 2012, với giá trị đầu tư đạt gần 5.283 tỷ đồng tương đương 16,02% tổng giá trị đầu tư



RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty chứng khoán không thu hồi được nợ cho vay dẫn tới tổn thất về vốn. Các hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán nói chung và SSI nói riêng có khả năng phát sinh rủi ro tín dụng bao gồm: đầu tư tiền gửi, giao dịch ký quỹ, và đầu tư trái phiếu.

Hoạt động đầu tư tiền gửi có nguy cơ phát sinh rủi ro khi đối tác không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Năm 2011 là năm thị trường phát sinh nhiều khoản nợ xấu liên ngân hàng – một hiện tượng thông thường rất hiếm xảy ra. Việc xử lý các khoản nợ này đã kéo dài từ 2011 sang 2012 làm ảnh hưởng không nhỏ tới nhiều ngân hàng. Tuy nhiên, tại SSI trong cả năm 2011 và 2012 không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán Kết quả này có được là do SSI tiếp tục thực hiện đa dạng hóa đối tác, đánh giá, xếp hạng tín dụng cho đối tác dựa trên thông tin thị trường, thông tin khách hàng, lịch sử hợp tác. Từ đó, SSI phân bổ hạn mức tín dụng cụ thể cho từng đối tác, khách hàng và giám sát tình hình sử dụng hạn mức thông qua các báo cáo hàng ngày. Đối với các đối tác nhận tiền gửi của SSI, SSI áp dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá rủi ro tín dụng dành cho các tổ chức tài chính và tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc chỉ lựa chọn tổ chức có uy tín, tài chính lành mạnh để cùng hợp tác.

Giao dịch ký quỹ là giao dịch cho vay có tài sản bảo đảm là danh mục cổ phiếu của khách hàng. Công ty chứng khoán được phép yêu cầu khách hàng hoàn trả nợ một phần hoặc bổ sung cổ phiếu làm tài sản bảo đảm khi giá trị danh mục giảm sút hoặc ép bán cổ phiếu của khách hàng để thu hồi nợ. Hoạt động này có rủi ro khi khách hàng không bổ sung giá trị tài sản bảo đảm theo yêu cầu hoặc khi công ty chứng khoán không thực hiện kịp thời việc ép bán cổ phiếu bảo đảm của khách hàng. Lịch sử hoạt động của các công ty chứng khoán đã có rất nhiều công ty gặp phải rủi ro này với số nợ xấu phải khoanh lên tới hàng nghìn tỷ đồng. Riêng tại SSI, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp bao gồm lập danh mục hỗ trợ thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời các cổ phiếu nằm trong danh mục ký quỹ phải đạt tiêu chuẩn quản lý rủi ro xét trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp. Khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ phải đảm bảo các tiêu chí về đánh giá khách hàng, quản lý khoản vay, cảnh báo.... theo các nguyên tắc do SSI quy định. SSI sử dụng hệ thống quản lý hạn mức tự động để quản lý nghiệp vụ này và giám sát thông qua báo cáo quản lý rủi ro hàng ngày, tuân thủ nghiêm túc kỷ luật ép bán. Trong mọi trường hợp, SSI luôn duy trì số dư nợ cho giao dịch ký quỹ ở mức cẩn trọng. Bằng việc thực hiện hàng loạt các biện pháp phối hợp như trên, từ khi thực hiện nghiệp vụ giao dịch ký quỹ nói chung và trong năm 2012 nói riêng, SSI không để xảy ra trường hợp tổn thất vốn hỗ trợ nào và số dư nợ được duy trì chỉ ở mức từ 10% - 15% tổng vốn chủ sở hữu.

Hoạt động đầu tư trái phiếu có rủi ro đơn vị phát hành trái phiếu mất thanh khoản khi đến hạn hoặc đơn vị phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, SSI thành lập Hội đồng đầu tư để xem xét mọi đề xuất đầu tư trước khi thực hiện. Trước đó, đề xuất đầu tư được bộ phận đầu tư trình duyệt trên cơ sở báo cáo thẩm định doanh nghiệp. Trong tình hình nền kinh tế khó khăn cả năm 2012 ảnh hưởng tiêu cực nhiều tới dòng tiền của doanh nghiệp, nên SSI đã hạn chế tối đa việc đầu tư trái phiếu, không phát sinh thêm khoản nào làm tăng trạng thái trái phiếu.

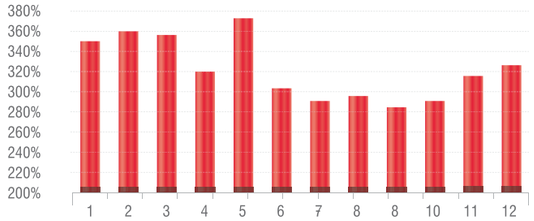
RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng. Thông thường Công ty chứng khoán có thể rơi vào tình trạng này khi quản lý "gap" kỳ hạn của các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc khi công ty chứng khoán không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng; và khi khách hàng có nhu cầu thanh toán, Công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để đáp ứng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi mạo hiểm chấp nhận những tài sản kém thanh khoản làm tài sản bảo đảm các khoản vay và Công ty chứng khoán không thể bán những tài sản này để thu hồi nợ khi thị trường mất thanh khoản.

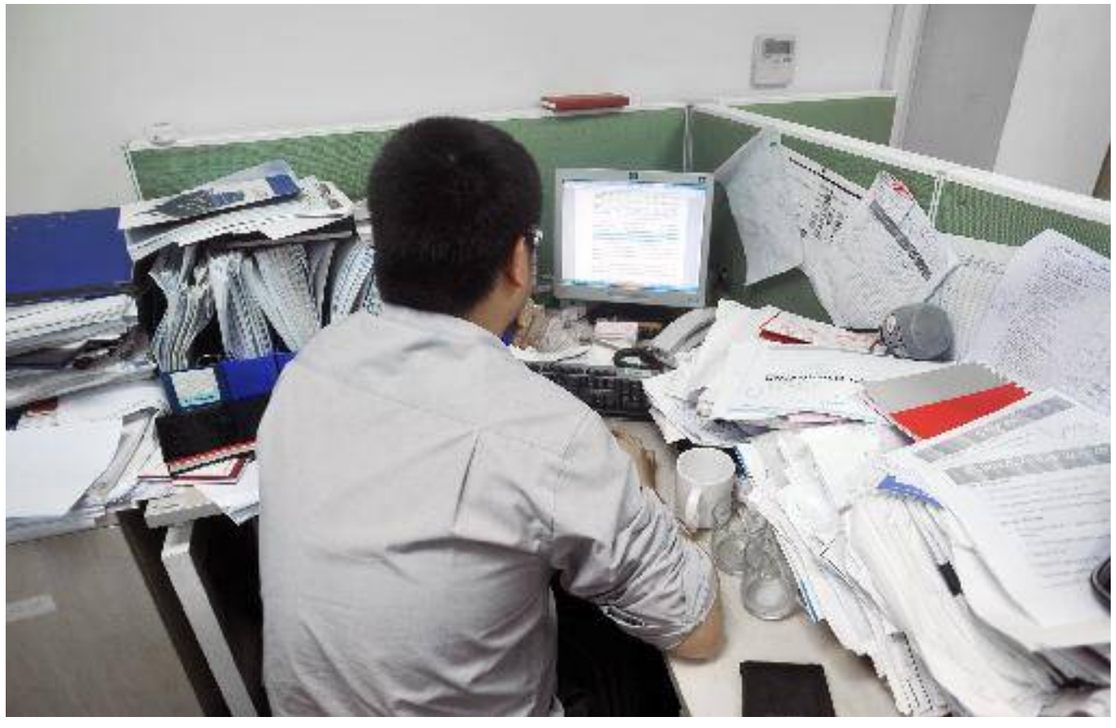
Năm 2012, thanh khoản của thị trường biến động vô cùng bất thường, giá trị giao dịch trong năm có những thời điểm lên tới 1.500 - 2.000 tỷ một ngày nhưng có lúc chỉ còn 1.000 tỷ, thậm chí xuống 300 - 400 tỷ. Tình trạng thanh khoản như vậy ảnh hưởng mạnh đến hoạt động cho vay ký quỹ và tự doanh ngắn hạn của công ty chứng khoán. Đặc biệt, năm 2012 là một năm thực sự khó khăn với nhiều ngân hàng. Trong khi nợ xấu liên ngân hàng tồn đọng từ năm 2011 vẫn còn đang trong quá trình xử lý "nhỏ giọt" thì hệ thống ngân hàng lại bị ảnh hưởng nặng nề hơn khi lãnh đạo của một số ngân hàng có danh tiếng bị khởi tố. Trong bối cảnh đó, có những thời điểm cao trào, một số ngân hàng đứng trước nỗi lo ngại trên diện rộng về hậu quả của rủi ro thanh khoản sẽ xảy ra. Các công ty chứng khoán càng bị ảnh hưởng nặng nề hơn khi các ngân hàng cắt hết hạn mức tín dụng, ngưng cả những hoạt động hợp tác cho vay, vốn được coi là đơn giản và an toàn nhất như ứng trước tiền bán chứng khoán. Những hệ lụy của việc quản lý thanh khoản yếu kém tại nhiều công ty chứng khoán ngày càng lộ rõ. Đến cuối năm 2012, 11 công ty chứng khoán đã rơi vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, nhiều công ty nằm trong ranh giới mong manh với tỷ lệ an toàn vốn khả dụng chỉ ở mức vừa đủ để không bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt.

Tuy nhiên, SSI vẫn tiếp tục vững vàng với tỷ lệ vốn khả dụng luôn luôn duy trì ở mức 290% – 340%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ tối thiểu theo quy định là 180%.

Tỷ lệ an toàn tài chính năm 2012



Nguồn: SSI



Trên phương diện quản lý nguồn vốn công ty, bộ phận Nguồn vốn và Kế toán phối hợp chặt chẽ kiểm soát mọi khoản thu chi, công nợ hàng ngày, đồng thời liên tục theo dõi và cập nhật tất cả các dòng tiền ra vào ở mọi thời điểm tương lai. Báo cáo dòng tiền được phát hành mỗi ngày là cơ sở cho hoạt động đầu tư tiền gửi.

Trên phương diện quản lý nguồn vốn khách hàng, bộ phận Nguồn vốn cũng phối hợp với các bộ phận liên quan bám sát nhu cầu thanh toán của khách hàng, luôn luôn đáp ứng kịp thời bất kỳ nhu cầu thanh toán nào của khách hàng tại mọi thời điểm trong thời gian giao dịch mỗi ngày.

Về tổng thể, việc quản trị rủi ro thanh khoản là một công tác được chú trọng đặc biệt và phối hợp chặt giữa các khối tại SSI:

Hệ thống báo cáo thực hiện bởi các khối này bao gồm:

	Báo cáo	Tần suất
Kế toán	• Báo cáo số dư tiền các tài khoản Ngân hàng; • Báo cáo số dư tiền Nhà đầu tư tại SSI; • Báo cáo sô tiền dự chi/dự thu.	• Hàng ngày; • Hàng ngày;
Nguồn vốn	• Báo cáo dòng tiền đầu ngày; • Báo cáo kế hoạch dòng tiền.	• Hàng ngày; • Hàng tháng, khi có phát sinh hoặc đề nghị/Hàng ngày
Dịch vụ chứng khoán	• Báo cáo số tiền ứng trước; • Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ; • Báo cáo chuyển/rút/nộp/báo có số tiền lớn của Nhà đầu tư; • Báo cáo thanh toán bù trừ; • Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua.	• Hàng ngày • Hàng ngày và khi có phát sinh • Khi có phát sinh • Hàng ngày • Khi có phát sinh

Kế toán

- Cung cấp cho Nguồn vốn các thông tin cần thiết liên quan đến số dư và vận hành các tài khoản tại Ngân hàng và các thông tin khác theo yêu cầu của Nguồn vốn phục vụ cho việc điều chỉnh, cân đối các dòng tiền của Nhà đầu tư và Công ty;
- Thực hiện việc thanh toán theo yêu cầu điều chuyển tiền nội bộ của Nguồn vốn và chuyển tiền của Nhà đầu tư;
- Giám sát và phản ảnh với Nguồn vốn các vấn đề phát sinh liên quan đến vận hành các tài khoản ngân hàng để Nguồn vốn phối hợp xử lý.

Nguồn vốn

- Dựa trên các thông số đầu vào (được quy định trong Quy trình cung cấp thông tin dòng tiền của Nguồn vốn), trên cơ sở các hạn mức được phê duyệt để cân đối dòng tiền của Nhà đầu tư và Công ty (về đối tác, kỳ hạn và phương thức thực hiện) nhằm gia tăng lợi nhuận, tối ưu hóa các kênh chuyển tiền nhưng vẫn đặt mục tiêu hàng đầu là đáp ứng được các nhu cầu chuyển/rút tiền của nhà đầu tư và Công ty trong ngắn và dài hạn.

Dịch vụ chứng khoán

- Tiếp nhận các yêu cầu/phản hồi từ phía Nhà đầu tư và cung cấp cho Nguồn vốn các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của Nhà đầu tư và tài khoản Nhà đầu tư (bao gồm cả các dòng tiền vào/ra tài khoản) tại thời điểm phát sinh để Nguồn vốn kịp thời xử lý/đáp ứng nhu cầu Nhà đầu tư và cân đối nội bộ dòng tiền.

Bên cạnh việc quản trị dòng tiền chặt chẽ, SSI luôn duy trì một tỷ lệ hợp lý và cân đối giữa tài sản và nợ, áp dụng nguyên tắc cơ bản của quản trị rủi ro thanh khoản là đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản. Trong đó, trạng thái tiền mặt được duy trì ở một tỷ trọng hợp lý để vừa hỗ trợ thanh khoản, vừa phục vụ hoạt động cho vay ký quỹ lại vừa đảm bảo một mức sinh lời tiền mặt ổn định. Tuy nhiên, ngay cả trên trạng thái tiền mặt, SSI cũng duy trì cơ cấu các kỳ hạn tiền gửi một cách hài hòa, tối ưu hóa lợi nhuận. Đồng thời, SSI cũng xây dựng các hạn mức tín dụng từ các tổ chức tín dụng khác nhau trên thị trường bao gồm cả hình thức vay tín dụng thương mại và hình thức thấu chi tài khoản thanh toán ở một hạn mức nhất định tại các ngân hàng khác nhau. Các phương thức thu xếp nguồn vốn, đảm bảo khả năng thanh toán của SSI còn bao gồm sử dụng các công cụ phái sinh như repo, mua bán kỳ hạn, phát hành các giấy tờ có giá nhằm huy động nguồn vốn trung và dài hạn. Trong năm vừa qua, SSI đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính đến đối tượng khách hàng cá nhân để đảm bảo hai mục tiêu song hành là đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu của khách hàng và tăng tính thanh khoản.

RỦI RO HỆ THỐNG VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Với đặc thù của công ty chứng khoán, các rủi ro về hệ thống và bảo mật thông tin luôn là rủi ro lớn nhất mà đội ngũ Công nghệ thông tin (CNTT) phải đương đầu. Tại SSI, việc bảo vệ những thông tin cá nhân và giao dịch của khách hàng được coi là yếu tố sống còn, song song với việc tuân thủ quy trình hoạt động hàng ngày để hệ thống hoạt động với hiệu suất cao, tránh các trường hợp trục trặc hệ thống hay ngừng hoạt động gây tổn hại về tài chính cho cả SSI và khách hàng, sụt giảm uy tính của SSI.

Trong năm 2012, SSI đã triển khai dự án tái cấu trúc toàn diện hệ thống mạng truyền dẫn bao gồm tất cả thiết bị mạng và bảo mật cùng với các kênh truyền số liệu. Dự án là sự kết hợp đồng bộ từ khâu thiết kế cho đến lựa chọn thiết bị và quy trình triển khai theo những chuẩn mực cao nhất. Triển khai thành công đã đưa hệ thống của SSI tiến thêm một bước quan trọng về bảo mật và tính sẵn sàng cao của hệ thống. Mọi phần tử trên hệ thống đều đã có dự phòng nóng và hoàn toàn tự động chuyển đổi trong trường hợp sự cố đảm bảo tính liên tục không gián đoạn với người dùng.

CNTT SSI luôn thực hiện chặt chẽ các quy trình ngặt nghèo về bảo mật, cũng như thường xuyên định kỳ rà soát hệ thống về độ an toàn liên quan đến lỗ hổng bảo mật, nguy cơ tấn công hay virus… SSI cũng định kỳ hợp tác với các đối tác bảo mật hàng đầu để đánh giá toàn diện hệ thống và phát triển các chiến lược bảo mật nhằm đảm bảo quản trị rủi ro cho hệ thống công nghệ được liên tục rà soát, chỉnh sửa, và cập nhật.

Tiếp tục chiến lược được đặt ra và bắt đầu từ 2011, SSI tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện tự động hóa các quy trình nghiệp vụ trong 2012. Hệ thống phòng chống thảm họa cho hệ thống giao dịch (chạy song song thời gian thực giữa 2 miền Bắc-Nam) cũng được thử nghiệm định kỳ thành công đảm bảo tính đồng nhất, vẹn toàn và an toàn thông tin. Năm 2013, SSI tiếp tục hướng đến tự động hóa toàn diện hệ thống, chuẩn hóa dữ liệu từ các nguồn khác nhau đảm bảo những quy trình kiểm soát rủi ro tự động có thể áp dụng một cách thuần nhất trên mọi tập dữ liệu.

RỦI RO TUÂN THỦ

Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của Công ty trong năm vừa qua và những năm tiếp theo. Một số biện pháp được thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ bao gồm:

- Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận;
- Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên;
- Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ;
- Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Tại SSI, quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra.

Ý thức tuân thủ cao của mỗi nhân viên, phòng ban là nguyên nhân chính giúp Công ty hạn chế rủi ro tuân thủ, tạo thành văn hóa tuân thủ tại SSI. Công tác đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ được chú trọng. Nhân viên mới được tuyển dụng đều được đào tạo, phổ biến về các quy trình, quy chế chung và các quy định đặc biệt có liên quan đến công việc của mình. Trong suốt thời gian làm việc tại SSI, nhân viên được đào tạo định kỳ để nhắc lại và cập nhật quy định mới. Bộ phận Kiểm soát nội bộ của Công ty cũng thường xuyên thông báo rộng rãi các trường hợp rủi ro xảy ra trên thị trường đến tất cả nhân viên, và đưa ra ý kiến phân tích nguyên nhân, hậu quả đã xảy ra để toàn thể nhân viên biết, tự mình rút ra bài học cần thiết và qua đó nâng cao ý thức tuân thủ.

Hệ thống Kiểm soát nội bộ được thành lập từ nhiều năm đóng góp một phần quan trọng trong việc phòng ngừa rủi ro tuân thủ. Nhân viên kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và các qui trình, qui định nội bộ được ban hành. Việc kiểm soát được thực hiện thường xuyên tại các bộ phận và tập trung hơn tại các bộ phận có khả năng xảy ra nhiều sai phạm. Kết quả kiểm soát nội bộ cũng giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi qui trình nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro.

Tại SSI, Nội quy công ty quy định cụ thể hình thức, biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty và Ban Tổng Giám đốc đưa ra thông điệp rõ ràng kiên quyết xử lý bất cứ cá nhân nào vi phạm. Các trường hợp vi phạm và biện pháp xử lý đã được áp dụng được thông báo rộng rãi trên hệ thống mạng nội bộ.



RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Trong sự phát triển của nền kinh tế hiện nay, thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu để nhận biết và định vị sản phẩm/ dịch vụ của các doanh nghiệp mà đã trở thành một tài sản vô hình có giá trị đặc biệt. Theo đó, những rủi ro thương hiệu chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của Khách hàng về Công ty. Những sự thay đổi này có thể ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty. Rủi ro thương hiệu có thể gây ra những tổn thất về tài sản thương hiệu khi Công ty đánh mất sự khác biệt của mình. Đồng thời, những rủi ro về thông tin, lời đồn sai sự thật có thể ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của Công ty, làm suy giảm lòng tin của Khách hàng, Cổ đông, Đối tác, Cộng đồng đối với Công ty, và dẫn đến những thiệt hại nặng nề về tài chính.

Nhận thức rõ những nguy cơ có thể xảy ra, SSI đã xây dựng và phát triển chiến lược thương hiệu, kế hoạch ứng phó linh động, được cụ thể hóa bằng các quy định, quy trình đo lường rủi ro thương hiệu chi tiết. Hàng năm, SSI đều xây dựng các kế hoạch truyền thông rõ ràng để mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ. Mọi tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ phía Công ty đều được lựa chọn kĩ càng, mang tính nhất quán cao. SSI cũng chú trọng trong việc đưa ra các kịch bản xử lý khủng hoảng, với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng. Và trên hết, Công ty luôn lấy lợi ích của Cộng đồng, Khách hàng, Cổ đông, Đối tác làm trung tâm trong quá trình hành động.

SSI đã luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin thường xuyên và thông tin bất thường. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, SSI nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Cùng với những chính sách truyền thông hiệu quả và bộ chuẩn thương hiệu rõ ràng, SSI đã thành công trong việc xây dựng giá trị thương hiệu của Công ty. Và với tinh thần tự hào về thương hiệu SSI, đội ngũ nhân viên SSI luôn cẩn trọng trong mọi hành vi và những phát ngôn có liên quan đến SSI nhằm tránh những rủi ro đáng tiếc có thể xảy ra.





RỦI RO QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế đặc biệt là lĩnh vực tài chính, quản trị nhân lực tại SSI sẽ phải đối mặt với những rủi ro và thách thức lớn. Bên cạnh việc nâng cao hiệu quả chi phí nhân sự công ty vẫn phải đảm bảo duy trì và thu hút được đội ngũ nhân sự tài năng. Bên cạnh đó, việc đào tạo, phát triển kỹ năng cho nhân viên càng cần phải được chú trọng trong giai đoạn cạnh tranh khốc liệt về chất lượng dịch vụ, các giá trị gia tăng đem đến cho khách hàng.

Tỷ lệ nhân viên nghỉ việc trong ngành tài chính ngân hàng vẫn còn khá cao, lên tới 16% trong đó tỷ lệ nghỉ việc tự nguyện là 12,3% (theo khảo sát của Tower Watson). Trong môi trường kinh doanh đầy thách thức, việc duy trì được đội ngũ và thu hút nhân tài là bài toán khó đối với mọi công ty. Không ngừng cải thiện chính sách đãi ngộ theo hướng đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp là mục tiêu SSI luôn hướng tới.

Năm 2012 ngành tài chính đã chứng kiến hàng loạt các sai phạm trong hoạt động và tuân thủ quy định của nhà nước. SSI là một trong số ít các công ty trong lĩnh vực duy trì và đảm bảo việc tuân thủ chặt chẽ các quy định của luật pháp, đảm bảo lợi ích cho khách hàng. Nâng cao chất lượng đội ngũ, đặc biệt là trình độ chuyên môn, hiểu biết về luật pháp cũng như kỹ năng làm việc cho nhân viên là tiêu điểm trong chính sách nhân sự của SSI trong năm 2013.

Tổ chức bộ máy linh hoạt hiệu quả tối ưu được chi phí vận hành luôn được SSI coi trọng. Để thích nghi và đón đầu thị trường, cơ cấu tổ chức gọn nhẹ linh hoạt, dễ dàng chuyển đổi nhưng phải đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng cũng là 1 thách thức trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực cho những năm tới.

Đứng trước những thách thức và cơ hội kinh doanh trong năm tới, công tác quản trị nguồn nhân lực tại SSI luôn được quan tâm, chú trọng để đảm bảo duy trì phát triển lực lượng nhân sự chất lượng cao với cơ cấu tổ chức linh hoạt để đem lại giá trị vượt trội cho các đối tác và khách hàng của công ty.

RỦI RO PHÁP LÝ

SSI là một công ty chứng khoán hoạt động trong môi trường kinh doanh trong đó hệ thống pháp luật đang trong quá trình hoàn chỉnh, số lượng văn bản pháp luật ban hành mỗi năm rất lớn và chính sách vĩ mô thay đổi linh hoạt trong từng giai đoạn ngắn hạn. Rủi ro xảy ra tranh chấp, kiện cáo,.. từ các bên liên quan là rất lớn đòi hỏi công ty phải có phương án nhận diện, phòng ngừa, và xử lý khi xảy ra rủi ro.

Phòng Luật của SSI thực hiện chức năng của luật sư công ty và Công ty cũng sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thường xuyên của văn phòng luật sư chuyên nghiệp. Phòng luật và các đơn vị tư vấn có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan, nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Đồng thời, bộ phận này cũng chịu trách nhiệm tham gia vào quá trình xây dựng văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty, bằng cách tham gia các buổi hội thảo lấy ý kiến, góp ý cho dự thảo văn bản pháp quy sắp ban hành, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, góp ý cho các dự thảo văn bản pháp quy được lấy ý kiến, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty thường xuyên được rà soát để chỉnh sửa, cập nhật cho phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.

Sự tham gia ý kiến của luật sư đối với các sản phẩm, dịch vụ mới được ban hành là không thể thiếu trong quá trình xây dựng và thông qua, triển khai thực hiện mỗi sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.



BÁO CÁO KẾT QUẢ

KINH DOANH 2012

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

QUẢN LÝ QUỸ

NGUỒN VỐN & KINH DOANH TÀI CHÍNH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN



ĐIỂM NHẤN 2012

- SSI tiếp tục duy trì vị trí hàng đầu về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài tại sàn HOSE, với tỷ lệ gần 32%.
- SSI là công ty chứng khoán duy nhất tại Việt Nam được nhiều qũy đầu tư hàng đầu lựa chọn làm đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở, như Công ty quản lý quỹ Eastpring Investment; Manulife VN; Công ty Quản lý quỹ VIPC (VAM); Công ty LD quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (VCBF); Công ty quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM); Công ty quản lý quỹ Vinawealth.
- SSI là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt nam chính thức xây dựng thành công chuẩn FIX để kết nối trực tiếp đến hai mạng Bloomberg và Reuters.
- Là một trong những công ty chứng khoán tại Việt Nam có nghiệp vụ quản lý rủi ro các sản phẩm tài chính chặt chẽ và luôn tuân thủ các qui định của pháp luật.

Năm 2012 tiếp tục đánh dấu những khó khăn của nền kinh tế cũng như những thăng trầm của thị trường chứng khoán trên toàn thế giới. Ngành tài chính Việt Nam cũng liên tiếp trải qua nhiều biến động theo sự chuyển biến của nền kinh tế vĩ mô cũng như chịu ảnh hưởng một phần từ cuộc khủng hoảng Châu Âu kéo dài. Bắt đầu là câu chuyện về lãi suất trong những tháng đầu năm 2012, tiếp sau đó là những bất ổn cả về kinh tế vĩ mô và vi mô bắt đầu lộ diện sau một thời gian dài trì trệ: hiệu quả đầu tư công, nợ xấu ngân hàng, quản lý thị trường vàng, bong bóng bất động sản, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tình trạng phá sản, đóng cửa doanh nghiệp…

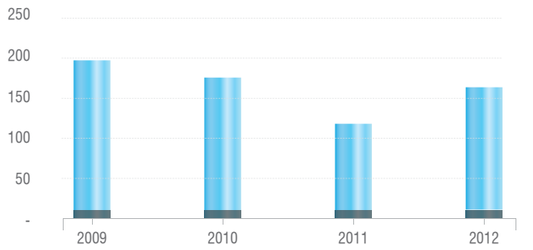
Khó khăn tiếp nối khó khăn, ngành tài chính Việt Nam lại bất ngờ đón nhận nhiều cú sốc về những vụ lừa đảo, chiếm đoạt tài sản đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý nhà đầu tư, vốn đã không tin tưởng vào chất lượng quản trị doanh nghiệp Việt Nam. Sau hệ thống ngân hàng, các công ty chứng khoán cũng chứng kiến nhiều biến động lớn như việc hàng loạt công ty chứng khoán mất thanh khoản, ngưng nghiệp vụ môi giới, tự doanh, bão lãnh phát hành, một số vụ án lừa đảo liên quan đến nhân viên, lãnh đạo các công ty chứng khoán đã khiến nhà đầu tư hoang mang và mất đi niềm tin vào thị trường nói chung và lĩnh vực chứng khoán nói riêng.

Trong bối cảnh đó, Dịch vụ chứng khoán SSI vẫn tiếp tục những bước đi vững chắc, khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động và đạt được một số kết quả đáng khích lệ trong năm 2012.

Tăng trưởng bền vững trong khó khăn

Kết quả hoạt động kinh doanh 2012 vượt kế hoạch năm về doanh thu và lợi nhuận đã chứng minh cho tính phù hợp và kịp thời của các biện pháp kiểm soát chi phí hợp lý theo quan điểm đầu tư và chi tiêu hiệu quả, của chính sách tìm kiếm và phát triển sản phẩm hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng, kèm theo đó là hoạt động quản trị rủi ro hiệu quả mà Dịch vụ chứng khoán SSI đã áp dụng triệt để trong năm 2012 vừa qua.

Doanh thu SSI



Tỷ đồng

Nguồn: SSI

Tuy vậy, sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán trong nước và chính sách thận trọng của SSI nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng là những nhân tố chính khiến SSI trượt xuống vị trí thứ 2 về thị phần môi giới chung. Tuy nhiên, về mảng khách hàng nước ngoài, SSI tiếp tục khẳng định vị trí số 1 với trên 30% thị phần.

Trong khi một số công ty chứng khoán đã đánh mất niềm tin của khách hàng bởi sự yếu kém về tiềm lực tài chính và sự thiếu minh bạch trong công tác quản trị doanh nghiệp, SSI tiếp tục chứng minh là sự lựa chọn đáng tin cậy cho khách hàng. Với tốc độ tăng trưởng ổn định trong công tác phát triển khách hàng, đến nay SSI đã có gần 60.000 tài khoản, trong đó có gần 100 khách hàng tổ chức trong và ngoài nước mở mới tài khoản, và hơn 60% tài khoản mở mới trong năm đã tiến hành giao dịch. Phát triển khách hàng tổ chức mới luôn được chú trọng cùng chính sách chăm sóc khách hàng đã luôn đồng hành với SSI trong nhiều năm qua, như các định chế tài chính hàng đầu thế giới: Deutsch Bank London, Vaneck, KITMC, Daiwa, Templeton, Horizon, Credit Suisse, Lion Capital, Fullerton, Prudential Việt Nam, Société Générale, Morgan Stanley, HSBC, CLSA, Manulife Việt Nam....

Liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ, mang lại cho khách hàng nhiều tiện ích và sự hỗ trợ hiệu quả nhất

Sau một năm chính thức đưa vào áp dụng mô hình tách biệt khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức, hiệu quả của dịch vụ chứng khoán đã có những bước chuyển mình tích cực. Thị phần môi giới khách hàng cá nhân tăng 30% và thị phần môi giới khách hàng nước ngoài luôn duy trì trên mức 30% tại HOSE.

Về nghiệp vụ môi giới, sản phẩm tài chính dành cho khách hàng cá nhân luôn được nâng cấp và cải thiện, được thể hiện qua việc mở rộng và cập nhật liện tục danh mục cổ phiếu cho sản phẩm Margin nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng, chất lượng tư vấn đầu tư của môi giới cho khách hàng cũng được cải thiện thể hiện qua việc tư vấn mua vào bán ra đúng thời điểm. Dịch vụ môi giới đối với khách hàng tổ chức luôn được đánh giá cao về khả năng tìm block deal, việc đặt lệnh mua hoặc bán luôn đáp ứng mục tiêu của khách hàng. Đặc biệt là hệ thống giao dịch kết nối lệnh trực tiếp từ khách hàng tổ chức đến SSI theo chuẩn FIX thông qua hai mạng Bloomberg và Reuters, thực sự đáp ứng được nhu cầu đặt lệnh realtime của các khách hàng tổ chức lớn và được họ đánh giá cao.

Về nghiệp vụ Phân tích và Tư vấn đầu tư, Sản phẩm tư vấn và khuyến nghị đầu tư cho khách hàng cá nhân luôn bám sát thị trường, kết hợp giữa phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật để đưa ra những khuyến nghị phù hợp cho từng đối tượng khách hàng nhằm đem lại hiệu quả đầu tư và hạn chế rủi ro, được nhiều khách hàng đánh giá cao. Số lượng các loại báo cáo cung cấp cho các khách hàng tổ chức được gia tăng mạnh về số lượng và chất lượng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, đặc biệt là các báo cáo về chiến lược đầu tư, báo cáo ngành, được nhiều khách hàng tổ chức đánh giá cao. Điều này cũng được thể hiện thông qua số lượng khách hàng tổ chức đăng ký xem báo cáo thông qua mạng Bloomberg là nhiều nhất so với các công ty khác. Bên cạnh đó SSI đã xây dựng và đưa vào hoạt động thành công Trung tâm phân tích trên website của SSI, một sản phẩm dành riêng cho khách hàng cá nhân có tài khoản giao dịch chứng khoán của Công ty. Theo đó, khách hàng được quyền truy cập và tải về các bản báo cáo, phân tích thị trường tùy theo nhu cầu đầu tư.

Về mảng giao dịch trực tuyến, SSI tập trung phát triển các ứng dụng giao dịch trực tuyến nhằm mang đến cho khách hàng công cụ giao dịch có tốc độ nhanh, giao diện thân thiện và dễ dàng sử dụng. Đến nay, SSI đã cung cấp cho nhà đầu tư hầu hết tất cả các hoạt động giao dịch chứng khoán qua các kênh giao dịch điện tử như đặt lệnh, ứng trước tiền bán chứng khoán, chuyển tiền, quản lý tài khoản Margin, đặt lệnh có điều kiện, sao kê hoạt động tiền và chứng khoán của tài khoản… Không chỉ tập trung vào một kênh giao dịch điện tử, SSI luôn nhấn mạnh và chú trọng phát triển chiến lược tổng thể dịch vụ giao dịch chứng khoán của mình trên tất cả các kênh: giao dịch trực tuyến qua Internet, giao dịch qua điện thoại tích hợp Contact Center, giao dịch qua tin nhắn SMS, giao dịch qua Email. Số lượng khách hàng đặt lệnh qua giao dịch trực tuyến ngày càng tăng chiếm hơn 70% số lượng lệnh đặt của toàn hệ thống.

Chất lượng nhân sự là chìa khóa dẫn đến thành công của hoạt động dịch vụ chứng khoán

Nhân sự luôn là yếu tố tiên quyết cho thành công của mọi tổ chức, đặc biệt trong ngành chứng khoán, chất lượng nhân sự được yêu cầu rất khắt khe. Hiểu rõ điều này, SSI đã không ngừng phát triển đội ngũ nhân sự thông qua công tác tuyển dụng, đào tạo chuyên môn và kỹ năng, thanh lọc nhân sự yếu kém, tổ chức bộ máy theo hướng chuyên môn hóa nhằm phát huy năng lực từng cá nhân và tối ưu hóa hiệu quả làm việc.

Cộng hưởng cùng chế độ phúc lợi hấp dẫn và cạnh tranh, SSI đã trở thành nơi hội tụ nhân tài của thị trường chứng khoán, đã xây dựng thành công đội ngũ môi giới tinh nhuệ, đội ngũ hỗ trợ (back-office) tinh gọn và hiệu quả. SSI thực sự tự hào với đội ngũ nhân sự môi giới khách hàng tổ chức số 1 trên thị trường, được khách hàng tổ chức, đặc biệt là khách hàng tổ chức nước ngoài, đánh giá rất cao về trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn và dịch vụ.

Quản trị rủi ro đồng hành với quyền lợi của khách hàng

Quản trị hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ giúp SSI tránh khỏi toàn bộ rủi ro từ các sản phẩm đòn bẩy, hỗ trợ giao dịch "lách luật" mà thị trường đã gặp phải trong năm. Năm 2012 đánh dấu nhiều thất bại của các công ty chứng khoán trong công tác quản trị trị rủi ro các nghiệp vụ liên quan đến giao dịch của khách hàng như bán khống chứng khoán, nhân viên môi giới tự ý giao dịch, cầm cố chứng khoán của khách hàng, phải tạm dừng cung cấp sản phẩm margin cho khách hàng vì hành vi "lách luật"….. Với những nhận định chính xác về sự bất ổn của thị trường, trong năm 2012, không có bất kỳ khách hàng nào của SSI bị rơi vào tình trạng mất thanh khoản do sử dụng đòn bẩy tài chính. Đến nay SSI luôn tự hào khi là một trong số ít các công ty chứng khoán tuân thủ nghiêm túc quy định của Uỷ ban chứng khoán về quản trị rủi ro sản phẩm hỗ trợ giao dịch cho khách hàng, tạo niềm tin cho khách hàng đặc biệt là khách hàng nước ngoài khi quyết định mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại SSI.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



ĐIỂM NHẤN 2012

- Tiếp tục khẳng định uy tín trong lĩnh vực Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư Việt Nam.
- Được vinh danh là "Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam" năm 2012 do FinanceAsia trao tặng
- Được vinh danh là "Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư nội địa tốt nhất Việt Nam" năm 2012 do The Asset trao tặng

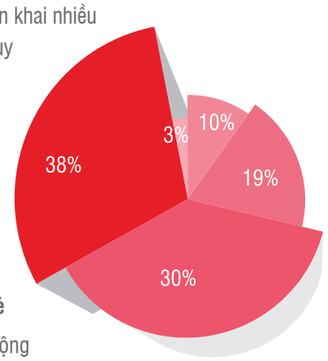
Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục duy trì trạng thái ảm đạm trong suốt năm 2012, đây là năm suy giảm thứ 6 liên tiếp trong chu kỳ suy thoái. Đối tượng nhà đầu tư của các đợt huy động vốn đang phải đối mặt vô vàn khó khăn và chịu ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng kinh tế nói chung và sự suy giảm lòng tin vào thị trường chứng khoán nói riêng. Thị trường chứng khoán không còn là kênh huy động vốn tối ưu và công cụ hữu hiệu trong việc xây dựng hình ảnh cho doanh nghiệp. Thay vào đó, việc định giá quá thấp một số doanh nghiệp tốt và việc thanh lọc chưa tốt các doanh nghiệp niêm yết kém hiệu quả đã tạo hiệu ứng ngược và hậu quả là một số doanh nghiệp đã và đang cân nhắc việc hủy niêm yết.

Tuy nhiên, trước những khó khăn đó, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI vẫn đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Doanh thu mảng nghiệp vụ này năm 2012 đạt 79,8 tỷ đồng, tăng 79,3% so với 44,5 tỷ đồng doanh thu năm 2011. Với thế mạnh là một công ty chứng khoán có đối tác chiến lược nước ngoài, cùng với việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư là người nước ngoài, trong năm 2012, SSI đã thực hiện củng cố và mở rộng mạng lưới khách hàng mua nước ngoài phục vụ cho việc phát triển dịch vụ M&A. Một số kết quả nổi bật như sau:

Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đa dạng với tiêu chuẩn quốc tế

Trung thành với chiến lược cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính đa dạng, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, trong năm 2012, Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI tiếp tục triển khai nhiều loại hình tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước, tiêu biểu là:

- **Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu chuyển đổi:** SSI đã huy động thành công 557,8 tỷ đồng cho Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh REE bằng việc phát hành riêng lẻ 557.846 trái phiếu chuyển đổi.
- **Dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phát hành ra công chúng:** SSI đã huy động thành công 196 tỷ đồng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN, hơn 1.000 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex PG Bank.
- **Dịch vụ tư vấn mua bán và sáp nhập (M&A):** thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh trong năm 2012 đã mở ra nhiều cơ hội cho các thương vụ M&A giữa các công ty trong nước với nhau và của các nhà đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp tiềm năng tại Việt Nam. Do đó, SSI đánh giá đây là loại hình dịch vụ sẽ được bộ phận tăng cường và mở rộng hoạt động.
- **Dịch vụ tư vấn Cổ phần hóa:** Năm 2012, SSI đã ký hợp đồng tư vấn phương án cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần ra công chúng và tổ chức Đại hội cổ đông thành lập cho 3 doanh nghiệp nhà nước có quy mô vốn lớn nhất của Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (nay được chuyển đổi thành Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị). Các doanh nghiệp khác sử dụng dịch vụ tư vấn của SSI bao gồm: Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội, Tổng Công ty Viglacera, Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam. Đây là 03 doanh nghiệp lớn, có bề dày kinh nghiệm với vị thế dẫn đầu trong ngành, đã tin tưởng lựa chọn SSI là nhà tư vấn cho sự chuyển đổi mô hình hoạt động quan trọng này.



Cơ cấu doanh thu 2012	
Phát hành	38%
Tái cấu trúc và doanh thu khác	30%
M&A	19%
Cổ phần hóa	10%
Niêm yết	3%

Chất lượng nhân sự - Chìa khóa cho sự thành công của Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực là hoạt động mang tính chiến lược, là cơ sở vững chắc để tạo ra lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh ngày càng khắc nghiệt hiện nay giữa các công ty chứng khoán. Do đó, SSI hướng trọng tâm vào việc đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực, chuyên môn sâu, đạo đức nghề nghiệp và phong cách làm việc chuyên nghiệp.

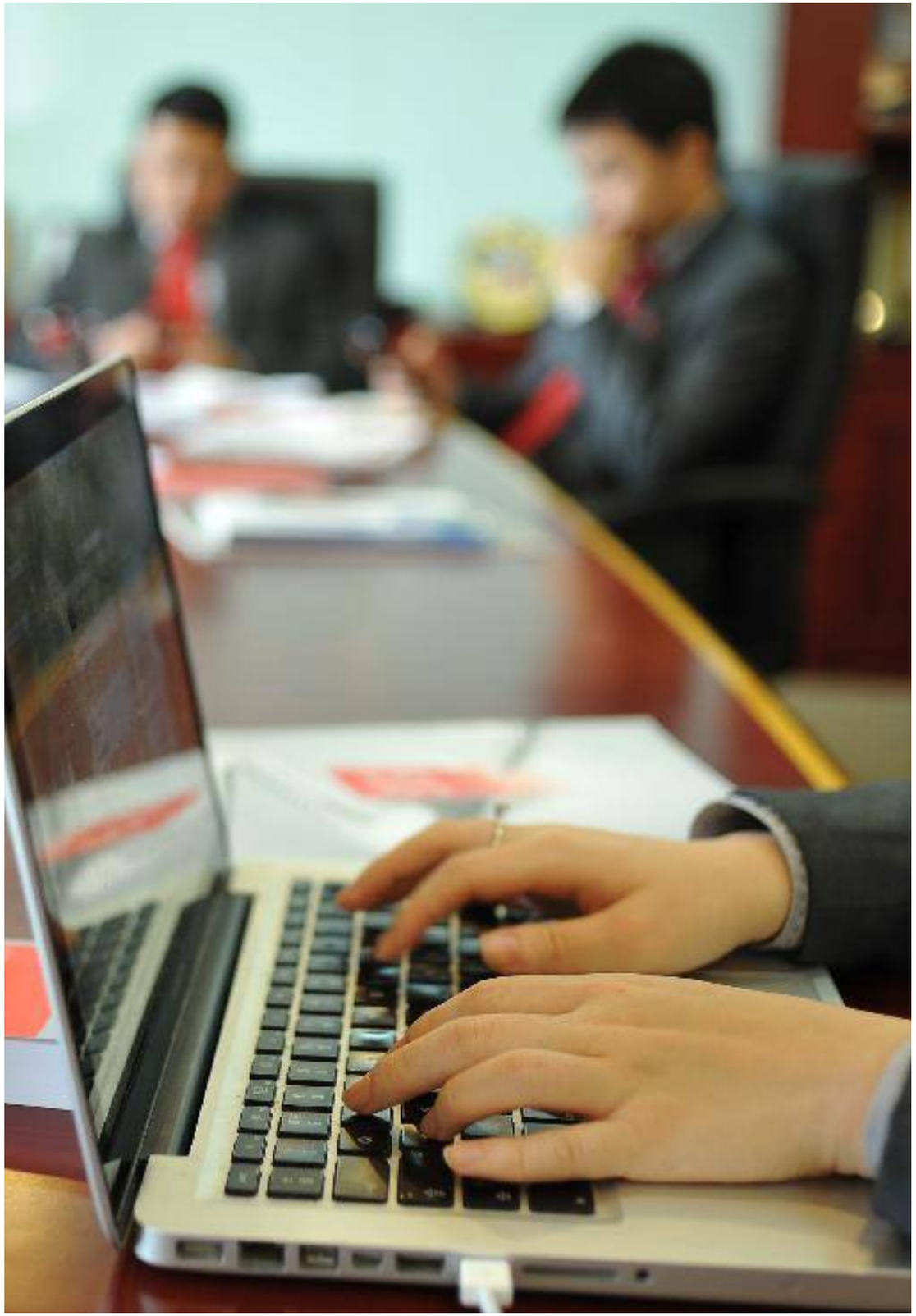
Định vị sản phẩm dịch vụ SSI mang đến cho khách hàng không chỉ dừng lại ở việc tư vấn thủ tục, chuẩn bị hồ sơ giấy tờ..., chúng tôi kỳ vọng mang đến cho khách hàng sản phẩm tư vấn có chất lượng hàng đầu, chứa đựng chất xám từ đội ngũ nhân sự đã được tinh lọc của SSI, hướng tới giúp khách hàng doanh nghiệp có những bước đi mang tính cải cách, tái cơ cấu… đối với hoạt động kinh doanh của mình. Trong năm qua, SSI dành nhiều thời gian cho việc rà soát nhân sự bộ phận Dịch vụ Ngân hàng đầu tư, nâng cao chất lượng nhân sự bằng cách đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thiện chứng chỉ hành nghề, đào tạo chuyên sâu về kỹ năng mềm, khuyến khích tham gia các khóa học cao học chuyên ngành tại nước ngoài và các khóa đào tạo chứng chỉ CFA. Năm 2012 đánh dấu sự kiện chuyển giao quyền lãnh đạo của bộ phận cho cán bộ quản lý là người nước ngoài. Đây là một trong những định hướng xây dựng Ngân hàng đầu tư tiêu chuẩn quốc tế, kết hợp với sự am hiểu chuyên sâu thị trường trong nước.

Cho đến nay, SSI tự tin khẳng định có đội ngũ tư vấn hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với 51% nhân viên có trình độ Thạc sỹ và 100% nhân viên có kinh nghiệm trong nghề trên 03 năm.

Bên cạnh việc trau dồi trình độ chuyên môn, kiến thức và kỹ năng làm việc cho nhân viên, chúng tôi luôn chú trọng đào tạo đạo đức nghề nghiệp, nâng cao ý thức chấp hành quy định của công ty, của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế trong quá trình xử lý công việc. Chúng tôi hiểu sâu sắc rằng chỉ một sai sót nhỏ của nhân viên, dù đó là sự thiếu hụt về kiến thức chuyên môn hay kinh nghiệm thực tế, dù đó là vô tình nhầm lẫn trong quá trình tác nghiệp, hay đó là sự cố ý vi phạm đạo đức nghề nghiệp ... cũng có thể dẫn đến những thiệt hại nghiêm trọng cho Khách hàng và làm sụt giảm nặng nề uy tín của SSI. Bằng việc chuẩn hóa quy trình tuyển dụng, đào tạo, phát triển nghề nghiệp cho nhân viên, SSI chủ động trong công tác loại bỏ rủi ro về con người như đã nêu trên, đưa ra những chiến lược phát triển nhân sự dài hạn nhằm mang lại chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

CÁC HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU NĂM 2012

Tên hợp đồng	Nội dung
EVNCHP4 **Tư vấn phát hành cổ phiếu**	• Ngành: Thủy điện • Vốn điều lệ: 1.003 tỷ đồng • Phát hành riêng lẻ 19,6 triệu cổ phiếu • Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu • Số vốn huy động: 196 tỷ đồng
Tập đoàn REE **Tư vấn phát hành trái phiếu chuyển đổi**	• Ngành: Cơ điện (M&E) • Phát hành riêng lẻ 557.846 trái phiếu chuyển đổi (Mệnh giá 1 triệu đồng một trái phiếu chuyển đổi) • Giá phát hành: 100% mệnh giá • Tỷ lệ trái tức: 6%/năm • Giá chuyển đổi: 22.000 đồng/cổ phiếu • Kì hạn: 3 năm • Số vốn huy động: 557,8 tỷ đồng
Tập đoàn FLC Group **Tư vấn Mua bán & Sáp nhập** **(Hoán đổi cổ phần)**	• Ngành: Bất động sản • Bên mua: Tập đoàn FLC Group • Công ty mục tiêu: FLC Land • FLC Group phát hành 60,18 triệu cổ phiếu để hoán đổi với 51 triệu cổ phiếu của FLC Land (tỷ lệ hoán đổi 1.18:1) • Tổng giá trị thương vụ: 510 tỷ đồng
Ngân hàng PG Bank **Tư vấn phát hành cổ phiếu**	• Ngành: Ngân hàng • Vốn điều lệ: 3.000 tỷ đồng • Phát hành 100 triệu cổ phiếu thông qua phát hành ra công chúng • Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu • Số vốn huy động: 1.000 tỷ đồng



QUẢN LÝ QUỸ



ĐIỂM NHẤN 2012

- Tổng tài sản quản lý tính đến cuối năm 2012: 2.670 tỷ đồng.
- Đạt giải thưởng "Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam" năm 2012 do tạp chí The Asset bình chọn.
- Đạt giải thưởng "Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam" năm 2012 và Tổng Giám Đốc Lê Thị Lệ Hằng đạt giải thưởng "Tổng Giám Đốc của năm" do tạp chí Asia Asset Management bình chọn.
- Tháng 11/2012: Quỹ Tầm Nhìn SSI (SSIVF) hết thời hạn hoạt động. Là một trong những quỹ đầu tư nội địa hoạt động hiệu quả, kết quả kinh doanh tốt hơn so với mức biến động của thị trường trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ. SSIVF là một trong số ít các quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư (15% vào năm 2009) và hoàn trả nhà đầu tư phần lớn vốn đầu tư bằng tiền mặt.
- Hoàn thiện cơ sở kỹ thuật và hạ tầng công nghệ cho sự ra đời của Quỹ Mở.

Năm 2012, nền kinh tế Việt Nam chưa có nhiều khởi sắc đáng kể, hoạt động của nhiều doanh nghiệp vẫn còn tồn tại nhiều yếu kém. Nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp tục lựa chọn phương án đứng ngoài thị trường, chờ đợi sự phục hồi của nền kinh tế. Những thách thức của năm 2011 kéo dài sang năm 2012 khiến hoạt động của các công ty quản lý quỹ gặp nhiều khó khăn hơn bao giờ hết.

Theo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, cuối năm 2012 có 47 công ty quản quỹ hoạt động với tổng số tài sản quản lý hơn 100.000 tỷ đồng, tăng gần 03 lần so với cuối năm 2011. Doanh thu toàn ngành tăng 2% so với năm 2011 và lợi nhuận đạt 30 tỷ đồng tăng gần 1%. Một số công ty quản lý quỹ hoạt động cầm chừng do không huy động được tài sản quản lý của khách hàng, và chủ yếu chỉ kinh doanh trên nguồn vốn chủ sở hữu. Với những công ty huy động thành công vốn để quản lý thì năm 2012 cũng có xu hướng giảm phí quản lý để chia sẻ khó khăn với các nhà đầu tư cũng như để cạnh tranh huy động vốn giữa các công ty trong ngành. Một số công ty khác rơi vào tình trạng lỗ kéo dài, nằm trong diện kiểm soát đặc biệt của Ủy ban chứng khoán do không đảm bảo được an toàn tài chính.

Trong bối cảnh khó khăn đó, Công ty quản lý Quỹ SSI (SSIAM) vẫn đạt được một số kết quả đáng ghi nhận:

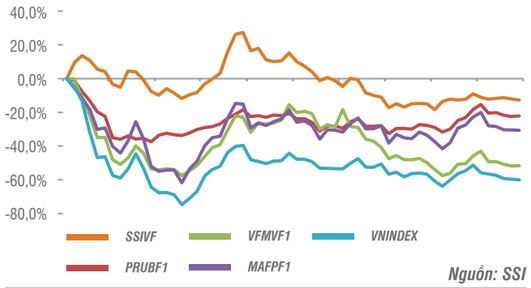
Tiếp tục tăng trưởng doanh thu trong bối cảnh thị trường khó khăn

Trong bối cảnh thị trường có nhiều khó khăn, SSIAM vẫn nỗ lực quản lý hiệu quả các quỹ và danh mục đầu tư hiện có, đồng thời không ngừng tìm kiếm các quỹ, các nhà đầu tư ủy thác mới. Sau khi thanh hoán Quỹ Tầm Nhìn SSI, tổng tài sản quản lý của SSIAM cuối năm 2012 đạt 2.670 tỷ đồng. Doanh thu năm 2012 đạt 42,4 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2011; Lợi nhuận trước thuế đạt 18,8 tỷ đồng, tăng gấp ba lần so với năm 2011.

SSIAM xác định hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư theo hướng đầu tư thận trọng, tập trung vào hiệu quả hoạt động và tìm kiếm tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn của các khoản đầu tư. Nhờ vậy, trong năm 2012, hầu hết các quỹ và danh mục đầu tư của SSIAM đều có kết quả hoạt động cao hơn VNIndex. Kết thúc năm 2012, danh mục cổ tức do SSIAM quản lý tăng 27% và danh mục cân bằng tăng 20% trong khi chỉ số VNindex tăng 18%.

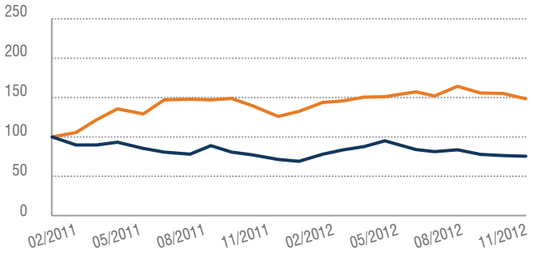
Những nỗ lực của SSIAM một lần nữa được công nhận khi Công ty vinh dự được nhận giải thưởng "**Công ty Quản lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam**" do tạp chí Asia Asset Management và The Asset bình chọn; đồng thời tạp chí Asia Asset Management cũng trao giải "**Tổng Giám Đốc của năm**" cho bà Lê Thị Lệ Hằng, Tổng Giám Đốc SSIAM.

Biến động NAV của SSIVF



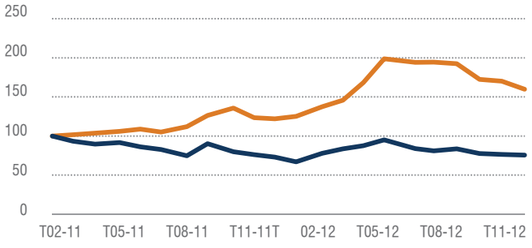
Nguồn: SSI

Biến động NAV của danh mục Balanced



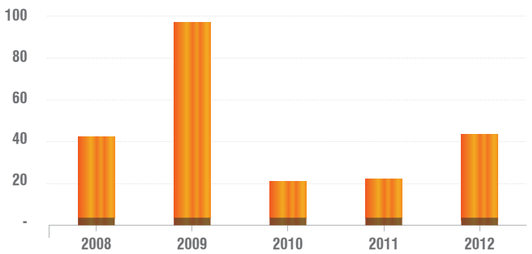
Nguồn: SSI

Biến động NAV của danh mục Dividend



Nguồn: SSI

Doanh thu hoạt động



Tỷ đồng

Nguồn: SSI

Đẩy mạnh hoạt động huy động vốn và quản lý danh mục đầu tư

Với chức năng và vị thế của một công ty quản lý quỹ chuyên nghiệp, có kinh nghiệm và uy tín trên thị trường, SSIAM đã và sẽ nỗ lực để quản lý các Danh mục đầu tư hiện có nhằm tăng cường hơn nữa tính hiệu quả và minh bạch trong hoạt động đầu tư của SSI.

Trong năm 2012 SSIAM tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động quản lý Danh mục ủy thác SSI Prestige, hướng tới nhóm khách hàng cá nhân có thu nhập cao và khách hàng tổ chức. SSIAM chú trọng cung cấp cho khách hàng những gói giải pháp đầu tư toàn diện bao gồm tư vấn, hoạch định kế hoạch tài chính, xây dựng chiến lược đầu tư, thực hiện đầu tư và quản lý hậu đầu tư. Kết thúc năm 2012 số lượng khách hàng ủy thác Danh mục SSI Prestige đã tăng lên gấp 2 lần so với thời điểm bắt đầu triển khai sản phẩm này, giúp nâng tổng tài sản quản lý danh mục của SSIAM lên trong năm 2012.

Quản trị rủi ro hiệu quả gắn liền với chính sách đầu tư thận trọng

Để duy trì hiệu quả hoạt động, trong năm 2012, SSIAM đã tiếp tục quản lý chặt chẽ chi phí bằng cách hoàn thiện các quy trình vận hành, tăng cường sử dụng công nghệ để giảm thiểu sai sót mang yếu tố con người. Phần mềm quản lý quỹ và danh mục đầu tư, và hệ thống cảnh báo giao dịch do SSIAM tự phát triển đã hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý đầu tư, góp phần giảm chi phí hoạt động.

SSIAM cũng đã tăng cường nhân lực cả về lượng và chất cho đội ngũ chuyên viên quản lý danh mục đầu tư để phục vụ các Nhà đầu tư tốt hơn cũng như chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực triển khai các sản phẩm mới trong năm 2013.

Trong năm qua, danh mục ủy thác của SSI tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng đầu tư lâu dài và những khoản đầu tư không phù hợp với tiêu chí đề ra đã được thanh hoán khi có lãi. Bộ phận đầu tư cũng tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư phù hợp với tiêu chí đề ra để nâng cao hiệu quả danh mục đầu tư.

Hỗ trợ SSI đồng hành và phát triển cùng các Công ty liên kết

Nhất quán với chiến lược đầu tư thận trọng, SSIAM tiếp tục tăng tỷ trọng sở hữu tại các công ty hoạt động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và hàng tiêu dùng. Đây là những ngành có tăng trưởng ổn định ngay cả khi nền kinh tế gặp khó khăn. Năm 2012, các giám đốc đầu tư của SSIAM đã đại diện SSI tham gia vào 08 HĐQT và 07 BKS trong số các công ty liên kết và công ty có vốn đầu tư. Đại diện của SSI đã tích cực phối hợp với Ban lãnh đạo các doanh nghiệp này xây dựng chiến lược phát triển bền vững, chú trọng nhiều hơn đến chất lượng quản lý, quản trị rủi ro, chất lượng sản phẩm, và phát triển thị trường.



NGUỒN VỐN & KINH DOANH TÀI CHÍNH



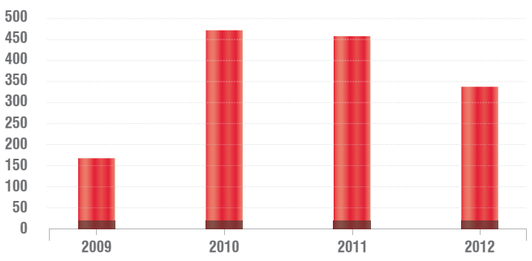
ĐIỂM NHẤN 2012

- Lượng tài sản quản lý đạt trên 3.500 tỷ đồng.
- Đảm bảo thanh khoản và an toàn tài sản tuyệt đối cho nhà đầu tư.
- Từng bước vận hành chính thức hệ thống Oracle Treasury, tối ưu hóa việc quản lý hệ thống, tạo điều kiện cho việc quản trị dòng tiền chính xác, ổn định và hiệu quả.

Năm 2012, thị trường tài chính Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, tình trạng nợ xấu gia tăng trong hệ thống ngân hàng, những biến động về lãi suất trên thị trường tiền tệ, sự suy giảm mạnh của thị trường chứng khoán, tiềm tàng nhiều rủi ro trên diện rộng. Đặc biệt, năm 2012 được đánh giá là năm khó khăn nhất trong lịch sử hoạt động của thị trường chứng khoán, chịu ảnh hưởng nặng nề bởi tình hình kinh tế vĩ mô bất ổn, dòng vốn đầu tư nước ngoài giảm mạnh, thanh khoản cạn kiệt, một số công ty chứng khoán bị thua lỗ, vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật. Biến động và những sự cố lớn của thị trường đã làm suy giảm niềm tin của Nhà đầu tư, gây ảnh hưởng đến quyết định sử dụng các sản phẩm tài chính.

Trong bối cảnh đó, SSI vẫn đảm bảo an toàn và thanh khoản tài sản tuyệt đối cho nhà đầu tư, đồng thời duy trì tốt doanh thu và lợi nhuận. Những kết quả mà mảng nghiệp vụ Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính đạt được đã khẳng định nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động của SSI trong điều kiện thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán diễn biến theo chiều hướng không ổn định.

Doanh thu từ hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tài chính (Tỷ đồng)

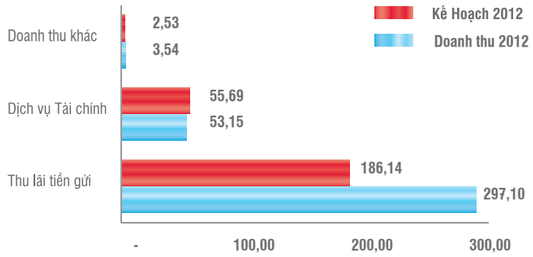


Nguồn: SSI

Duy trì tốc độ phát triển nhanh và bền vững

Năm 2012, SSI hoàn thành kế hoạch kinh doanh của mảng nghiệp vụ Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính với tổng doanh thu đạt 353 tỷ đồng, đóng góp 42% vào tổng doanh thu của toàn Công ty.

Kết quả hoạt động Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính (Tỷ đồng)

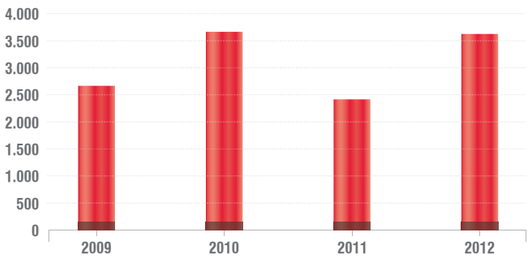


Nguồn: SSI

Với thuận lợi là một công ty chứng khoán có tiềm lực tài chính dồi dào, SSI đã linh hoạt sử dụng nguồn tiền mặt trong các hoạt động đầu tư vốn, bao gồm tiền gửi ngân hàng, mua bán trái phiếu, repo – tái repo, cho vay ký quỹ… Ngoài tiền mặt, SSI luôn duy trì một lượng lớn các tài sản có tính thanh khoản cao, vừa nhằm mục đích dự phòng cho nhu cầu thanh khoản, vừa nhằm đảm bảo kinh doanh tài chính hiệu quả, tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư của thị trường khi cần thiết.

Trong hoạt động tiền gửi, SSI luôn lựa chọn những ngân hàng có độ tín nhiệm cao với mức lãi suất tối ưu và an toàn. Năm 2012, doanh thu từ các hợp đồng tiền gửi đạt 297 tỷ đồng, chiếm tới 84% trên tổng doanh thu của nghiệp vụ Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính.

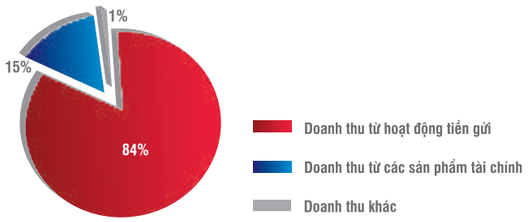
Trạng thái tiền và tương đương tiền SSI (Tỷ đồng)



Nguồn: SSI

Bên cạnh doanh thu từ các hợp đồng tiền gửi, doanh thu từ các sản phẩm tài chính cũng đóng góp một phần lớn vào kết quả kinh doanh trong năm 2012. Tổng nguồn thu từ các loại phí đạt 53 tỷ đồng, bao gồm tiền từ phí lãi vay giao dịch ký quỹ, phí ứng trước tiền bán chứng khoán … Đây là thành quả của sự phối hợp và hợp tác chặt chẽ giữa bộ phận Nguồn vốn & Kinh doanh tài chính và bộ phận Dịch vụ Chứng Khoán.

Cơ cấu doanh thu của hoạt động Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính (%)



Nguồn: SSI

Quản trị Rủi ro thanh khoản và Rủi ro thị trường là nhiệm vụ trọng tâm của năm 2012

Năm 2012, hệ thống ngân hàng phải đối mặt với chồng chất những khó khăn: vấn đề nợ xấu, thanh khoản cạn kiệt, nhiều ngân hàng bị đưa vào diện theo dõi đặc biệt, phải tái cấu trúc hoặc bị sáp nhập vào ngân hàng khác. Trong khi đó, sau những dấu hiệu tích cực trong 6 tháng đầu năm, thị trường chứng khoán cũng bị ảnh hưởng mạnh bởi những bất ổn liên tiếp trong nội bộ các ngân hàng thương mại cổ phần, dẫn đến việc nhà đầu tư rút dần tiền ra khỏi thị trường chứng khoán trong giai đoạn nửa cuối năm. Một số không nhỏ công ty chứng khoán sau một thời gian tăng trưởng nóng đã lộ rõ những yếu kém trong quản trị, rơi vào tình trạng mất thanh khoản, thua lỗ gần hết vốn chủ sở hữu và bị đình chỉ hoạt động.

Trong bối cảnh đó, mục tiêu quản lý an toàn tài sản cho nhà đầu tư, đảm bảo đáp ứng đủ, kịp thời yêu cầu thanh toán của khách hàng được đặt lên hàng đầu. SSI luôn lựa chọn Ngân hàng có độ tín nhiệm cao, thanh khoản tốt, chất lượng dịch vụ nổi trội để quản lý tiền gửi của nhà đầu tư, loại bỏ hoàn toàn các giao dịch với những ngân hàng có dấu hiệu bất ổn và thiếu tính bền vững. Đồng thời, SSI thường xuyên thực hiện đánh giá đối tác, nhằm sớm nhận biết những đối tác tiềm tàng rủi ro về thanh khoản và thiết lập hạn mức giao dịch phù hợp.

Năm 2012, SSI đã không để xảy ra trường hợp chậm trễ nào đối với việc đáp ứng yêu cầu thanh toán của Nhà đầu tư, chưa từng phải sử dụng tới dịch vụ hỗ trợ thanh toán khẩn cấp từ ngân hàng chỉ định thanh toán. Nhà đầu tư thực sự hài lòng với công tác quản lý tiền gửi của SSI. Uy tín của SSI trong lĩnh vực Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính một lần nữa được khẳng định khi các Ngân hàng thương mại quốc doanh tăng hạn mức vay thấu chi lên tới hàng trăm tỷ đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho SSI trong việc huy động nhanh chóng một lượng tiền mặt lớn phục vụ cho nhu cầu của Nhà đầu tư cũng như của Công ty.

Tối ưu hóa lợi ích khách hàng bằng các sản phẩm tài chính đa dạng và an toàn.

Trong năm 2012, nghiệp vụ giao dịch ký quỹ (margin) tiếp tục được áp dụng rộng rãi, mang lại cho nhà đầu tư những cơ hội kinh doanh lớn hơn trên thị trường. Tại SSI, giao dịch ký quỹ có thể thực hiện với hạn mức vay lên đến hàng chục tỷ đồng, thời hạn vay lên đến 90 ngày trong khi nhà đầu tư chỉ phải trả lãi vay ký quỹ từ ngày T+3. SSI đặc biệt cẩn trọng trong việc đưa ra danh mục các mã cổ phiếu được phép thực hiện giao dịch ký quỹ, cũng như lựa chọn tỷ lệ cho vay ký quỹ hợp lý; một mặt, nhằm giảm thiểu rủi ro cho Công ty và Khách hàng, mặt khác vẫn thỏa mãn nhu cầu của các Nhà đầu tư. Sản phẩm này đòi hỏi tính linh hoạt cao trong việc cân đối nguồn vốn, điều hòa thanh khoản do giải ngân vốn vay/thu hồi vốn không có kế hoạch trước mà bị động theo kết quả giao dịch. SSI đã xây dựng hệ thống quy trình làm việc, phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan trong nội bộ Công ty, cân bằng lợi ích giữa Khách hàng và Công ty trong giao dịch ký quỹ, đồng thời duy trì trạng thái thanh khoản ở mức an toàn nhất.

Bên cạnh đó, SSI cũng thu xếp các cơ cấu giao dịch hỗ trợ vốn cho khách hàng qua một số ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư có nhu cầu vốn thời hạn dài.

Sản phẩm kinh doanh trái phiếu ngắn hạn cũng là một sản phẩm điển hình đang được áp dụng tại SSI. Đây là sản phẩm đầu tư tài chính có tính an toàn rất cao, giúp nhà đầu tư có thể tận dụng một cách tối ưu nguồn vốn nhàn rỗi của mình, trong khi vẫn đảm bảo tính linh hoạt khi có nhu cầu sử dụng vốn.



CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP Hùng Vương

CTCP Giống Cây Trồng Trung Ương

CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Bến Tre

CTCP Giống Cây Trồng Miền Nam

CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghệ Điện Tử Viễn Thông

CTCP Xuyên Thái Bình

CTCP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh

CTCP Transimex - Saigon

CTCP Chế biến hàng xuất khẩu Long An

Đồng hành & Phát triển cùng các công ty liên kết



Việt Nam với các ngành chủ lực là nông, lâm, thủy sản và hàng tiêu dùng đã đạt được vị trí nhất định trên thị trường thế giới. Năm 2012, ngành Nông lâm nghiệp chiếm 22% GDP, chiếm 22% kim ngạch xuất khẩu và 48% lực lượng lao động của Việt Nam làm việc trong ngành này. Trong đó, sản phẩm gạo đạt kim ngạch xuất khẩu trên 3 tỷ USD, thủy sản đạt 6 tỷ USD, hàng dệt may đạt 15 tỷ USD. Với thế mạnh là cơ cấu dân số trẻ, Việt Nam trở thành một thị trường tiêu thụ đầy tiềm năng hỗ trợ cho sự phát triển của ngành hàng tiêu dùng. Tuy nhiên, nhược điểm chung của các sản phẩm này là giá trị gia tăng thấp, chưa xây dựng được một thương hiệu mạnh, mang tính cạnh tranh với các sản phẩm của các nước trên thế giới.

Hiểu sâu sắc vấn đề này, năm 2012, SSI đã đầu tư vào 9 công ty liên kết, là các công ty hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và hàng tiêu dùng, đều là các doanh nghiệp dẫn đầu ngành. Đây là các công ty có tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận ổn định, mức chi trả cổ tức cao; sản phẩm chất lượng có khả năng cạnh trên thị trường; đội ngũ Ban lãnh đạo được đào tạo bài bản, có định hướng chiến lược rõ ràng và chính sách quản trị công ty minh bạch. Điển hình là Công ty CP Giống Cây Trồng Trung Ương (NSC) trong 5 năm qua lợi nhuận sau thuế liên tục tăng trung bình 52%/năm và cổ tức tiền mặt trả 30% mệnh giá cổ phiếu một năm; Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Bến Tre (ABT) tăng trưởng trên 15%/năm và trả cổ tức đến 60% mệnh giá.

Với chủ trương đồng hành cùng công ty liên kết, SSI đã và đang hỗ trợ các công ty này thực hiện chiến lược kinh doanh, tăng giá trị sản phẩm, phát triển về quy mô và xây dựng thương hiệu trên thị trường quốc tế. Để đạt được những mục tiêu trên, SSI đã cử cán bộ đại diện tham gia Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của 08 công ty liên kết, đã cùng họ xây dựng chiến lược kinh doanh với tầm nhìn 05 - 10 năm, bỏ qua những lợi ích ngắn hạn để vươn tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn. Cũng nằm trong chiến lược phát triển dài hạn này, việc xây dựng nên chuỗi giá trị trong hoạt động sản xuất kinh doanh được đặc biệt chú trọng. Thông qua đó, doanh nghiệp có thể nâng cao chất lượng sản phẩm bằng việc quản lý nguồn gốc sản phẩm, cũng như đảm bảo tính ổn định của doanh nghiệp. Điển hình là Công ty CP Hùng Vương, bằng việc chủ động trong chuỗi giá trị từ thức ăn, con giống, ao nuôi tới chế biến và xuất khẩu, Công ty CP Hùng Vương đã đảm bảo được chất lượng sản phẩm và nguồn nguyên liệu rẻ cho các đơn hàng xuất khẩu của mình.

Với chiến lược "**Đồng hành và phát triển cùng các công ty liên kết**", SSI cam kết hỗ trợ doanh nghiệp bằng nguồn lực cũng như kinh nghiệm hoạt động tài chính của mình, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

STT	Tên Công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của SSI tại công ty liên kết	Kết quả kinh doanh 2012
1	**CTCP Giống Cây Trồng Trung Ương** Số 1 Phố Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp Gồm có 3 nhóm sản phẩm chính: Hạt giống lúa, hạt giống ngô, hạt giống rau, và gần đây đang thử nghiệm mở rộng hợp tác kinh doanh các sản phẩm trong cùng một chuỗi giá trị bao gồm: Phân bón vi sinh và sản phẩm gạo chất lượng cao cấp.	100.298.380.000	20,00%	Đạt 530 tỷ đồng Doanh thu, tương đương với kế hoạch 2012 (525 tỷ đồng), tăng trưởng 13% so với 2011 (469 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt gần 81 tỷ đồng, vượt 11,7% so với kế hoạch (72,5 tỷ đồng), và tăng trưởng 28% so với năm 2011.
2	**CTCP Giống Cây Trồng Miền Nam** 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình Tp.HCM	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại	149.923.670.000	20,00%	Đạt 446 tỷ đồng Doanh thu, tăng 17,7% so với năm 2011. Lợi nhuận sau thuế đạt 67,8 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2011.
3	**CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Bến Tre** Ấp 9, Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre	Sản xuất cá giống, nuôi trồng, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản	136.072.070.000	24,00%	Đạt 634 tỷ đồng Doanh thu (91% kế hoạch), Lợi nhuận trước thuế đạt 96,78 tỷ đồng (107,5% kế hoạch), tỷ lệ cổ tức 60%.
4	**CTCP Hùng Vương** Lô 44 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Nuôi trồng, chế biến thủy hải sản xuất khẩu, thức ăn gia súc	791.976.690.000	20,00%	Đạt 7.797 tỷ đồng Doanh thu (104% kế hoạch), Lợi nhuận sau thuế đạt 355 tỷ đồng (65% kế hoạch)
5	**CTCP Chế biến hàng xuất khẩu Long An** 81B, quốc lộ 62, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An	Đầu tư gia công, sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ trong ngành hàng nông sản, thủy sản, lương thực, thực phẩm	147.280.190.000	20,00%	Ba năm gần đây LAF duy trì mức doanh thu khá ổn định ở mức hơn 900 tỷ đồng. Tuy nhiên do hạt điều rớt giá quá mạnh từ Q4/2011, LAF bị lỗ hơn 150 tỷ đồng. Hết 2012, LAF đã không còn hàng tồn kho giá cao từ 2011 và bắt đầu trở lại kinh doanh ổn định, với kế hoạch sẽ xóa lỗ lũy kế trong 3-5 năm tới. Báo cáo tài chính của LAF cho thấy công ty không có nợ dài hạn. Nợ ngắn hạn chiếm 65% Tổng nguồn vốn và khá cân đối với tỷ lệ Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản.
6	**CTCP Xuyên Thái Bình** Số 236/43/2 Điện Biên Phủ , Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	Cung cấp dịch vụ tiện ích (vệ sinh công nghiệp), thương mại và đầu tư tài chính.	115.500.000.000	20,00%	Đạt 283,9 tỷ đồng Doanh thu, vượt kế hoạch 7%. Lợi nhuận sau thuế đạt 26,3 tỷ đồng, vượt kế hoạch 75%
7	**CTCP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh** 370 Bạch Đằng, Phường 14, Q. Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gia dụng làm từ chất liệu vải như: ba lô, vali, túi xách, và hàng may mặc	139.245.880.000	25,30%	Đạt 940 tỷ đồng Doanh thu, tăng 33% so với năm 2011. Lợi nhuận sau thuế đạt 54,6 tỷ đồng, giảm 22% so với năm 2011.
8	**CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghệ Điện Tử Viễn Thông** 18 Nguyễn Chí Thanh, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Cung cấp các sản phẩm phần mềm và tích hợp hệ thống và các giải pháp chìa khóa trao tay, dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành Viễn thông và An ninh	366.249.090.000	20,00%	Đạt 426 tỷ đồng Doanh thu (66% kế hoạch), Lợi nhuận sau thuế đạt 115,3 tỷ đồng (78,2% kế hoạch)
9	**CTCP Transimex- Saigon** Lầu 9 – 10 số 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	Hoạt động trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	230.738.240.000	20,00%	Đạt 385,7 tỷ đồng Doanh thu. Lợi nhuận sau thuế đạt 81,87 tỷ đồng Công ty đang duy trì trả cổ tức 15% hàng năm.

BÁO CÁO
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI













Tại SSI, chúng tôi phát huy tối đa tinh thần sáng tạo và sự tận tụy với môi trường, xã hội để tạo ra những lợi ích rộng lớn hơn, không chỉ bó hẹp ở việc phát triển kinh doanh hay tăng trưởng lợi nhuận của riêng mình. Với phương châm hoạt động "Chúng ta cùng thành công", SSI tự nguyện hợp tác và đồng hành trên con đường phát triển bền vững cùng các Cổ đông, Đối tác, Khách hàng, Nhân viên SSI, Cộng đồng và các bên liên quan khác.

Những con số nổi bật

Top 10	Công ty niêm yết thực hiện nghiêm túc nhất quy định công bố thông tin minh bạch (theo thống kê của Vietstock trong năm 2012)
51%	Cán bộ quản lý là Nữ giới
80 giờ	Thời lượng đào tạo trung bình/người/năm
112,5 tỷ đồng	Tiền thuế nộp Ngân sách nhà nước trong năm 2012
8 triệu đồng	Chi phí Bảo hiểm sức khỏe trung bình/người/năm
2,7 tỷ đồng	Dành cho hoạt động từ thiện
100%	Các công ty liên kết có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn
100%	Các công ty liên kết công bố cam kết bảo vệ môi trường

Đối tượng	Nội dung cam kết
Cổ đông	Trước hết, chúng tôi cam kết mang lại lợi nhuận tối ưu cho các cổ đông. Với vai trò là một công ty đại chúng, việc minh bạch hóa thông tin là đặc biệt cần thiết. Chúng tôi cam kết công bố các thông tin về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính chính xác, đầy đủ và kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các cổ đông tiếp cận nguồn thông tin chính thống đó. Hàng quý, SSI công bố báo cáo tài chính trên trang web công ty giúp các Cổ đông có bức tranh toàn diện của Công ty. Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư của Công ty được giao nhiệm vụ giải đáp mọi thắc mắc liên quan đến hoạt động của Công ty, đóng vai trò là cửa ngõ thông tin của SSI đến các nhà đầu tư.
Khách hàng	Đội ngũ nhân viên SSI luôn nỗ lực tìm tòi các giải pháp, thiết kế nhiều sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng, đem lại sự thỏa mãn tối đa và giữ trọn vẹn niềm tin mà Khách hàng đã dành cho SSI. Chúng tôi cam kết đồng hành cùng Khách hàng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và tránh tối đa sự xung đột lợi ích của Khách hàng và các bên liên quan.
Nhân viên	SSI cam kết xây dựng một môi trường làm việc trong sạch, hiện đại, an toàn và bảo mật, một chế độ đãi ngộ thỏa đáng và cạnh tranh cả về vật chất và tinh thần. Bởi, chúng tôi thấu hiểu rằng để có được sự thành công như ngày hôm nay, một nhân tố không thể thiếu đó là sự cam kết gắn bó lâu dài với Công ty của đội ngũ nhân viên.
Cộng đồng	SSI tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng. Và chúng tôi hiểu rằng sự phát triển của cộng đồng xã hội nơi chúng tôi sống và làm việc sẽ đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển bền vững của SSI. Chúng tôi chủ động tham gia và khuyến khích mọi nhân viên chung tay trong các công tác xã hội, đem lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng xã hội Việt Nam.
Cơ quan nhà nước	SSI cam kết nghiêm túc thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước, bởi chúng tôi thấu hiểu rằng việc tuân thủ khung pháp lý trong hoạt động kinh doanh là điều kiện cần để một tổ chức phát triển bền vững, phòng tránh tối đa các rủi ro. Tại SSI, hệ thống quy trình, quy định được xây dựng đầy đủ và chặt chẽ, đảm bảo thống nhất việc thực hiện các quy định pháp lý đến từng bộ phận, từng nghiệp vụ và từng nhân viên SSI. SSI cam kết luôn tích cực tham mưu cho các cơ quan chức năng, nhằm đóng góp ý kiến để xây dựng/chỉnh sửa quy định, quy chế hoạt động của thị trường.
Đối tác kinh doanh khác	Với tôn chỉ hoạt động "Chúng ta cùng thành công", SSI luôn cố gắng cân bằng lợi ích giữa Công ty và Đối tác kinh doanh, đảm bảo không xảy ra sự xung đột về quyền lợi giữa các bên liên quan. SSI chủ động hỗ trợ các Đối tác trong hoạt động tư vấn đầu tư, hỗ trợ về tài chính để mở rộng quy mô hoạt động đối với các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển bền vững, luôn đồng hành cùng họ trong các hoạt động vì xã hội và cộng đồng.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Chúng tôi luôn nhìn nhận việc minh bạch hóa và ổn định thị trường là nghĩa vụ và quyền lợi của mình trong mọi hoạt động.

Minh bạch trong từng bước đi

Một thị trường minh bạch sẽ luôn giữ được niềm tin và cam kết đồng hành của khách hàng. Đặc biệt với thị trường tài chính, nơi diễn ra nhiều biến động và chứa đựng nhiều rủi ro có thể gây ảnh hưởng nặng nề tới quyền lợi của khách hàng, thì sự minh bạch càng đóng vai trò quyết định cho sự phát triển nhanh nhưng bền vững của mọi tổ chức.

Là một trong những thành viên đi đầu trên thị trường tài chính Việt Nam, SSI luôn giữ vững tính minh bạch trong mọi hoạt động. Mọi thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, sức khỏe tài chính đều được công bố định kỳ theo quy định. SSI lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập Ernst&Young, một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu tại Việt Nam, làm đối tác thực hiện kiểm tra, đánh giá Công ty theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Cổ đông, Khách hàng và các bên liên quan có thể tìm kiếm thông tin về SSI được cập nhật liên tục và đầy đủ trên website của Công ty hay website của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Tuân thủ - An toàn – Bảo mật là nghĩa vụ hàng đầu của SSI trong việc đảm bảo và cân bằng lợi ích giữa Công ty và Nhà đầu tư

SSI luôn là công ty chứng khoán đi đầu trong việc thực hiện các quy định pháp lý, đặc biệt là nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách nhà nước. Năm 2012, tổng số tiền thuế SSI đã nộp vào ngân sách là 112,5 tỷ đồng.

Thực hiện các quy định về giao dịch của cơ quan chủ quản, SSI loại bỏ các sản phẩm đòn bẩy, hỗ trợ giao dịch “lách luật”. Với việc tuân thủ này, cùng với những nhận định chính xác về sự bất ổn của thị trường, SSI đã bảo vệ quyền lợi hợp pháp, cân bằng lợi ích của Công ty và Nhà đầu tư. Trong năm 2012, không có bất kỳ khách hàng nào của SSI bị rơi vào tình trạng mất thanh khoản do sử dụng đòn bẩy tài chính. Đến nay SSI luôn tự hào khi là một trong số ít các công ty chứng khoán tuân thủ nghiêm túc quy định của Uỷ ban chứng khoán về quản trị rủi ro sản phẩm hỗ trợ giao dịch cho khách hàng, tạo niềm tin cho khách hàng; đồng thời làm lành mạnh hóa cho thị trường chứng khoán Việt Nam, tăng tính hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, việc bảo mật thông tin cá nhân và thông tin giao dịch của Khách hàng cũng là một trong những công tác được SSI chú trọng nhằm làm lành mạnh hóa môi trường giao dịch cho khách hàng và thị trường chứng khoán Việt Nam. SSI nghiêm túc thực hiện các qui trình ngặt nghèo về sao lưu và khôi phục dữ liệu, liên tục rà soát hệ thống về độ an toàn liên quan đến những lỗ hổng bảo mật, nguy cơ tấn công hay virus. Các thiết bị bảo mật như tường lửa (firewall) hay hệ thống phòng chống virus liên tục được cập nhật và nâng cấp đảm bảo phát huy tối đa khả năng phòng chống. Theo định kỳ, SSI kết hợp cùng những đối tác bảo mật hàng đầu để đánh giá toàn diện hệ thống và hoạch định chiến lược bảo mật.

Một hạ tầng công nghệ hiện đại đáp ứng tốc độ phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam

Hệ thống phần mềm tại SSI cũng luôn được phát triển và cập nhật liên tục, đảm bảo tính ổn định, linh hoạt trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đến khách hàng. SSI luôn là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn khi có nâng cấp, chỉnh sửa hay sản phẩm mới từ UBCK, các Sở Giao Dịch, Trung tâm lưu ký và các đơn vị liên quan khác.

Hệ thống cổng thông tin điện tử phục vụ khách hàng giao dịch liên tục được nâng cấp, thêm mới nhằm mang lại nhiều tiện ích và sự hỗ trợ hiệu quả nhất cho khách hàng. Hệ thống SmartTrading, Web Trading, Contact Center và SMS được cung cấp thêm nhiều chức năng giúp khách hàng giao dịch nhanh chóng, an toàn và hiệu quả. Website SSI cũng luôn được chú trọng nâng cấp cả về giao diện, nội dung cũng như tốc độ truy cập. Ngoài nhiệm vụ là một trang thông tin điện tử của công ty, website SSI cung cấp những công cụ, báo cáo phân tích hỗ trợ cho nhà đầu tư đưa ra quyết định, và là cửa ngõ của các dịch vụ giao dịch điện tử SSI. Năm 2012, bằng việc sử dụng hệ thống phần mềm tự phát triển, SSI là Công ty Chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam kết nối thành công đến cả hai mạng giao dịch toàn cầu là Bloomberg và Reuters. Thành công này đã giúp cho việc giao dịch với các tổ chức tài chính toàn cầu nhanh chóng, chính xác và giảm thiểu rủi ro.

Đảm bảo thông tin thông suốt đến Nhà đầu tư

Công tác quan hệ nhà đầu tư tại SSI được chú trọng theo hai hướng: chủ động cung cấp thông tin cho nhà đầu tư và cung cấp theo yêu cầu.

Trang điện tử (website) là kênh cung cấp thông tin đầy đủ nhất, cập nhật nhất về tình hình hoạt động của Công ty, trong đó Nhà đầu tư có thể tham khảo các thông tin được công bố, dữ liệu tài chính, tài liệu họp và những văn bản quan trọng khác như Điều lệ, Quy chế quản trị… Nguồn dữ liệu được sao lưu từ khi thành lập Công ty và được cập nhật liên tục khi có phát sinh giúp Nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về quá trình phát triển của Công ty. Trang điện tử được trình bày bằng hai ngôn ngữ, tiếng Việt và tiếng Anh, mang lại tiện ích cho Nhà đầu trong và ngoài nước.

Ngoài những thông tin do Công ty chủ động cung cấp, công bố ra công chúng, bất kỳ Nhà đầu tư nào đều có thể liên hệ với bộ phận Quan hệ nhà đầu tư, hoặc người được ủy quyền để nhận thông tin theo yêu cầu (trong trường hợp các thông tin đó được phép công bố).

Với mục đích đảm bảo thông tin thông suốt đến Nhà đầu tư, Công ty đã tổ chức bộ máy bao gồm nhân sự, cơ sở vật chất, hệ thống quy trình, quy chế nội bộ, cơ chế kiểm soát. Các quyền của cổ đông về việc yêu cầu và nhận thông tin từ Công ty được cụ thể hóa trong quy chế Quản trị công ty, Quy chế công bố thông tin và được đăng tải rộng rãi trên trang tin điện tử của công ty để nhà đầu tư biết và thực hiện.

Trong năm 2012, trang tin www.vietstock.com.vn đã thống kê và đánh giá SSI là một trong những công ty thực hiện tốt nhất quy định công bố thông tin minh bạch, kịp thời tới Nhà đầu tư.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

SSI cam kết xây dựng một môi trường làm việc trong sạch, hiện đại, an toàn và bảo mật, một chế độ đãi ngộ thỏa đáng và cạnh tranh so với mặt bằng thị trường.

Một hệ thống hạ tầng ổn định, bảo mật, an toàn, hiện đại là điều kiện làm việc tối thiểu SSI đặt ra nhằm phục vụ tốt cho công việc của cán bộ nhân viên, tạo nền tảng vững chắc cho các hoạt động kinh doanh hàng ngày của SSI.

Hệ thống máy chủ, các thiết bị hạ tầng và các đường truyền kết nối liên tục được nâng cấp và hiện đại hóa nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại và mở rộng trong tương lai. Trong năm 2012, SSI đã triển khai dự án tái cấu trúc toàn diện hệ thống mạng truyền dẫn bao gồm tất cả thiết bị mạng và bảo mật cùng với các kênh truyền số liệu. Dự án là sự kết hợp đồng bộ từ khâu thiết kế cho đến lựa chọn thiết bị và quy trình triển khai theo những chuẩn mực cao nhất. Triển khai thành công đã đưa hệ thống của SSI tiến thêm một bước quan trọng về bảo mật và tính sẵn sàng cao của hệ thống.

Đảm bảo quyền lợi của người lao động, xây dựng chương trình thu hút và phát triển tài năng là một trong những định hướng để SSI trở thành nơi hội tụ nhân tài trên thị trường lao động chất lượng cao

Hoàn thiện chính sách chi trả thu nhập gắn với yêu cầu công việc và giá trị công việc. Kế thừa và kiện toàn hệ thống cấp bậc nội bộ đã được chuẩn hóa quốc tế theo phương pháp của Mercer, chính sách chi trả thu nhập vẫn tiếp tục được nghiên cứu và hoàn thiện trong năm 2012. Theo đó, thu nhập của nhân viên được chi trả gắn liền với yêu cầu công việc và giá trị công việc. Điều này tiếp tục đảm bảo tính công bằng trong nội bộ, tạo động lực cho mỗi nhân viên phấn đấu và phát huy khả năng tại vị trí của mình. Đồng thời, chính sách chi trả thu nhập của SSI vẫn giữ vững tính cạnh tranh trên thị trường, góp phần thu hút thêm các nhân lực chất lượng cao tới đầu quân cho SSI. Đặc biệt, đối với chính sách thu nhập của đội ngũ môi giới, Công ty đã xây dựng và áp dụng hiệu quả cơ chế hoa hồng cho nhân viên môi giới và cộng tác viên, mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc tăng trưởng doanh thu và phát triển mạng lưới khách hàng.

Duy trì và cải thiện chế độ phúc lợi cho nhân viên. Mặc dù trong thời điểm khó khăn, SSI vẫn tiếp tục duy trì chế độ khám sức khỏe định kỳ và bảo hiểm sức khỏe cao cấp cho nhân viên với những quyền lợi và phạm vi bảo hiểm cao. Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe cao cấp đã chi trả trong năm 2012 là hơn 3 tỷ đồng. Đây chính là một trong những công tác bảo vệ sức khỏe cho người lao động và là một điểm mạnh để SSI thu hút nhân sự chất lượng cao.

Chính sách phát triển nghề nghiệp. Ngoài chính sách thu nhập và phúc lợi cạnh tranh, SSI luôn chú trọng đến việc đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Trong năm 2012, SSI đã tiến hành rà soát các trường hợp thuộc diện bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán, tạo điều kiện cho họ tham gia học và thi bổ sung chứng chỉ theo quy định. Tổng cộng có 126 lượt nhân viên được tham gia hoàn thiện chứng chỉ hành nghề. Bên cạnh đó, việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt đối với các vị trí cấp cao, được Ban lãnh đạo tạo điều kiện và dành nhiều sự quan tâm. Trong năm 2012, Công ty đã hỗ trợ học phí đào tạo nâng cao trình độ, phù hợp với chuyên môn của vị trí đang đảm nhiệm cho 02 cán bộ cấp cao, nâng tổng số cán bộ cấp cao được hỗ trợ đào tạo tại SSI lên 13 người

Thống kê trình độ học vấn



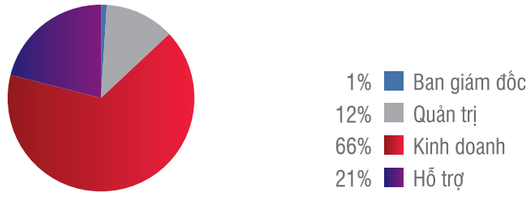
Cơ cấu giới tính



Cơ cấu giới tính trong Cấp quản lý



Cơ cấu nhân sự theo khối chức năng





SSI cũng đang từng bước phát triển và hoàn thiện chương trình tuyển dụng nội bộ, theo đó mỗi cá nhân có thể tìm kiếm những vị trí phù hợp nhất, phát huy tối đa năng lực của mình và có quyền đề xuất được thuyên chuyển nội bộ. Trong năm 2012, một số vị trí đã được tuyển dụng trong nội bộ, đáp ứng tốt yêu cầu công việc của vị trí mới. Điều này cho thấy đây là một định hướng đúng đắn nhằm nâng cao khả năng hỗ trợ, luân chuyển nhân sự giữa các bộ phận khi cần thiết, cũng như tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp cho nhân viên SSI.

Nỗ lực tạo nên một môi trường làm việc trong sạch bằng chiến lược xây dựng thành công Văn hóa doanh nghiệp SSI

12 năm – một quãng thời gian đủ dài để SSI xây dựng thành công những nét riêng trong văn hóa doanh nghiệp. Những nét riêng ấy luôn được đề cao, duy trì và phát triển qua mọi thế hệ nhân viên, được hiện hữu trong cách ứng xử hàng ngày và là nền tảng vững chắc giúp SSI vượt qua những khó khăn, hướng tới một tương lai phát triển bền vững.

Mọi nhân viên đều ứng xử theo quy chuẩn được ban hành trong Quy tắc Đạo đức nghề nghiệp của SSI .

Bộ Quy tắc Đạo đức nghề nghiệp của SSI được ban hành vào tháng 06/2012, quy định các nguyên tắc, nội dung và hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của nhân viên Công ty, nhằm đảm bảo đạt được những tiêu chuẩn cao nhất về trình độ chuyên môn, đạo đức, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội nói chung và khách hàng nói riêng.

Với bộ Quy tắc này, nhân viên SSI được định hướng tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức kinh doanh trên mọi phương diện, hành xử theo một chuẩn mực giống nhau cả trong và ngoài giờ làm việc. Một mặt, quy định này là một trong những động thái nhằm xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp SSI; mặt khác, cũng góp phần xây dựng thương hiệu SSI nói chung và thương hiệu cho nhân viên SSI nói riêng.

Tính chuyên nghiệp, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, cống hiến hết mình cho tổ chức và biết cách chia sẻ với đồng nghiệp là nét văn hóa chủ đạo của SSI.

Trong năm 2012, CBNV của Công ty đồng loạt được trang bị những bộ đồng phục mới với màu sắc chủ đạo là màu ghi xám và màu đỏ. Khoác lên mình những bộ đồng phục mang đậm sắc màu SSI là một trong những cách để nhân viên SSI thể hiện sự chuyên nghiệp trong phong cách làm việc, sự đồng lòng cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho khách hàng nội bộ và bên ngoài.

Bên cạnh cơ cấu tổ chức rõ ràng, phân công công việc hợp lý cho các bộ phận và cho từng nhân viên, SSI luôn đề cao tinh thần đồng đội, làm việc theo nhóm để nâng cao hiệu quả công việc. SSI hiểu rõ rằng một tập thể thực sự vững mạnh phải được hình thành trên tinh thần hợp tác, chia sẻ, cùng chung định hướng phát triển, biết phát huy những điểm mạnh và hạn chế những điểm yếu của mỗi cá nhân. Và SSI đã thành công khi xây dựng được đội ngũ chuyên nghiệp, ứng xử lễ độ với niềm khát khao trở thành một trong những nhân tố tích cực của Văn hóa SSI.

Chia sẻ thông tin chính xác, kịp thời được coi là trọng điểm trong việc xây dựng Văn hóa doanh nghiệp tại SSI.

Trước hết, việc chia sẻ thông tin hai chiều giữa Lãnh đạo và Nhân viên được khuyến khích tối đa thông qua các cuộc trưng cầu ý kiến nội bộ, gửi thư điện tử trực tiếp, bình chọn trực tuyến hoặc thông qua mạng nội bộ. Đặc biệt, Ban Lãnh đạo luôn chủ động cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, các chính sách mới đến cán bộ nhân viên qua các kênh thông tin nội bộ nhằm định hướng thông tin chính thống trên toàn SSI.

Tuy mới được xây dựng trong thời gian gần đây nhưng các kênh truyền thông nội bộ của SSI đã chứng minh được vai trò quan trọng trong việc gắn kết các thành viên. Truyền thông nội bộ đóng vai trò như một "ống kính camera" len lỏi khắp ngõ ngách đời sống công sở của nhân viên Công ty, như một sợi dây kết nối các thành viên trong đại gia đình SSI. Diễn đàn nội bộ SSI Forum cũng được duy trì đều đặn, với sự cải tiến thường xuyên về kỹ thuật, hình ảnh nhằm tạo nên một địa điểm chia sẻ kinh nghiệm, vui buồn cuộc sống cho từng thành viên SSI. Trong năm 2012, lần đầu tiên SSI cho ra mắt Bản tin nội bộ SSI Insider, xuất bản 2 tuần/lần với nhiều nội dung đổi mới liên tục, khai thác các mảng thông tin về công việc và cuộc sống "người dân" nơi đây.

Chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho nhân viên luôn được Ban lãnh đạo quan tâm và tạo điều kiện thực hiện.

Chương trình Gặp gỡ thường niên của SSI vẫn được duy trì đều đặn hàng năm để tất cả cùng nhìn lại một năm hoạt động, hướng đến mục tiêu trong năm tới, và là dịp để toàn thể nhân viên SSI trên mọi miền đất nước gặp mặt, giao lưu, tham gia các hoạt động tập thể. Nhân dịp sự kiện này, Công ty đã tổ chức nhiều cuộc thi đua bình chọn thể hiện tinh thần phấn đấu, nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ SSI, điển hình là cuộc bình chọn Sự kiện tiêu biểu của năm, Nhân viên tiêu biểu, Lãnh đạo tiêu biểu.

Bên cạnh đó, một số hoạt động sinh hoạt tập thể cũng được diễn ra đều đặn như CLB Nhiếp ảnh, Bóng đá, Du lịch, Cờ tướng, Tennis, … nhằm tăng cường tình đoàn kết và giúp mọi thành viên SSI thư giãn sau những giờ làm việc căng thẳng. Trong năm 2012, SSI đã tham gia nhiều chương trình thi đấu giao hữu bóng đá với các Công ty chứng khoán, các Ngân hàng và các Đơn vị ban ngành khác.

Bên cạnh đó, SSI cũng liên tục tổ chức các cuộc thi nội bộ, các chương trình để chào mừng những ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm chung dành cho các thành viên SSI như Ngày Quốc tế phụ nữ, Ngày Quốc tế thiếu nhi... với nội dung đặc sắc, được dàn dựng công phu, đa dạng và sáng tạo. Những cuộc thi này không những chỉ dành cho các thành viên SSI mà còn được mở rộng cho gia đình của họ với ý nghĩa SSI thực sự đã trở thành một "Đại gia đình đông con nhiều cháu", thành nơi sum vầy của mọi thành viên SSI và người thân mỗi dịp lễ tết.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Một trong 09 tôn chỉ hoạt động của SSI là "**Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng**". Bên cạnh nhiệm vụ kinh doanh, SSI còn chú trọng đến những lợi ích lâu dài của cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội. Trong suốt hơn 12 năm phát triển, SSI chủ động xây dựng các chương trình phát triển giáo dục và thể chất cho thế hệ trẻ, cũng như chung tay cùng cộng đồng để góp phần xây dựng một xã hội Việt Nam tốt đẹp hơn. Năm 2012, ba lĩnh vực chính trong hoạt động cộng đồng của SSI bao gồm:

Đầu tư phát triển giáo dục

SSI hiểu rõ được rằng để hướng đến một nền kinh tế tri thức, đưa Việt Nam sánh ngang cùng các cường quốc năm châu thì chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của kế hoạch này. Trong năm 2012, SSI tập trung đóng góp các điều kiện vật chất giúp học sinh nghèo tại các tỉnh miền núi xa xôi vượt qua khó khăn để học tập. Các hoạt động chính bao gồm:

- **Hoàn thành việc xây dựng Trung tâm Học tập Cộng đồng tại tỉnh Cao Bằng**

  Ngày 30 tháng 7 năm 2012, Trung tâm Học tập Cộng đồng tại xã Quang Hán, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng đã được hoàn thiện, cung cấp một cơ sở khang trang, vừa là văn phòng làm việc cho cán bộ địa phương, vừa là nơi tổ chức các lớp học nghề, phổ biến kiến thức cho người dân vùng giáp biên này.

- **Trang bị đồ dùng học tập cho các em học sinh nghèo tại Mộc Châu**

  Năm 2008, SSI đã tài trợ xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở trường THCS Chiềng Hắc tại Mộc Châu, nơi có 80 em học sinh dân tộc nội trú với điều kiện cuộc sống khó khăn và thiếu thốn, nguy cơ phải bỏ học là khá lớn. Trong năm 2012, nằm trong kế hoạch tiếp tục hỗ trợ trang thiết bị học tập cho trường, cán bộ nhân viên SSI đã quyên góp, ủng hộ sách vở, đồ dùng học tập và đến tận nơi tặng cho các em vào đầu năm học mới.

- **Chiến dịch "Việc tốt cuối năm – Tết ấm cho em" cho các em học sinh nghèo tại Cao Bằng**

  Cùng với các Công ty liên kết, Công ty CP Giống cây trồng Trung Ương (NSC) và Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông (ELC), SSI đã phối hợp thực hiện chương trình từ thiện cho các em học sinh nghèo của trường Mầm non, Tiểu học và THCS của 02 xã Sơn Lộ và Sơn Lập, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Tại nơi đây, hơn 90% học sinh là dân tộc thiểu số, với hoàn cảnh khó khăn và cuộc sống vô cùng thiếu thốn, các em không có điều kiện học tập và sinh sống đầy đủ, một số em đã phải bỏ học giữa chừng vì điều kiện gia đình không cho phép. Trong chuyến đi từ thiện lần này, SSI cùng với các Công ty liên kết đã mang đến nhiều đồ dùng học tập, đồ dùng sinh hoạt thiết thực, và trao tặng 30 suất học bổng (mỗi suất học bổng tương đương giá trị tiền học phí cho 01 năm học) cho 30 em học sinh nghèo vượt khó, đạt kết quả học tập cao.

Xóa đói giảm nghèo, chung tay khắc phục hậu quả thiên tai

Thực hiện chủ trương của Chính phủ trong công tác xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào tại các khu vực khó khăn của Việt Nam, SSI đã tổ chức nhiều chuyến đi từ thiện, ủng hộ người nghèo tại các tỉnh vùng sâu, vùng xa của phía Bắc và các tỉnh miền Trung

- **Đóng góp cho Quỹ hỗ trợ ngư dân Quảng Ngãi**

  Trước những thiệt hại quá lớn từ thiên tai, bị nước ngoài bắt giữ tàu thuyền và ngư dân, trong khi ngân sách Nhà nước không có khả năng hỗ trợ đầy đủ để ngư dân kịp thời khôi phục phương tiện tiếp tục ra khơi, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chính thức lập Quỹ hỗ trợ ngư dân Quảng Ngãi vào tháng 08/2012. Chung tay cùng chiến dịch hỗ trợ ngư dân làm ăn sinh sống hợp pháp và góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam, cán bộ nhân viên SSI đã quyên góp và đóng 200 triệu đồng vào Quỹ hỗ trợ này.

- **Thăm và tặng quà người dân tại đảo Thiềng Liềng – Cần Giờ**

  Để chia sẻ khó khăn với người dân cũng như các em học sinh tại đây, cán bộ nhân viên SSI đã có chuyến thăm và tặng quà cho các em nhỏ và hộ nghèo ở ấp Thiềng Liềng – Thạnh An – Cần Giờ.

- **Chương trình "Chia sẻ yêu thương" cho trẻ em nghèo tại chùa Từ Hạnh, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh.**

  Thấu hiểu được những khoảng lặng của trẻ em mồ côi, SSI chủ trương chia sẻ tình cảm và vật chất cùng họ, đặc biệt trong những dịp lễ tết. Và trại trẻ mồ côi tại chùa Từ Hạnh, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh được chọn làm điểm đến trong chương trình từ thiện này. Cán bộ nhân viên Hội sở chính và Chi nhánh Nguyễn Công Trứ đã đóng góp, mua sách vở, dụng cụ học tập, đồ chơi, quần áo tặng các bé nhân dịp Tết trung thu 2012.

Đền ơn đáp nghĩa

Được sống trong một đất nước hòa bình như hiện nay, tập thể nhân viên SSI không quên ơn các anh hùng, liệt sỹ đã hy sinh thân mình vì Tổ quốc. Hoạt động tri ân đối với gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn là một trong những chính sách được Ban lãnh đạo SSI ưu tiên thực hiện. SSI chủ động đăng ký tham gia chương trình "Chăm lo Tết cho gia đình chính sách khó khăn, người nghèo năm Quý Tỵ 2013" do Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, Phường Bến Nghé, Quận 1 phát động phong trào.

Bên cạnh ba lĩnh vực chính trong hoạt động cộng đồng, bằng hoạt động đầu tư của mình, chúng tôi dành nhiều sự quan tâm cho việc ổn định kinh tế của cộng đồng xã hội Việt Nam. Trong năm 2012, định hướng đầu tư của SSI là tập trung vào các ngành cơ bản và có thế mạnh của nền kinh tế như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, và hàng tiêu dùng. Bởi lẽ, chúng tôi hiểu rằng các ngành này không chỉ có tiềm năng phát triển ổn định, mà còn tạo ra công ăn việc làm cho khoảng 80% lực lượng lao động Việt Nam. Quan tâm đến đầu tư vào chuỗi giá trị, SSI mong muốn cùng các Công ty liên kết nâng cao chất lượng sản phẩm từ khâu tạo giống, mang lại lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm; đồng thời phát triển các ngành kinh tế truyền thống, góp phần ổn định đời sống của hàng triệu người lao động đang gắn bó với các ngành này.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Với định hướng đầu tư có trọng điểm vào ngành kinh tế thế mạnh của Việt Nam, SSI đã lựa chọn đầu tư vào ngành nông, lâm, thủy sản và hàng tiêu dùng; lựa chọn các công ty có tiềm lực, có chiến lược phát triển dài hơi với các giải pháp thân thiện với môi trường; nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm hướng đến mục tiêu phát triển nền nông nghiệp Việt Nam bền vững vì sức khỏe cộng đồng và các sản phẩm có khả năng kháng bệnh để hạn chế tối thiểu việc sử dụng thuốc kích thích từ khâu tạo giống.

Cẩn trọng trong công tác đầu tư, SSI quan tâm đến mọi khâu trong dây truyền sản xuất, từ khâu phát triển giống cây trồng vật nuôi, khâu chế biến đến khâu đóng gói và xuất bán. SSI hiểu rằng chất thải của ngành nông nghiệp ra ngoài môi trường nếu không được xử lý đúng quy cách sẽ là một trong những tác nhân gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, môi trường sống của người dân xung quanh các cơ sở này. Nếu tuân thủ quy trình xử lý chặt chẽ, theo đúng tiêu chuẩn sẽ đem lại hiệu quả kinh tế, ngược lại sẽ gây lãng phí, đồng thời gây ô nhiễm môi trường và tạo ra chất độc hại có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người tiêu dùng. Với mục tiêu chung tay cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sinh thái, SSI giúp các công ty liên kết nghiên cứu, sản xuất kinh doanh, thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa để nâng cao chất lượng giống cây trồng vật nuôi, một mặt đảm bảo sản phẩm sạch, an toàn từ khâu tạo giống, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, mặt khác giúp các công ty liên kết xử lý triệt để các yếu tố gây hại tới môi trường nhằm bảo vệ môi trường sống.

Mặc dù ngành nghề kinh doanh chính của SSI không trực tiếp tác động đến môi trường sinh thái, nhưng chúng tôi luôn ý thức được rằng dù trực tiếp hay gián tiếp SSI vẫn mong muốn chung tay cùng cộng đồng xây dựng một môi trường sống trong sạch, an toàn và bền vững cho các thế hệ mai sau. Đó là một trong những lý do chính yếu khi SSI quyết định đầu tư vào ngành kinh tế có thế mạnh của Việt Nam, 100% các công ty SSI lựa chọn đều có chiến lược phát triển bền vững, đã có hoặc có định hướng xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế và đặc biệt là cam kết bảo vệ môi trường sinh thái. Đáng chú ý là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre - ABT hiện đang sở hữu các chứng chỉ chất lượng như GLOBAL G.A.P, MSC CoC, BRC, ISO 9001, HACCP, EU Code DL 22, HALAL. Theo đó, ABT được UBND tỉnh cấp giấy phép xả nước thải sau xử lý vào nguồn nước, được xác nhận đã hoàn thành các các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường tại các trại nuôi cá. Một số công ty liên kết khác như Công ty CP Hùng vương – HVG, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông – ELCOM, Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh – Gilimex ... đều đạt các chứng nhận chất lượng quốc tế để có thể xuất khẩu sản phẩm vào các thị trường lớn như USA, EU, Úc, Nga, Trung Đông và các nước Nam Mỹ. Điều này một lần nữa khẳng định sâu sắc hơn ý thức thực hiện trách nhiệm với Môi trường trong mọi hoạt động của chúng tôi, dù chỉ là gián tiếp.

Trong nội bộ Công ty, việc tăng cường ý thức bảo vệ môi trường sống, quan tâm đến an sinh xã hội cũng là một điểm nhấn trong văn hóa doanh nghiệp của SSI. Trong đó, vấn đề bảo vệ môi trường được Ban lãnh đạo công ty đặt lên hàng đầu trong năm 2012, như việc in ấn tài liệu, sử dụng giấy tái chế, sử dụng nguồn tài nguyên điện và nước. Những thông điệp tuyên truyền tiết kiệm điện và nước liên tục được truyền bá rộng rãi trong Công ty thông qua các kênh truyền thông nội bộ. Trong năm 2012, SSI đã phát động chương trình "SSI xanh" với việc chuyển toàn bộ các tài liệu giấy của SSI sang phiên bản điện tử. Các thông báo trong nội bộ SSI đã được chuẩn hóa thành phiên bản điện tử để ban hành qua hệ thống Thư điện tử, Website, Intranet (mạng thông tin nội bộ), Forum (diễn đàn nội bộ) của công ty. Các tài liệu giới thiệu sản phẩm, dịch vụ của SSI cũng được định hướng chuyển sang phiên bản điện tử, hạn chế việc in ấn tài liệu giấy, góp phần bảo vệ môi trường. Và đặc biệt, Báo cáo thường niên của SSI bắt đầu được xuất bản online với website riêng, một mặt góp phần bảo vệ môi trường, một mặt tạo sự thuận lợi cho các Cổ đông, Khách hàng, Nhà đầu tư truy cập tài liệu nhanh gọn và thân thiện hơn.





KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2013

Nắm bắt thời cơ, tạo đà phát triển.
Chúng ta cùng thành công



TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2013



Theo dự đoán năm 2013 Chính phủ sẽ nỗ lực đưa ra một giải pháp toàn diện để hỗ trợ tăng trưởng, trong khi đó, ổn định vĩ mô vẫn cần được ưu tiên hàng đầu. Để giải quyết các vấn đề tồn tại có thể đe dọa tới tăng trưởng, ổn định vĩ mô cần được ưu tiên nhằm tiến tới một mô hình tăng trưởng bền vững hơn và giải quyết vấn đề nợ xấu đang đè nặng lên hệ thống ngân hàng, cũng như thị trường bất động sản.

KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2013 - TIẾP TỤC QUÁ TRÌNH GIẢM NỢ VỚI TĂNG TRƯỞNG DƯỚI MỨC TRUNG BÌNH

Tăng trưởng GDP thấp hơn mức bình quân giai đoạn trước
Như đã đề cập ở trên, việc Việt Nam đạt thặng dư thương mại trong năm 2012 đã giúp GDP tăng trưởng ở mức khá khiêm tốn là 5,03%. Năm 2013, chúng tôi cho rằng xuất siêu sẽ không còn cao như vậy do nhập khẩu có thể quay lại tăng trưởng mạnh hơn xuất khẩu, trong khi đó chúng tôi vẫn khá thận trọng về khả năng tăng trưởng nhờ Đầu tư và Chi tiêu của Chính phủ.

Về tiêu dùng, cầu trong nước tỏ ra khá e dè trong năm 2012 với tổng mức bán lẻ đạt mức tăng trưởng 6,2% so với năm trước (đã loại bỏ yếu tố lạm phát). Sau một năm 2012 đầy khó khăn, khi tái cấu trúc kinh tế gia tăng áp lực lên việc làm, các hộ gia đình có cái nhìn cẩn trọng hơn với năm 2013. Hàng tồn kho tiếp tục là tâm điểm khi tăng 20% so với năm trước. Chính phủ đã có những nỗ lực nhằm kích cầu, bao gồm gỡ bỏ hạn chế tín dụng tiêu dùng và khuyến khích mua hàng sản xuất trong nước, tuy nhiên, chúng tôi cho rằng vẫn cần phải có thêm nhiều biện pháp mạnh hơn nữa. Nói tóm lại, chúng tôi dự đoán tiêu dùng danh nghĩa sẽ tăng 19% trong năm 2013 so với 16% trong năm 2012, đây sẽ là động lực thúc đẩy GDP năm 2013 đạt mức 5,3% (thấp hơn so với mục tiêu giai đoạn 2011-2015 là 7,5% và mức trung bình giai đoạn 2004-2010 là 7,33%).

Đầu tư tiếp tục suy yếu
Thứ nhất, về **đầu tư công**, mục tiêu đặt ra cho năm 2013 là khoảng 175 nghìn tỷ đồng (thấp hơn 180 nghìn tỷ đồng trong năm 2012). Nếu loại bỏ yếu tố lạm phát, con số này sẽ còn thấp hơn. Do Chính phủ hạn chế các dự án mới bắt đầu trong năm 2013, đầu tư ngân sách sẽ tập trung vào các dự án hiện tại, chủ yếu nhằm giải quyết nợ đọng xây dựng cơ bản được kết chuyển từ năm ngoái (ước tính khoảng 90 nghìn tỷ đồng). Cũng cần lưu ý rằng đầu tư công vẫn tăng 9,6% trong năm 2012 (Nguồn: TCTK). Mặc dù hiệu quả đầu tư công chưa thể cải thiện nhanh, chúng tôi thấy các dự án này được giám sát chặt chẽ hơn và chuyển biến tích cực sẽ đến dần dần. Đẩy mạnh cổ phần hóa (không chỉ IPO, mà còn giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước tại các tập đoàn nhà nước, tăng trần sở hữu nước ngoài) có thể đưa đến kết quả khả quan cho đầu tư công.

Thứ hai, với **đầu tư tư nhân**, do lãi suất cho vay và huy động sẽ thấp hơn mức bình quân năm 2012, điều kiện đầu tư sẽ có nhiều thuận lợi hơn. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng quyết định đầu tư lại liên quan mật thiết tới quá trình giảm nợ (deleveraging). Để giảm tỷ lệ nợ hiện nay, các công ty và cá nhân cần phải cắt giảm chi tiêu và đầu tư. Tỷ lệ cho vay trên huy động (LDR) của hệ thống ngân hàng vào khoảng 90% vào cuối năm 2012 (giảm so với mức 103% vào cuối năm 2011) và dự kiến sẽ giảm xuống 80% vào cuối năm 2013. Do quá trình giảm nợ dự kiến sẽ còn tiếp tục, chúng tôi chưa thấy tiềm năng tăng trưởng của tiêu dùng cá nhân trong năm nay.

Cuối cùng, **với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài**: Vốn FDI cam kết và giải ngân trong năm 2012 đạt 13,01 tỷ USD (giảm 15,3% so với năm trước) và 10,46 tỷ USD (giảm 4,9%). Bộ Kế hoạch & Đầu tư ước tính rằng trong năm 2013, vốn FDI cam kết và giải ngân sẽ đạt 13-14 tỷ USD và 10,5-11 tỷ USD, tương đương với mức năm 2012.

Tuy nhiên, đầu tư và các thành phần khác của GDP có mối liên hệ với nhau.Trong thời gian gần đây, FDI ở Việt Nam có xu hướng chuyển sang lĩnh vực sản xuất (và chúng tôi kỳ vọng các ngành công nghiệp phụ trợ sẽ sớm có sự phát triển mạnh mẽ hơn), nhờ đó xuất khẩu sẽ tăng trưởng bền vững hơn do Việt Nam được hưởng những lợi thế từ chuỗi giá trị toàn cầu. Xu hướng tăng tỷ trọng mặt hàng công nghệ cao trong xuất khẩu sẽ tiếp tục diễn ra trong năm 2013 và những năm tiếp theo với việc có thêm nhiều hãng lớn tham gia (Samsung, Intel, Foxconn

và nhiều nhà sản xuất Nhật Bản). Tuy nhiên, tăng trưởng xuất khẩu hàng công nghệ cao dự kiến sẽ thấp hơn so với mức tăng của năm 2012. Chúng tôi dự đoán tăng trưởng của nhóm ngành này có thể sẽ mạnh mẽ hơn kể từ năm 2014. Cùng với việc nhập khẩu ít bị hạn chế hơn, chúng tôi dự báo cán cân thương mại sẽ thâm hụt trở lại (khoảng 4 tỷ USD) trong năm 2013.

Rủi ro lạm phát vẫn còn, cắt giảm lãi suất không lâu dài
Trong năm 2012, lạm phát cơ sở khá thấp, do đó Chính phủ càng khó đạt mục tiêu CPI 6-6,5% trong năm 2013 (Trong quá khứ, một năm lạm phát thấp thường theo sau là một năm có lạm phát cao). Trong năm 2012, thành phần chính của CPI là lương thực và thực phẩm chỉ tăng 1% so với năm trước (2011 tăng 24%, 2010: 16%, 2009: 6%) sẽ là một rủi ro lớn cho năm 2013. Việc tăng cường kiểm soát thực phẩm nhập khẩu giá rẻ/ không đạt tiêu chuẩn vệ sinh sẽ góp phần làm tăng giá bán để bù đắp chi phí gia tăng (chi phí thức ăn chăn nuôi, v.v… vốn đã gia tăng từ 2012).

Trong năm 2013, nhiều khả năng các tập đoàn kinh tế sẽ tiếp tục nâng giá bán các sản phẩm xăng dầu, than và điện. Với Vinacomin, theo báo cáo giá bán than cho ngành điện chỉ bằng 70% chi phí (Vinacomin đã chịu lỗ 6,5 nghìn tỷ đồng khi bán than cho EVN). Với EVN, Nhà nước hiện đang trợ cấp lượng điện cung cấp cho các nhóm thu nhập thấp còn Petrolimex công bố chỉ tính 70% chi phí bán hàng vào giá bán. Dường như các tập đoàn kinh tế đều có lý do để tăng giá bán, nếu không, kế hoạch kinh doanh năm 2013 của họ có thể sẽ thấp hơn. Ước tính của chúng tôi cho thấy giá điện và giá than áp dụng cho các công ty điện có thể tăng 13% và 40%. Do đó, sẽ tạo ra áp lực lạm phát bởi giá những mặt hàng này có thể tạo ra hiệu ứng domino cho các mặt hàng khác.

Nói tóm lại, chúng tôi cho rằng lạm phát theo năm có thể tăng trong quý 2, tương đối ổn định trong quý 3 và tăng trở lại trong quý 4. Theo đó có khả năng lãi suất điều hành sẽ giảm vào đầu quý 2/2013. Sau đó, tình hình có thể sẽ phức tạp hơn khi CPI dự kiến tăng trở lại. Chúng tôi tin rằng trần lãi suất huy động có thể sẽ giảm xuống thấp nhất là 7% trong năm 2013 (hiện là 7,5%) và sau đó mức trần này có thể được gỡ bỏ. Chúng tôi cho rằng lãi suất cho vay bình quân có thể xuống thấp hơn mức năm 2012, từ 10-14% tùy thuộc vào từng ngành. Một số ngành sẽ dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay hơn, nhưng chỉ khi có một giải pháp rõ ràng cho vấn đề nợ xấu trong năm 2013.

Xin lưu ý rằng phát hành trái phiếu Chính phủ có thể tăng trong năm 2013 để đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng cơ sở trong bối cảnh thắt chặt ngân sách và tiếp cận tín dụng khó khăn.

Nếu điều này xảy ra, nhiều khả năng lãi suất thấp sẽ không được kéo dài.

Tỷ giá VND/USD: Tiếp tục ổn định
Cán cân thanh toán tổng thể đạt khoảng 10 tỷ USD trong năm 2012, và NHNN dự kiến thặng dư trong năm 2013 sẽ đạt 3 tỷ USD (do dự báo nhập khẩu sẽ tăng trở lại trong năm 2013). Với dự kiến lạm phát tăng, chúng tôi dự báo đồng VND sẽ giảm nhẹ so với đồng USD (nhiều nhất 3%) tới mức cân bằng giữa hai đồng tiền. Ổn định thị trường vàng miếng vẫn là một thách thức trong năm 2013 do chênh lệch giữa giá trong nước và giá thế giới cần được thu hẹp và việc thuyết phục người dân thay đổi thói quen dự trữ vàng là khá khó khăn trong bối cảnh lãi suất tiền gửi thấp và lạm phát không ổn định.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2013 - RỦI RO VẪN TIỀM ẨN, CƠ HỘI NHIỀU HƠN

Chúng tôi cho rằng những rủi ro trong năm 2013 vẫn tương tự như năm 2012. Trong năm 2012 nền kinh tế phải đối mặt với tăng trưởng chậm chạp và khó khăn dự kiến sẽ còn tiếp diễn trong năm 2013. Năm 2012, chúng tôi dự báo (1) cải cách ngân hàng và (2) tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước sẽ được thực hiện trong năm vừa qua. Tuy nhiên, chưa có nhiều biện pháp được thực hiện và đến một mức độ nhất định, nền kinh tế sẽ không thể chịu đựng thêm. Khi Chính phủ công bố các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề nợ xấu và giải cứu thị trường bất động sản vào cuối năm 2012, thị trường đã phục hồi. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn nghi ngại làn sóng phục hồi hiện tại sẽ mất thời gian để các chính sách biến thành hành động cụ thể. Chúng tôi liệt kê ra những vấn đề đang đe dọa nền kinh tế theo trình tự tầm quan trọng: (1) nợ xấu, (2) tăng cường hiệu quả của khối doanh nghiệp nhà nước, (3) tổng cầu yếu, (4) rủi ro lạm phát, (5) thâm hụt ngân sách và (6) dư cung trên thị trường bất động sản.

Chúng tôi tin rằng nếu hai vấn đề đầu tiên được nhận diện đúng đắn và tạo ra kết quả tích cực, điều này sẽ giúp làm tăng niềm tin của nhà đầu tư và cải thiện hoạt động của thị trường chứng khoán.

Điều này lý giải quan điểm của chúng tôi cho rằng cơ hội trong năm 2013 sẽ nhiều hơn năm 2012.

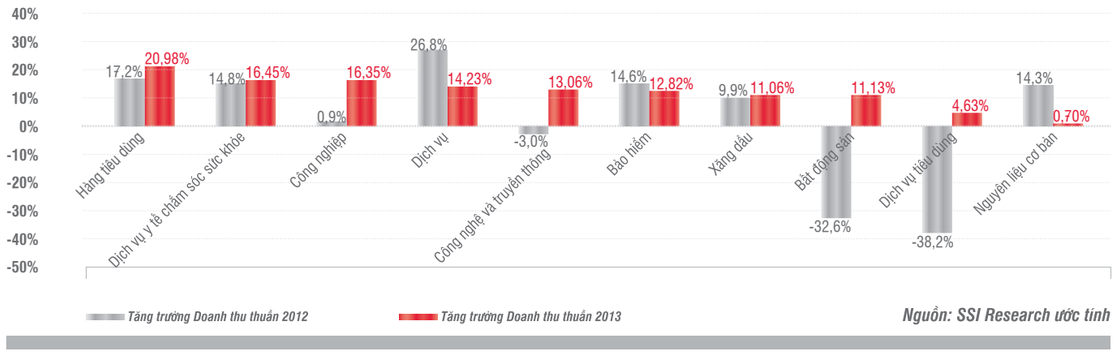
Để làm tăng niềm tin của nhà đầu tư, Chính phủ cần phải có những hành động quyết liệt. Nợ xấu cần phải tái cơ cấu và tái cấp vốn và có thể thực hiện bằng hai cách: (1) tăng sở hữu nước ngoài và (2) Công ty mua bán nợ quốc gia (VAMC). Dự thảo đề án VAMC và tăng sở hữu nước ngoài cả trực tiếp và thông qua cổ phiếu không có quyền biểu quyết đều đã được công bố. Các giải pháp cứu trợ thị trường bất động sản cũng đã được đưa ra. Chúng tôi tin rằng sẽ còn nhiều tin tức nữa liên quan tới cơ chế thực hiện và tiến độ thực hiện các giải pháp này. Thị trường chứng khoán sẽ được tác động bởi các tin tức trên, đặc biệt đối với các cổ phiếu đã hết hạn mức dành cho nhà đầu tư nước ngoài.

Nửa cuối năm 2013 sẽ rất khó dự đoán.
Rủi ro lạm phát có thể gia tăng trở lại và cùng với ngân sách hạn chế có thể làm giảm khả năng mở rộng tài khóa và tiền tệ và làm trầm trọng hơn những khó khăn của nền kinh tế. Thị trường sẽ giữ được đà tăng nếu việc tái cấu trúc ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước có tiến độ chắc chắn và niềm tin của nhà đầu tư được khôi phục. Trong trường hợp này, thị trường chứng khoán sẽ được hỗ trợ bởi các yếu tố cơ bản thay vì thanh khoản tăng và các biện pháp kỹ thuật.

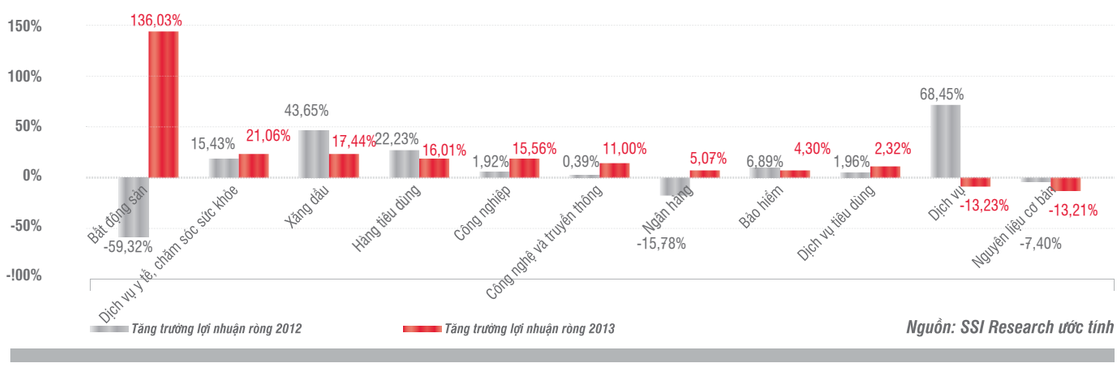
Về ước tính lợi nhuận, chúng tôi ước tính cho 55 công ty niêm yết với tổng giá trị vốn hóa chiếm trên 90% vốn hóa của sàn HOSE cho thấy tăng trưởng doanh thu ước tính năm 2012 và 2013 là 4,5% và 12,1%. Ước tính tăng trưởng lợi nhuận ròng năm 2012 và 2013 là 2,4% và 10%. EPS 2013 ước tính tăng 6%. Vào ngày 18/1/2013, PE thị trường ở mức 10,2x, cao hơn 22,5% so với mức đáy năm 2012 là 8,33x vào ngày 20/9/2012, nhưng thấp hơn 75,7% so với mức đỉnh 42x vào tháng 3/2007.

Triển vọng lợi nhuận năm 2013 rõ ràng khả quan hơn so với năm 2012 vốn rất yếu. Mặc dù tăng trưởng EPS 2013 ước tính chỉ bằng 6%, chúng tôi tin rằng VN Index có thể tăng mạnh hơn trong năm nhờ quan điểm lạc quan về các động thái của Chính phủ nhằm giải quyết các vấn đề của nền kinh tế và các biện pháp kỹ thuật nằm đẩy mạnh thanh khoản như nới giới hạn sở hữu nước ngoài. Với PE thị trường vào cuối năm 2012 ở mức 9,8x, theo chúng tôi thị trường có thể tăng 15-20% trong năm 2013. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, rủi ro vẫn còn tiềm ẩn.

Ước tính tăng trưởng doanh thu thuần



Ước tính tăng trưởng lợi nhuận ròng



MỤC TIÊU - KẾ HOẠCH 2013



MỤC TIÊU - ĐỊNH HƯỚNG HÀNH ĐỘNG

Với nhận định nền kinh tế toàn cầu tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thị trường chứng khoán Việt Nam chưa hứa hẹn sự phát triển mạnh mẽ trở lại, chúng tôi đã trang bị đầy đủ nguồn lực, chuẩn bị phương án sẵn sàng đối phó với thách thức trong năm 2013.

Mục tiêu:

- Phát triển và mở rộng Hoạt động kinh doanh, đạt lợi nhuận cao hơn năm trước, bảo đảm an toàn vốn của cổ đông;
- Đứng vững trên vị trí số 1 về thị phần và chất lượng dịch vụ trong nghiệp vụ Dịch vụ chứng khoán;
- Duy trì thương hiệu Nhà tư vấn tốt nhất trong nghiệp vụ Dịch vụ Ngân hàng đầu tư, đóng vai trò thực sự hữu ích trong các sản phẩm tư vấn trong xu thế mới của thị trường;
- Duy trì thương hiệu Công ty Quản lý quỹ tốt nhất và đạt các giải thưởng uy tín khác cho hoạt động Quản lý Quỹ;
- Tối ưu hóa lợi nhuận từ quản lý nguồn vốn và kinh doanh tài chính, với mức an toàn vốn cao nhất và tỷ suất lợi nhuận cao nhất;
- Tiếp tục là nơi hội tụ nhân tài trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế;
- Tiếp tục mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho Cộng đồng và Xã hội.

Định hướng hành động:

- Với chiến lược "Đồng hành và Phát triển cùng các đối tác", SSI sẽ hỗ trợ tốt cho các Công ty liên kết tập trung khai thác tiềm năng của thị trường nội địa, nâng cao hiệu quả quy trình sản xuất và chuỗi giá trị, gia tăng chất lượng và tính đa dạng của sản phẩm;
- Duy trì và phát huy thế mạnh của các nghiệp vụ kinh doanh truyền thống, bao gồm nghiệp vụ môi giới và lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư và dịch vụ ngân hàng đầu tư. Chúng tôi định hướng đi tiên phong và cẩn trọng trong việc triển khai các sản phẩm mới nhằm cung cấp cho nhà đầu tư dịch vụ hiệu quả nhất, linh hoạt nhất nhưng an toàn nhất; liên tục mở rộng mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước;
- Chúng tôi hướng tới việc duy trì và phát huy hiệu quả quản lý cho các quỹ đầu tư và các danh mục đầu tư hiện tại bằng các sản phẩm mới và chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ. Tìm kiếm và xây dựng các quỹ mới để thực hiện hiệu quả vai trò tư vấn đầu tư và quản lý đầu tư hiệu quả;
- Tiếp tục thực hiện chính sách Quản trị rủi ro chặt chẽ, nói không với các hành vi xâm hại sự minh bạch của thị trường, hướng tới sự cạnh tranh lành mạnh;
- Duy trì môi trường làm việc tốt và chế độ đãi ngộ cạnh tranh, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho Cán bộ nhân viên SSI;
- Tích cực, chủ động trong các hoạt động vì Xã hội và Cộng đồng, tập trung xóa đói giảm nghèo, đầu tư phát triển giáo dục và thể chất cho trẻ em tại các vùng núi, dân tộc thiểu số.



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Dịch vụ Chứng khoán

Nhận thức rõ về bối cảnh nền kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức nhưng cũng tiềm ẩn nhiều cơ hội trong từng giai đoạn của năm 2013, SSI sẽ triển khai chiến lược nhất quán, phù hợp với từng giai đoạn phát triển thị trường, với sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả các chính sách về khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ cung cấp trên nền tảng công nghệ tiên tiến và quản trị rủi ro chặt chẽ. Năm 2013, SSI đặt mục tiêu cho Dịch vụ chứng khoán về:

Tăng trưởng khách hàng và thị phần

Phát triển và duy trì mạng lưới khách hàng rộng lớn là một trong những điều kiện tiên quyết đảm bảo thành công của hoạt động dịch vụ chứng khoán. Năm 2013, SSI tập trung nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng hiện tại và phát triển khách hàng mới thông qua việc áp dụng những chính sách, sản phẩm dịch vụ có chất lượng.

Phấn đấu giành lại vị trí số 1 về thị phần môi giới tại HOSE và tiếp tục duy trì vị trí số 1 về thị phần môi giới khách hàng nước ngoài tại HOSE. Số lượng tài khoản mở mới tăng 10% so với năm 2012.

Đối với mảng khách hàng tổ chức nước ngoài SSI sẽ chú trọng phát triển khách hàng mới tại các thị trường Mỹ, Hong Kong, Singapore, Nhật Bản và Châu Âu. Bên cạnh đó, SSI tiếp tục duy trì mối quan hệ tốt với các International Brokers, Global Custodian. Đối với mảng khách hàng cá nhân và tổ chức trong nước, SSI đặt mục tiêu tăng trưởng thị phần hơn 30%, đẩy mạnh việc phát triển khách hàng tại các thành phố lớn như TP.HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và mở rộng khách hàng tại các tỉnh thành phố tiềm năng như Đồng Nai, Bình Dương, An Giang, Cần Thơ.

Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, chính sách khách hàng

Nhằm đảm bảo cho việc gia tăng lợi nhuận, nâng cao khả năng cạnh tranh trong năm 2013, SSI đặt mục tiêu không ngừng nghiên cứu và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ cũng như chính sách khách hàng. Bên cạnh việc phát huy thế mạnh của đội ngũ phân tích chuyên nghiệp, có trình độ cao, SSI tập trung đầu tư, cải tiến công nghệ nhằm hỗ trợ tốt nhất nhu cầu giao dịch trực tuyến của khách hàng, cũng như bảo đảm hoạt động nghiệp vụ chính xác và hiệu quả. Đặc biệt, SSI sẽ chú trọng đến chính sách dành cho những khách hàng đã gắn bó lâu năm với SSI

Phát triển đội ngũ nhân viên môi giới đạt chất lượng cao, đặc biệt chú trọng vào nhân viên môi giới khách hàng cá nhân

Năm 2013, SSI xác định rõ mục tiêu phát triển đội ngũ nhân viên môi giới trên cả hai phương diện - tăng trưởng về số lượng và gia tăng về chất lượng - để tạo nên thương hiệu cho nghiệp vụ Môi giới SSI. Ngoài việc áp dụng chính sách tuyển dụng chặt chẽ, Dịch vụ chứng khoán sẽ tăng cường đào tạo, chú trọng bồi dưỡng các kỹ năng về chăm sóc khách hàng, tư vấn và phân tích đầu tư, nâng cao chuẩn mực đạo đức kinh doanh cho nhân viên môi giới của SSI. Tăng trưởng mạnh số lượng nhân viên môi giới khách hàng cá nhân và phát triển mạnh mạng lưới bán hàng là một trong những mục tiêu trọng điểm của năm 2013.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Tiếp tục theo đuổi sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", khẳng định vị trí dẫn đầu và đẩy mạnh sự phát triển hoạt động trong lĩnh vực này, trong năm 2013, SSI sẽ phối hợp đồng bộ nhiều giải pháp, mang lại nhiều sản phẩm chất lượng cao cho khách hàng.

Nỗ lực duy trì vị trí hàng đầu bằng việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tập trung vào các mảng dịch vụ mang tính chuyên nghiệp và có giá trị gia tăng cao.

Trong năm 2013, dịch vụ tư vấn tái cấu trúc tài chính, tái cấu trúc vốn, mua bán sáp nhập M&A, thâu tóm, sản phẩm phức hợp kết hợp cổ phiếu và công cụ nợ sẽ là những sản phẩm mũi nhọn của SSI. Chúng tôi tiếp tục nghiên cứu, thiết kế các sản phẩm huy động mới để đa dạng hóa sản phẩm cung cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như những đòi hỏi của thị trường nhằm liên kết các nhà đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước và tận dụng dòng vốn từ thị trường quốc tế. SSI tập trung dịch vụ tư vấn doanh nghiệp cải thiện hệ thống tài chính và quản trị tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế cũng như các bước chuẩn bị cơ bản, giúp doanh nghiệp huy động vốn tại thị trường vốn nước ngoài.

Dịch vụ Tư vấn mua lại và sáp nhập tiếp tục là hướng hoạt động được ưu tiên đẩy mạnh.

Định hướng chiến lược của SSI là mang lại các sản phẩm tư vấn chất lượng cao, chứa đựng nhiều "chất xám" cho khách hàng. Trong năm 2013, SSI tập trung củng cố và cung cấp gói sản phẩm M&A. Bởi lẽ, một mặt, chúng tôi nhận thức rằng giai đoạn kinh tế khó khăn vừa qua đã chứng kiến nhiều doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, thị trường chứng khoán sụt giảm với việc giá cổ phiếu biến động không ngừng. Mặt khác, tình hình khó khăn đã làm lộ diện nhiều doanh nghiệp hoạt động tốt, có nhu cầu được hỗ trợ về tài chính để mở rộng thị phần hoặc hỗ trợ từ các đối tác trong ngành để mở rộng quy mô. Thực tế này đã mở ra cơ hội phát triển cho dịch vụ M&A của SSI trong năm 2013. Chúng tôi, với sự hiểu biết sâu sắc về mô hình hoạt động, mô hình quản trị tài chính, quản trị doanh nghiệp, kinh nghiệm tư vấn lâu năm và nguồn lực khách hàng sẵn có trong nước, kết hợp với đối tác là các Ngân hàng đầu tư nước ngoài, sẽ nỗ lực kết nối nhu cầu hợp tác của các bên để đem lại lợi ích cao cho cả bên mua và bên bán.

Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng

Đối tượng khách hàng trọng tâm năm 2013 là các doanh nghiệp có quy mô lớn, uy tín, tiềm năng và phát triển bền vững nằm trong các ngành kinh tế cơ bản và thế mạnh của đất nước để cung cấp các sản phẩm và giải pháp tài chính, từ đó, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới như JP Morgan, Daiwa Securities, Nomura, Credit Suisse v.v. để trao đổi kinh nghiệm và thúc đẩy tìm kiếm các cơ hội đầu tư, từ đó, cung cấp cho khách hàng các sản phẩm tài chính chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

Tái cấu trúc mảng Dịch vụ ngân hàng đầu tư với việc chuyên môn hóa nhân viên phụ trách từng lĩnh vực kinh doanh sẽ là chìa khóa cải thiện chất lượng tư vấn của SSI.

Bằng kế hoạch này, chúng tôi hướng trọng tâm vào việc đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực chuyên môn, hiểu biết sâu sắc về ngành nghề mình phụ trách, từ đó mỗi một nhân viên đều trở thành chuyên gia tư vấn tiêu chuẩn quốc tế, kết hợp với sự am hiểu chuyên sâu thị trường trong nước, mang lại chất lượng dịch vụ hàng đầu cho khách hàng. Từ đó, SSI nỗ lực trở thành một trong những ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam, tiếp tục cạnh tranh lành mạnh và hướng tới hình ảnh một Ngân hàng đầu tư vững trong Chuyên môn, chuyên nghiệp trong Phong cách phục vụ và tuân thủ Đạo đức nghề nghiệp.



Quản lý Quỹ

Bước sang năm 2013, các công ty quản lý quỹ vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, tuy nhiên thị trường cũng bắt đầu xuất hiện nhiều cơ hội phát triển mới. Một số văn bản pháp lý mở đường cho các sản phẩm mới đã được ban hành như văn bản về Quỹ mở, Quỹ hoán đổi danh mục, Quỹ Tín thác bất động sản và Công ty đầu tư chứng khoán. SSIAM đã chuẩn bị sẵn sàng về cơ sở hạ tầng và năng lực để có thể cung cấp các sản phẩm đầu tư mới cho nhà đầu tư khi điều kiện thị trường phù hợp. Đồng thời, SSIAM sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư đồng hành và phát triển cùng các doanh nghiệp, công ty liên kết, nâng tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp trong các ngành kinh tế cơ bản, có thế mạnh của Việt Nam như ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản và Hàng tiêu dùng.

Nỗ lực huy động vốn kết hợp với chính sách đầu tư an toàn, hiệu quả và linh hoạt

Việc Quỹ Tầm Nhìn SSI hết thời hạn hoạt động vào tháng 11/2012 có khả năng ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của SSIAM trong năm 2013, mở ra nhiều thách thức nhưng cũng là động lực để SSIAM nỗ lực huy động tài sản quản lý mới. Song song với kế hoạch đó, chúng tôi sẽ đẩy mạnh việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới và tiếp tục giải ngân các quỹ, danh mục hiện có theo lộ trình; đồng thời tiếp tục tập trung nâng cao công tác quản trị rủi ro, định hướng hoạt động các quỹ theo hướng đầu tư dài hạn, an toàn vốn và linh hoạt theo diễn biến của thị trường.

Tiếp tục chiến lược Đồng hành và phát triển cùng doanh nghiệp

Với quan điểm đầu tư lâu dài, đồng hành và phát triển cùng doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững nhằm phát huy các thế mạnh của doanh nghiệp, SSIAM tin rằng các danh mục đầu tư do SSIAM quản lý sẽ mang lại hiệu quả đầu tư và lợi nhuận cao. Trong năm 2013, SSIAM sẽ tiếp tục cùng các doanh nghiệp thúc đẩy việc tạo nên chuỗi giá trị cho các ngành có thế mạnh của nền kinh tế, bao gồm ngành Nông nghiệp, Thủy sản, và Hàng tiêu dùng.

Phát triển mảng khách hàng cá nhân thông qua sản phẩm SSI Prestige

Thị trường khách hàng cá nhân hiện đang bị bỏ ngỏ và có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai. Trong năm 2012, chúng tôi đã phát triển sản phẩm quản lý Danh mục ủy thác SSI Prestige, và đã nhận được những đánh giá tốt của một số nhà đầu tư cá nhân có giá trị tài sản cao. Năm 2013, SSIAM tiếp tục hoàn thiện và giới thiệu các sản phẩm dành cho nhóm đối tượng này, đồng thời dự kiến hợp tác cùng các ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm để mở rộng hơn nữa các loại sản phẩm dành cho cá nhân.



Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính

Quản lý nguồn chặt chẽ, thận trọng và theo dõi dòng tiền chính xác đảm bảo thanh khoản cho toàn hệ thống

Năm 2013, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, hệ thống các ngân hàng thương mại cổ phần vẫn tiềm tàng nhiều bất ổn. Do vậy, SSI sẽ triển khai các nghiệp vụ nguồn vốn và kinh doanh tài chính trên cơ sở thận trọng, thẩm định kỹ đối tác, chuẩn bị cơ cấu giao dịch chặt chẽ nhằm tận dụng tối ưu nguồn vốn nhàn rỗi và vẫn đảm bảo thanh khoản tuyệt đối cho Công ty và Nhà đầu tư.

Nhằm cải tiến hệ thống dữ liệu đang sử dụng, SSI đang xây dựng hệ thống báo cáo dòng tiền tự động – Oracle Treasury. Sau khi hoàn thiện, đây là hệ thống sẽ lưu trữ toàn bộ các thông tin liên quan nghiệp vụ Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính, giúp việc cân đối nguồn tiền chính xác và tối ưu hơn, giảm thiểu tối đa rủi ro thanh khoản và thanh toán. Đây là một trong những kế hoạch cải tiến nghiệp vụ nhằm mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng.

Đa dạng hóa cấu trúc sản phẩm nghiệp vụ, xây dựng sản phẩm mới linh hoạt

SSI đặt mục tiêu hàng đầu là đa dạng hóa cấu trúc sản phẩm nghiệp vụ Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính, xây dựng các sản phẩm mới linh hoạt để tận dụng các nhu cầu vay vốn cũng như đầu tư vốn của thị trường với mức lãi suất tối ưu, cơ cấu thời hạn đầu tư hợp lý. Đồng thời, SSI sẽ đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu những sản phẩm mới nhằm phát triển mạng lưới khách hàng và đối tác ngày một rộng lớn hơn.

Nắm bắt cơ hội trên Thị trường trái phiếu

So với các ngân hàng thương mại, SSI phải chịu những bất lợi lớn trong việc cạnh tranh trên thị trường trái phiếu khi các ngân hàng này thường sở hữu những trái phiếu có giá trị, giao dịch liên tục, có nhiều thuận lợi trong việc tìm kiếm nguồn hàng và khớp lệnh. Theo đà thành công của thị trường trái phiếu trong năm 2012 và triển vọng nền kinh tế sau khủng hoảng, Thị trường trái phiếu có nhiều cơ hội phát triển mạnh mẽ hơn. SSI định hướng tiếp tục phát triển các nghiệp vụ liên quan đến trái phiếu như Môi giới, Đầu thầu, Bảo lãnh ... và tập trung tìm kiếm khách hàng mới, đặc biệt là các khách hàng nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào Thị trường trái phiếu Việt Nam.

Kế hoạch quản trị rủi ro

Năm 2012 đã khép lại với những sóng gió xảy ra cho không ít các tổ chức tài chính bao gồm cả ngân hàng và công ty chứng khoán. Cũng có thể nói 2012 là một năm lịch sử với những sự cố xóa tên một thương hiệu ngân hàng, rút giấy phép kinh doanh của một số công ty chứng khoán – tất cả là hậu quả của quá trình hoạt động chứa đựng đầy rủi ro, và một hệ thống quản trị rủi ro yếu kém. Đó cũng là những bài học để SSI nhìn nhận và rút kinh nghiệm cho chính mình.

Hàng loạt các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến quản trị rủi ro của Công ty chứng khóan đã được ban hành và sẽ được triển khai trong năm 2013, trong đó quan trọng nhất là Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán và Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của UBCKNN hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán nhằm hỗ trợ cho công ty chứng khoán nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị rủi ro hoạt động của mình.

SSI đặt mục tiêu hướng tới sự tăng trưởng bền vững trong dài hạn, tối ưu hóa lợi nhuận, nhưng đảm bảo an toàn vốn của cổ đông. Bên cạnh đó, SSI cũng giữ vững truyền thống quản trị

Mô hình quản trị rủi ro tại SSI tiếp tục được triển khai như sau

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Xác định chiến lược, chính sách quản lý rủi ro
GIÁM ĐỐC QUẢN LÝ RỦI RO, CÁC TRƯỞNG BỘ PHẬN	Nhận dạng rủi ro; Phát hiện rủi ro thực tế phát sinh mỗi ngày, phối hợp xử lý rủi ro; Xây dựng các mô hình, quy trình quản lý rủi ro; Giám sát việc thực hiện Quản lý rủi ro theo quy trình đã thiết lập.
CÁC BỘ PHẬN	Thực hiện đúng quy trình quản lý rủi ro để giảm thiểu rủi ro; Phát hiện các rủi ro mới phát sinh; Đóng góp ý kiến xây dựng hệ thống quản lý rủi ro.



rủi ro ở mức hiệu quả cao nhất để duy trì vị thế của mình trong một thị trường cạnh tranh khắc nghiệt.

SSI đã chuẩn bị sẵn nền tảng để triển khai các quy định mới về quản trị rủi ro một cách thống nhất theo yêu cầu, trong khi công tác quản trị rủi ro theo cách thức của SSI vẫn được liên tục duy trì với:

- Bộ phận Quản lý rủi ro hoạt động độc lập, chuyên môn sâu và bám sát thực tế;
- Phối hợp tổng thể với các bộ phận quản trị kiểm soát khác như Luật và kiểm soát tuân thủ, Kiểm toán nội bộ để bao quát toàn diện mọi khía cạnh rủi ro;
- Liên tục cập nhật quy chế, quy trình kiểm soát phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với những tình thế, tình huống mới của thị trường;
- Quy trình giám sát hàng ngày, kiểm soát và kiểm toán định kỳ mỗi 03 tháng;

Công ty sẽ thực hiện đối chiếu, điều chỉnh hệ thống quản trị rủi ro hiện tại cho phù hợp với các yêu cầu về quản trị rủi ro áp dụng cho các công ty chứng khoán theo quy định nhằm phát huy hơn nữa những ưu điểm của hệ thống quản trị rủi ro hiện có. Các loại rủi ro SSI sẽ tiếp tục dành nhiều sự chú ý trong năm 2013 bao gồm: Rủi ro Thị trường, Rủi ro Tín dụng, Rủi ro Thanh khoản, Rủi ro Hệ thống và Bảo mật thông tin, Rủi ro Tuân thủ, Rủi ro Thương hiệu, Rủi ro Quản trị nguồn nhân lực, và Rủi ro Pháp luật.

Kế hoạch Bộ phận Hỗ trợ

Một bộ máy hoạt động trơn chu, nhịp nhàng đều cần những con ốc chặt để gắn kết các bộ phận, đều cần những dây curoa bền chắc để truyền động, đều cần một lượng dầu bôi trơn vừa đủ. Với một tổ chức, nguyên lý này chưa bao giờ sai.
Tại SSI, với quan điểm xây dựng Bộ phận Hỗ trợ như những mắt xích liên kết các bộ phận, như chất xúc tác đảm bảo bộ máy SSI hoạt động bền vững, Bộ phận Hỗ trợ được quy hoạch rõ ràng thành các nghiệp vụ Tài chính – Kế toán, Kiểm tra giám sát, Hành chính, Nhân sự, Truyền thông, Công nghệ thông tin, được tổ chức hoạt động theo cơ chế vận hành trung tâm, đảm bảo tối ưu trong việc sử dụng nguồn nhân lực và vật lực.
Năm 2013, với mục tiêu "Phát triển nhanh và bền vững", bên cạnh kế hoạch kinh doanh đầy tham vọng, SSI tập trung phát triển các nghiệp vụ hỗ trợ đảm bảo xây dựng một môi trường làm việc "trong sạch", an toàn, tiện nghi, mang lại lợi ích cho Khách hàng, Đối tác, Nhân viên SSI và các bên liên quan.

"Gắn kết bền chặt"

Với mục tiêu phát triển bền vững, Bộ phận Hỗ trợ được coi là đơn vị thực hiện, giám sát thực hiện các quy định pháp lý và quy trình làm việc nội bộ, hỗ trợ Ban điều hành vận hành Công ty an toàn và hiệu quả.

Trong năm 2013, cơ chế kiểm soát tại chỗ, định kỳ hàng tháng, hàng quý sẽ được duy trì nhằm phòng ngừa kịp thời phát hiện và xử lý các rủi ro. Việc đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân sự của Bộ phận Hỗ trợ cũng được coi là trọng tâm trong năm tới. Đặc biệt, nhân sự các Bộ phận Luật và Kiểm soát tuân thủ, Kiểm toán nội bộ đã có kế hoạch rõ ràng chi tiết trong việc trau dồi chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, hoàn thành vai trò tham mưu cho Ban điều hành trong việc kiểm soát hệ thống, giám sát phòng ngừa rủi ro chặt chẽ. Bên cạnh đó, để củng cố hơn nữa tính tuân thủ và chuyên nghiệp trên toàn hệ thống, các Bộ phận Hỗ trợ sẽ xây dựng hệ thống quy định, quy trình tác nghiệp đảm bảo khoa học, hợp pháp và có tính hướng dẫn cao, giúp bộ máy vận hành nhịp nhàng, tránh sự chồng chéo.

Năm 2013, nhiệm vụ trọng tâm của Bộ phận hỗ trợ là đảm bảo tính tuân thủ của hệ thống, góp phần xây dựng một tổ chức "khỏe từ bên trong".

"Truyền động nhịp nhàng"

Khi "tiền tuyến" đặt ra những chiến lược và kế hoạch đầy tham vọng, thì "hậu phương" được yêu cầu khắt khe hơn trong việc hỗ trợ nhằm trang bị đầy đủ công cụ và điều kiện làm việc cho "tiền tuyến".

Chủ trương trang bị cơ sở vật chất tiện nghi, thoải mái nhưng nghiêm túc, lịch sự là một trong những bước đi tiến tới việc xây dựng SSI trở thành gia đình thứ hai của mọi nhân viên. Bên cạnh đó, việc tạo nên một môi trường văn hóa mang đậm chất SSI, trong đó các thành viên được chia sẻ, được gắn kết bằng các hoạt động tập thể, bằng công tác truyền thông nội bộ, cũng là nhiệm vụ được Ban lãnh đạo yêu cầu cao đối với Bộ phận Truyền thông - Khối Hỗ trợ.

Trong khi thị trường chứng khoán được dự báo tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2013, Bộ phận Truyền thông sẽ lập kịch bản chi tiết, có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với báo chí nhằm truyền tải thông tin chính xác, kịp thời, minh bạch và giữ vững lòng tin của nhà đầu tư, cũng như bảo vệ danh tiếng SSI. Năm 2013 sẽ là năm đầu tiên SSI tiến hành đo lường sức khoẻ thương hiệu kể từ khi bộ nhận diện thương hiệu mới của SSI được đưa vào áp dụng từ năm 2009. Với kế hoạch khảo sát chi tiết cùng việc xây dựng bộ chỉ số đánh giá thương hiệu, chúng tôi sẽ đánh giá và đưa ra hướng phát triển tiếp theo cho thương hiệu SSI, nhằm bảo vệ quyền lợi và lòng tin của Khách hàng, Đối tác, Nhân viên SSI, các bên liên quan.

Năm 2013 - một năm chưa có nhiều hứa hẹn tốt đẹp cho sự bứt phá của nền kinh tế, Bộ phận Hỗ trợ của SSI sẽ tiếp tục đóng vai trò chủ chốt trong việc duy trì một môi trường làm việc "trong sạch", giữ vững sức mạnh tinh thần của tập thể, làm mạnh thêm phần "hồn" trong văn hóa doanh nghiệp SSI.

"Bôi trơn hiệu quả"

Một bộ máy đã tăng tốc, đang trên đà leo dốc, để vượt qua các chướng ngại vật một cách an toàn thì cần thiết phải có những chất xúc tác, thúc đẩy bộ máy từ bên trong. Trong một tổ chức, đây chính là chức năng nhiệm vụ của Bộ phận Hỗ trợ.

Tại SSI, để đảm bảo hệ thống vận hành an toàn và hiệu quả, yêu cầu cấp thiết được đặt ra là việc xây dựng một hệ thống sổ sách kế toán tài chính minh bạch. Đây chính là cơ sở để cung cấp những thông tin chính xác cho cổ đông và nhà đầu tư, đảm bảo an toàn cho các quyết định đầu tư của họ. Hoạt động tài chính kế toán phát sinh tại tất cả các chi nhánh trong hệ thống, tuy nhiên bộ máy nhân sự Tài chính kế toán sẽ được duy trì vận hành trung tâm tại Hội sở chính và Chi nhánh Hà nội nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực, đảm bảo tính hiệu quả, khách quan và minh bạch. Trong năm 2013, với mục tiêu đảm bảo tính bền vững từ trong nội tại của SSI, Ban lãnh đạo chủ trương vận hành hệ thống hoạch toán kế toán tuân thủ quy định pháp luật, thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Bên cạnh đó, việc giữ vững lòng tin của Khách hàng sẽ tiếp tục được củng cố bằng việc phát hành báo cáo tài chính đúng hạn, công bố thông tin kịp thời và chính xác cho Nhà đầu tư. Trong năm 2013, nhiệm vụ trọng tâm của Bộ phận Tài chính Kế toán là đảm bảo sự minh bạch, làm chất xúc tác bôi trơn hoạt động cho bộ máy SSI, hướng đến sự phát triển bền vững.

Một trong những yếu tố đảm bảo cho bộ máy SSI vận hành an toàn, bảo mật đó là hệ thống công nghệ hiện đại, hỗ trợ tối đa cho sự phát triển nhanh của SSI. Năm 2013, SSI sẽ tiếp tục đặt mục tiên an toàn và hiệu quả vận hành lên hàng đầu bằng việc tiếp tục hoàn thiện hạ tầng, nâng cao hơn nữa hệ thống cảnh báo sớm, và tối giản thời gian chuyển đổi cho hệ thống phòng chống thảm họa. Với những nền móng đã được xây dựng vững chắc, năm 2013 và những năm tiếp theo, SSI sẽ tiếp tục tích hợp và tận dụng khai thác sức mạnh các ứng dụng nhằm mang lại những giá trị vượt trội cho doanh nghiệp và khách hàng.

Công tác quản trị vươn tới sự an toàn và minh bạch trong hệ thống là nhiệm vụ được chú trọng thực hiện trong năm 2013, tạo đà tăng tốc cho bộ máy SSI cán đích "Phát triển nhanh và bền vững".

"Vận hành chính xác"

Với quan điểm coi "Chất lượng nhân sự" là yếu tố hàng đầu quyết định việc vận hành nhịp nhàng, chính xác và hiệu quả của một tổ chức, trong năm 2013, Bộ phận Nhân sự tập trung xây dựng kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng tài năng nhằm phát hiện, đào tạo các nhân sự có khả năng đảm nhận vị trí cao tại SSI. Tiếp tục chương trình cải tổ và hoàn thiện tổ chức, SSI sẽ triển khai chương trình đánh giá hiệu quả công việc toàn diện, bước đầu triển khai xây dựng và áp dụng BSC-KPI từng phần trong năm 2013. Bên cạnh đó, với mục tiêu thu hút và giữ chân nhân tài, Bộ phận Nhân sự sẽ lập kế hoạch điều tra thị trường lao động định kỳ, cập nhật thông tin về chế độ đãi ngộ, điều chỉnh các chính sách nhân sự của Công ty cho phù hợp nhằm đảm bảo duy trì chế độ đãi ngộ thỏa đáng và cạnh tranh cho người lao động.

Trong năm 2013, nếu như thị trường chứng khoán tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thì thị trường lao động tiếp tục phải trải qua những cuộc chiến tranh giành nhân tài. Bằng những kế hoạch hành động cụ thể, Bộ phận Hỗ trợ nỗ lực xây dựng SSI trở thành điểm đến, thành nơi hội tụ nhân tài trên thị trường tài chính Việt Nam và Quốc tế trên cơ sở coi con người là yếu tố tiên quyết cho việc vận hành hiệu quả bộ máy SSI.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Minh bạch để thành công

THÔNG TIN CHUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB, do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu, Hải Phòng và Nha Trang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 28 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Hồng Nam	Uỷ viên	Được bầu lại ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Alistair Marshall Bulloch	Ủy viên	Được ĐHĐCĐ phê chuẩn ngày 28 tháng 4 năm 2011
Bà Đàm Bích Thuỷ	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Masami Tada	Ủy viên	Được bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Yoshio Urata	Ủy viên	Được bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Được bầu lại ngày 28 tháng 4 năm 2011
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Được bầu lại ngày 28 tháng 4 năm 2010
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Được bầu lại ngày 20 tháng 4 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm tương ứng. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất ; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO
KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

SỐ THAM CHIẾU: 60755007/15504493

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") và các công ty con được trình bày từ trang 5 đến trang 66 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở công tác kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác kiểm toán để đạt được mức độ tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0264/KTV

Nguyễn Phương Nga
Kiểm toán viên phụ trách
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0763/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN HỢP NHẤT
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số trình bày lại
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.837.002.006.608**	**3.223.900.965.471**
110	***I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN***	*4*	***1.947.090.450.986***	***1.945.764.811.547***
111	1. Tiền		806.860.450.986	730.095.592.831
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.140.230.000.000	1.215.669.218.716
120	***II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN***		***2.097.809.872.532***	***869.367.192.516***
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	2.292.163.797.759	1.053.037.748.335
122	2. Đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	7	-	119.452.989.696
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6.3	(194.353.925.227)	(303.123.545.515)
130	***III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN***		***784.596.795.412***	***397.623.486.933***
131	1. Phải thu của khách hàng	8	500.024.123.162	291.054.053.897
132	2. Trả trước cho người bán	8	4.092.973.299	2.223.755.828
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8	7.317.649.764	677.728
138	4. Các khoản phải thu khác	8	339.346.884.820	122.281.746.055
139	5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	9	(66.184.835.633)	(17.936.746.575)
150	***IV. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC***	*10*	***7.504.887.678***	***11.145.474.475***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		5.092.189.783	5.334.439.840
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		119.318.128	85.921.890
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		464.966.248	3.347.725.304
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.828.413.519	2.377.387.441
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.143.873.895.267**	**3.283.612.233.383**
220	***I. Tài sản cố định***		***145.252.092.780***	***165.128.640.442***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	24.094.347.697	35.668.894.339
222	*Nguyên giá*		*96.015.355.706*	*97.855.281.879*
223	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(71.921.008.009)*	*(62.186.387.540)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	121.157.745.083	128.541.196.863
228	*Nguyên giá*		*156.277.513.279*	*154.196.831.839*
229	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(35.119.768.196)*	*(25.655.634.976)*
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		-	918.549.240
240	***II. Bất động sản đầu tư***	*13*	***269.347.115.777***	***275.387.155.603***
241	1. Nguyên giá		283.612.736.520	282.497.013.600
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(14.265.620.743)	(7.109.857.997)
250	***III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***		***2.646.569.834.634***	***2.795.408.637.136***
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14	1.216.460.435.248	1.084.449.892.080
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	6.2	1.056.730.351.972	1.128.856.979.464
254	*Chứng khoán sẵn sàng để bán*		*1.056.730.351.972*	*1.128.856.979.464*
255	*Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn*		-	-
258	4. Đầu tư dài hạn khác	6.2	548.616.990.000	749.788.390.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	6.3	(175.237.942.586)	(167.686.624.408)
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***82.704.852.076***	***53.479.433.649***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	8.861.760.393	30.696.711.905
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	31.2	52.687.916.677	5.532.841.362
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	16	14.982.911.796	10.389.932.650
268	4. Tài sản dài hạn khác		6.172.263.210	6.859.947.732
269	***V. Lợi thế thương mại***	*14*	*-*	*-*
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**7.980.875.901.875**	**6.507.513.198.854**

(*) Số trình bày lại liên quan đến chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, bao gồm giá trị lợi thế thương mại phát sinh tại thời điểm hợp nhất. Chi tiết được trình bày ở Thuyết minh số 14.

B01-CTCK

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Nguồn Vốn	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số trình bày lại
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**2.705.603.684.581**	**1.350.341.790.438**
310	***I. NỢ NGẮN HẠN***		***2.677.707.415.060***	***1.180.434.253.286***
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	357.728.021.077	-
312	2. Phải trả người bán		10.237.833.415	2.844.837.415
313	3. Người mua trả tiền trước	18	99.049.773.750	73.489.828.832
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	18.718.850.445	5.642.394.016
315	5. Phải trả người lao động		53.077.997	19.057.374
316	6. Chi phí phải trả	20	9.183.790.553	6.182.323.553
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	1.189.788.103.107	416.679.318.364
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22	911.725.652.287	577.727.624.842
321	9. Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	23	4.474.923.850	6.476.918.423
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		605.427.160	605.427.160
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	75.065.576.088	90.064.800.637
328	12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.076.385.332	701.722.670
330	***II. NỢ DÀI HẠN***		***27.896.269.521***	***169.907.537.152***
333	1. Phải trả dài hạn khác		743.715.145	577.091.185
334	2. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.2	27.152.554.376	43.592.871.995
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	3.233.478.696
341	5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	25	-	122.504.095.276
400	**B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	26	**5.191.573.047.865**	**5.080.665.298.616**
410	***I. VỐN CHỦ SỞ HỮU***		***5.191.573.047.865***	***5.080.665.298.616***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.526.117.420.000	3.526.117.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		340.921.476.378	340.921.476.378
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		(2.605.677.770)	383.614.879
414	4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.186.000)	(88.591.286.000)
418	5. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		289.383.181.436	289.383.181.436
420	6. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		1.127.002.833.821	1.012.450.891.924
500	**C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	32	**83.699.169.429**	**76.506.109.799**
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**7.980.875.901.875**	**6.507.513.198.854**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
001	**1. Tài sản cố định thuê ngoài**	**-**	**-**
002	**2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ**	**-**	**-**
003	**3. Tài sản nhận ký cược**	**-**	**-**
004	**4. Nợ khó đòi đã xử lý**	**-**	**-**
005	**5. Ngoại tệ các loại**	**-**	**-**
006	**6. Chứng khoán lưu ký**	**13.269.603.970.000**	**12.020.499.450.000**
	Trong đó		
007	***6.1 Chứng khoán giao dịch***	***11.763.352.280.000***	***10.468.549.880.000***
008	6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	1.271.769.300.000	442.902.530.000
009	6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	8.854.342.330.000	8.440.746.120.000
010	6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.637.240.650.000	1.584.901.230.000
011	6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	***6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch***	***179.044.560.000***	***427.008.780.000***
013	6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	300.000.000	1.000.000.000
014	6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	173.199.560.000	420.463.780.000
015	6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	5.545.000.000	5.545.000.000
016	6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	***6.3 Chứng khoán cầm cố***	***646.344.340.000***	***947.988.450.000***
018	6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	646.344.340.000	947.988.450.000
020	6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	***6.4 Chứng khoán tạm giữ***	***-***	***-***
027	***6.5 Chứng khoán chờ thanh toán***	***169.698.350.000***	***168.833.120.000***
028	6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	401.000.000
029	6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	164.999.950.000	167.869.720.000
030	6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	4.698.400.000	562.400.000
031	6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	***6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút***	***-***	***-***
037	***6.7 Chứng khoán chờ giao dịch***	***511.164.440.000***	***8.119.220.000***
038	6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
039	6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	506.797.630.000	3.962.860.000
040	6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	4.366.810.000	4.156.360.000
041	6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	***6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay***	***-***	***-***
047	***6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch***	***-***	***-***
050	**7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết**	**839.705.300.000**	**303.065.520.000**
	Trong đó:		
051	***7.1 Chứng khoán giao dịch***	***794.415.700.000***	***302.130.730.000***
052	7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	9.482.930.000	31.250.000
053	7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	757.037.570.000	291.003.630.000
054	7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	27.895.200.000	11.095.850.000
055	7.1.4 Chứng khoán giao dịch của của tổ chức khác	-	-
056	***7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch***	***7.995.000.000***	***405.190.000***
057	7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	1.000.000.000	-
058	7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	6.995.000.000	405.190.000
059	7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
060	7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
061	***7.3 Chứng khoán cầm cố***	***32.580.440.000***	***309.600.000***
066	***7.4 Chứng khoán tạm giữ***	***-***	***-***
071	***7.5 Chứng khoán chờ thanh toán***	***4.714.160.000***	***220.000.000***
072	7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	4.714.160.000	220.000.000
074	7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
076	***7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút***	***-***	***-***
081	***7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch***	***-***	***-***
082	**8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng**	-	-
083	**9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán**	-	-
084	**10.Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá**	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG	**14.109.309.270.000**	**12.323.564.970.000**

Người lập

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

B01-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu**	**27**	**849.294.221.184**	**848.048.772.890**
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		105.807.913.215	96.005.005.216
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		276.558.485.135	227.702.451.908
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	6.420.000.000
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		29.061.000	-
01.5	- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư		15.519.110.635	18.328.050.969
01.6	- Doanh thu hoạt động tư vấn		79.784.442.039	38.076.296.310
01.7	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		5.191.757.059	2.487.230.802
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		12.559.455.663	4.478.427.405
01.9	- Doanh thu khác		353.843.996.437	454.551.310.280
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**27**	**-**	**(5.850.000)**
10	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**	**27**	**849.294.221.184**	**848.042.922.890**
11	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh**	**28**	**(454.524.349.042)**	**(656.773.739.348)**
	Trong đó:			
	- Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		(515.275.929.215)	(487.752.186.918)
	- (Chi phí) /hoàn nhập dự phòng chứng khoán		60.751.580.173	(169.021.552.430)
20	**5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh**		**394.769.872.142**	**191.269.183.542**
25	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**29**	**(17.991.632.074)**	**(27.938.858.746)**
30	**7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**376.778.240.068**	**163.330.324.796**
31	8. Thu nhập khác	30	5.079.281.085	553.902.871
32	9. Chi phí khác	30	(658.800.233)	(680.706.469)
40	**10.Lợi nhuận khác**	**30**	**4.420.480.852**	**(126.803.598)**
41	**11.Lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết**	**14**	**106.059.910.285**	**(36.599.141.321)**
50	**12.Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế**		**487.258.631.205**	**126.604.379.877**
51	**13.Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**31.1**	**(82.563.882.162)**	**(3.937.863.518)**
52	**14.(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	**31.2**	**60.797.688.748**	**(39.913.280.80)**

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	**15.Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**465.492.437.791**	**82.753.235.555**
61	**16.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số**	**32**	**1.193.059.630**	**3.624.222.810**
62	**17.Lợi nhuận / (lỗ) sau thuế của cổ đông Công ty mẹ**		**464.299.378.161**	**79.129.012.745**
70	**18.Lãi / (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**	**34**	**1.328**	**227**

Người lập	Người phê duyệt	Người phê duyệt
Bà Hoàng Thị Minh Thủy Kế toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà Giám đốc Tài chính	Ông Nguyễn Duy Hưng Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	***1. Tổng lợi nhuận(/lỗ) kế toán trước thuế***		***487.258.631.205***	***126.604.379.877***
	2. Điều chỉnh cho các khoản		***(186.276.678.368)***	***177.342.019.957***
02	Khấu hao tài sản cố định		31.480.522.455	31.684.925.138
03	Các khoản lập dự phòng		(52.970.213.048)	186.958.299.005
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(94.937.598)
05	Lãi/ lỗ hoạt động đầu tư		(180.262.164.937)	(59.784.044.364)
06	Chi phí lãi vay		15.475.177.162	18.577.777.776
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động***		***300.981.952.837***	***303.946.399.834***
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(643.562.725.297)	390.332.648.163
10	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn		(1.126.606.349.530)	1.036.658.022.705
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		993.114.171.579	(36.359.436.956)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		11.019.110.497	19.258.359.982
13	Tiền lãi vay đã trả		(15.014.599.976)	(80.975.944.421)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(70.752.205.322)	(22.900.576.918)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		267.588.322	7.500.000
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(15.242.385.350)	(30.070.439.246)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(565.795.442.240)**	**1.579.896.533.143**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.977.559.007)	(263.542.218.009)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.709.357.843	901.636.358
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(12.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	38.610.684.983
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(487.685.265.609)	(466.671.076.887)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		844.012.051.172	387.760.777.945
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		204.773.302.343	130.279.911.870
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**552.831.886.742**	**(185.160.283.739)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	15.000.000.000
	Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số		6.000.000.000	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(654.900.000)	(85.816.286.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.493.177.999.828	60.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.135.449.978.751)	(2.060.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(348.783.926.140)	(347.461.697.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**14.289.194.937**	**(2.418.277.983.000)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**1.325.639.439**	**(1.023.541.733.596)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**	**4**	**1.945.764.811.547**	**2.969.211.607.544**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	94.937.598
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**1.947.090.450.986**	**1.945.764.811.547**

Người lập

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

B03-CTCK

B05-CTCK

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
				Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012			
		Ngày 01/01/2011	Ngày 01/01/2012	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Ngày 31/12/2011	Ngày 31/12/2012
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26	3.511.117.420.000	3.526.117.420.000	15.000.000.000	-	-	-	3.526.117.420.000	3.526.117.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	26	340.921.476.378	340.921.476.378	-	-	-	-	340.921.476.378	340.921.476.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	383.614.879	383.614.879	-	-	(2.989.292.649)	383.614.879	(2.605.677.770)
4. Cổ phiếu quỹ	26	(12.365.677.000)	(88.591.286.000)	(76.225.609.000)	-	(654.900.000)	-	(88.591.286.000)	(89.246.186.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định	26	220.524.469.842	289.383.181.436	68.858.711.594	-	-	-	289.383.181.436	289.383.181.436
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	26	1.399.114.338.962	1.012.450.891.924	81.058.284.480	(467.721.731.518)	464.299.378.161	(349.747.436.264)	1.012.450.891.924	1.127.002.833.821
TỔNG CỘNG	**26**	**5.459.312.028.182**	**5.080.665.298.617**	**89.075.001.952**	**(467.721.731.518)**	**463.644.478.161**	**(352.736.728.913)**	**5.080.665.298.617**	**5.191.573.047.865**

Người lập

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB, do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu, Hải Phòng và Nha Trang.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 là 6.000.000.000 đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.526.117.420.000 đồng Việt Nam theo giấy phép điều chỉnh gần nhất số 72/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2012.

Mạng lưới Hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai (02) chi nhánh và một (01) phòng giao dịch tại Hà Nội, một (01) chi nhánh tại Hải Phòng, một (01) chi nhánh tại Vũng Tàu và một (01) chi nhánh tại Nha Trang.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 389 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 400 người).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	30 tỷ đồng Việt Nam	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	390 tỷ đồng Việt Nam	80%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một (01) công ty con sở hữu gián tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn đầu tư tối đa	% sở hữu
Công ty Quốc tế SSI	Số đăng ký SRV 090813396-4724807 ngày 27 tháng 8 năm 2009 tại bang Delaware, Mỹ. Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 03 tháng 7 năm 2009, và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 8 năm 2010.	Đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ.	18,5 triệu đô la Mỹ	80%, sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI.

Công ty liên kết

Tại ngày 13 tháng 11 năm 2012, Công ty có một (01) công ty liên kết sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Quỹ Tầm nhìn SSI	Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007.	Quỹ thành viên đóng, có thời gian hoạt động 5 năm. Quỹ sẽ hết thời hạn hoạt động vào ngày 14 tháng 11 năm 2012.	1.700 tỷ đồng Việt Nam	37,94% (Vốn đầu tư ban đầu là 485 tỷ đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của Quỹ).

Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007. Theo điều lệ Quỹ, Quỹ hết thời hạn hoạt động vào ngày 14 tháng 11 năm 2012. Hiện quỹ đang làm các thủ tục cần thiết để tiến hành đóng quỹ, dự tính các công việc sẽ được hoàn tất vào quý I năm 2013.

Theo nghị quyết Đại hội thành viên Quỹ Tầm nhìn SSI ngày 15 tháng 5 năm 2012 và Nghị quyết đại hội thành viên bất thường Quỹ Tầm nhìn SSI ngày 17 tháng 10 năm 2012, Quỹ đã thống nhất ý kiến về việc đóng quỹ vào ngày 14 tháng 11 năm 2012, theo đó Quỹ sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển toàn bộ giá trị danh mục đầu tư của Quỹ về tiền mặt trả cho cổ đông. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, do các thủ tục đóng quỹ chưa hoàn thành, vì vậy Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ thanh lý Quỹ, chi tiết xem Thuyết minh số 8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có chín (09) công ty liên kết sở hữu gián tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ
Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre (ABT)	Quyết định số 3423/QĐ-UB ngày 01 tháng 12 năm 2003 do UBND tỉnh Bến Tre cấp, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300376365 ngày 26 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 11 năm 2010. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Chế biến xuất khẩu thủy sản; nhập khẩu vật tư hàng hóa; nuôi trồng thủy sản; kinh doanh nhà hàng và dịch vụ.	136.072.070.000 đồng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (PAN)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 06 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 05). Trước thời điểm này, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 8 năm 2005. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Dịch vụ sửa chữa nhà; Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ.	115.500.000.000 đồng Việt Nam
Công ty Cổ phần Hùng Vương (HVG)	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5303000053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Nuôi trồng, chế biến thủy sản xuất khẩu; sản xuất thức ăn thủy sản, gia súc, gia cầm; kinh doanh kho lạnh, kinh doanh địa ốc.	791.976.690.000 đồng Việt Nam
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL)	Tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công ty Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh thành Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0302181666 ngày 16/02/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc... Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư… Dịch vụ thương mại và cầm đồ; Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc; Hợp tác đầu tư lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, du lịch.	139.245.880.000 đồng Việt Nam
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (LAF)	Là công ty được chuyển từ Xí nghiệp Chế biến hàng xuất khẩu Long An theo quyết định số 4206/QĐUB ngày 01/07/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Đầu tư gia công, sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ đại lý, môi giới trong ngành hàng: nông sản, thủy sản, lương thực.v.v..; Dịch vụ cho thuê kho bãi, cầu cảng, cao ốc văn phòng; Đầu tư tài chính, đại lý chứng khoán.	147.280.190.000 đồng Việt Nam
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (NSC)	Được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 02 năm 2004 và sửa đổi bổ sung theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Trồng trọt, kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; Gia công, chế biến, đóng gói, bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Kinh doanh bất động sản.	100.298.380.000 đồng Việt Nam
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (SSC)	Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.	149.923.670.000 đồng Việt Nam

B09-CTCK

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELC)	Ngày 15/12/1995, Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ điện tử - viễn thông, tiền thân của Elcom hiện nay, được thành lập với hoạt động chủ yếu là nghiên cứu công nghệ ứng dụng trong lĩnh vực viễn thông. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103002552 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2003. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử - tin học; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Các dịch vụ khoa học kỹ thuật; Lắp ráp, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại thuê bao dung lượng nhỏ, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, lắp đặt các thiết bị truyền dẫn cho các tuyến Viba và mạng cáp thông tin; Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử - viễn thông; Cung cấp và khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ lưu trữ và xử lý dữ liệu; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị điện, điện tử, viễn thông, thiết bị khoa học; Dịch vụ quảng cáo; Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông; Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí; Đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng trọt và khu du lịch sinh thái; Mua bán, sản xuất các thiết bị báo cháy, thiết bị báo trộm...	366.249.090.000 đồng Việt Nam
CTCP Transimex-Saigon (TMS)	Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương Tp HCM (TransimexSaigon) là doanh nghiệp nhà nước, được thành lập từ năm 1983. Từ ngày 01/01/2000, Công ty chuyển sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 989/QĐTTg ngày 26/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ và theo giấy đăng ký kinh doanh số 056651 do Sở Kế hoạch và đầu tư TPHCM cấp ngày 03 tháng 12 năm 1999. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	Đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đường biển, đường hàng không và đường bộ. Đại lý hàng hải và môi giới tàu biển, dịch vụ thủ tục hải quan. Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan, kho thu gom đóng gói hàng lẻ CFS, điểm thông quan nội địa ICD. Kinh doanh vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường bộ.	230.738.240.000 đồng Việt Nam

Báo cáo Tài chính
120
Báo cáo thường niên 2012

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính), Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Công ty cũng lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Đồng tiền kế toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ), các công ty con và các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất .

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	5 - 7 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

3.7 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một

trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các chứng khoán này được ghi nhận tiếp theo giá gốc trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận, nếu có.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

3.9 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian ba (03) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Danh sách công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 14.

3.10 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên

bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/ chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính hợp nhất . Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/ khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng của năm tài chính tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.17 Phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 và Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Tiền mặt	157.236.602	152.163.551
Tiền gửi ngân hàng	806.703.214.384	729.943.429.280
Trong đó:		
- *Tiền gửi ngân hàng*	*111.471.419.671*	*88.757.731.296*
- *Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (tiền ký quỹ của nhà đầu tư)*	*695.231.794.713*	*601.838.543.283*
- *Tiền của người ủy thác đầu tư (*)*	-	*39.347.154.701*
Các khoản tương đương tiền	1.140.230.000.000	1.215.669.218.716
- *Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng (**)*	*1.140.230.000.000*	*1.215.669.218.716*
	1.947.090.450.986	**1.945.764.811.547**

(*) Theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý Quỹ SSIAM (công ty con của Công ty) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, các khoản tiền gửi, chứng khoán, danh mục đầu tư và các khoản phải thu, phải trả của nhà đầu tư ủy thác và vốn nhận của người ủy thác đầu tư sẽ được Công ty Quản lý quỹ theo dõi và hạch toán ngoại bảng thay vì ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán.

(**) Trong số các khoản tiền gửi này, có 100 tỷ tiền gửi kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) và 100 tỷ tiền gửi kỳ hạn ba tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay. Xem thêm tại Thuyết minh số 17 - Vay và Nợ ngắn hạn.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (Đơn vị)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (VNĐ)
Của Công ty chứng khoán	31.362.301	1.839.506.678.800
- *Cổ phiếu*	*14.061.471*	*250.160.992.800*
- *Trái phiếu*	*17.138.000*	*1.588.547.819.000*
- *Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)*	*162.830*	*797.867.000*
Của nhà đầu tư	3.290.751.658	65.590.423.995.680
- *Cổ phiếu*	*3.150.322.418*	*52.063.529.192.470*
- *Trái phiếu*	*125.965.350*	*13.451.263.168.210*
- *Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)*	*14.463.890*	*75.631.635.000*
	3.322.113.959	**67.429.930.674.480**

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư ngắn hạn

Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phiếu	Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
			Tăng (VNĐ)	Giảm (VNĐ)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Chứng khoán thương mại	***34.662.506***	***589.163.797.759***	***20.836.630.523***	***(194.353.925.227)***	***415.646.503.055***
Cổ phiếu niêm yết	30.793.624	477.229.343.888	20.836.630.523	(147.309.314.209)	350.756.660.202
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.743.882	99.434.453.871	-	(47.044.611.018)	52.389.842.853
- *Phần xác định được giá trị thị trường (*)*	*3.673.382*	*92.384.453.871*	-	*(47.044.611.018)*	*45.339.842.853*
- *Phần không xác định được giá trị thị trường (**)*	*70.500*	*7.050.000.000*	-	-	*7.050.000.000*
Trái phiếu	-	-	-	-	-
- *Phần xác định được giá trị thị trường*	-	-	-	-	-
- *Phần không xác định được giá trị thị trường (**)*	125.000	12.500.000.000	-	-	12.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	***1.703.000.000.000***	-	-	***1.703.000.000.000***
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng (***)	-	1.703.000.000.000	-	-	1.703.000.000.000
	34.662.506	**2.292.163.797.759**	**20.836.630.523**	**(194.353.925.227)**	**2.118.646.503.055**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Chứng khoán thương mại	***48.217.355***	***1.052.561.099.307***	***15.286.727.178***	***(303.123.545.515)***	***764.724.280.970***
Cổ phiếu niêm yết	44.540.705	873.223.160.334	15.286.727.178	(292.141.620.515)	596.368.266.997
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.017.150	93.173.000.000	-	(10.981.925.000)	82.191.075.000
Trái phiếu	659.500	86.164.938.973	-	-	86.164.938.973
- *Phần xác định được giá trị thị trường*	-	-	-	-	-
- *Phần không xác định được giá trị thị trường (**)*	*659.500*	*86.164.938.973*	-	-	*86.164.938.973*
Đầu tư ngắn hạn khác	-	***476.649.028***	-	-	***476.649.028***
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	-	*476.649.028*	-	-	*476.649.028*
	48.217.355	**1.053.037.748.335**	**15.286.727.178**	**(303.123.545.515)**	**765.200.929.998**

(*): Giá trị thị trường của các chứng khoán này được xác định theo giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán.

(**): Giá trị thị trường của các chứng khoán không xác định được giá trị thị trường được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

(***): Trong số các khoản tiền gửi này, có 100 tỷ tiền gửi kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh vượng (VPbank) và 850 tỷ tiền gửi kỳ hạn một năm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi. Xem thêm tại Thuyết minh số 17 - Vay và Nợ ngắn hạn.

6.2 Đầu tư chứng khoán dài hạn

Tình hình đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phiếu	Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
			Tăng (VNĐ)	Giảm (VNĐ)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	***24.290.220***	***1.056.730.351.972***	***3.641.009.204***	***(82.059.042.586)***	***978.312.318.590***
Cổ phiếu niêm yết	10.234.553	258.115.910.455	1.852.009.204	(53.348.175.958)	206.619.743.701
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	7.750.632	131.989.207.174	1.789.000.000	(28.710.866.628)	105.067.340.546
Trái phiếu	6.305.035	666.625.234.343	-	-	666.625.234.343
- *Phần xác định được giá trị thị trường*	-	-	-	-	-
- *Phần không xác định được giá trị thị trường (**)*	*6.305.035*	*666.625.234.343*	-	-	*666.625.234.343*
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	***12.666.999***	***548.616.990.000***	-	***(93.178.900.000)***	***455.438.090.000***
Phần xác định được giá trị thị trường (*)	12.666.999	548.616.990.000	-	(93.178.900.000)	455.438.090.000
- *Công ty Xi măng Vissai Miền Trung*	*900.000*	*10.000.000.000*	-	*(775.900.000)*	*9.224.100.000*
- *Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI*	*1.499.999*	*14.999.990.000*	-	-	*14.999.990.000*
- *Công ty CP Cao su Hoàng Anh Gia Lai*	*10.267.000*	*523.617.000.000*	-	*(92.403.000.000)*	*431.214.000.000*
Phần không xác định được giá trị thị trường	-	-	-	-	-
	36.957.219	**1.605.347.341.972**	**3.641.009.204**	**(175.237.942.586)**	**1.433.750.408.590**

(*): Giá trị thị trường của các chứng khoán này được xác định theo giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán.

(**): Giá trị thị trường của các chứng khoán không xác định được giá trị thị trường được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

Trong đó, có 200.000 trái phiếu, tương đương với tổng giá trị theo sổ kế toán là 20.132.645.562 VNĐ đã được bán theo các hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán. Xem thêm tại Thuyết minh 37.5 - Các khoản đảm bảo.

6.2 Đầu tư chứng khoán dài hạn (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
			Tăng (VNĐ)	Giảm (VNĐ)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	***22.456.423***	***1.128.856.979.464***	***3.163.320.881***	***(166.853.124.408)***	***965.167.175.937***
Cổ phiếu niêm yết	9.195.965	346.141.584.971	3.163.320.881	(133.643.284.762)	215.661.621.090
Cổ phiếu chưa niêm yết	6.355.458	87.791.294.397	-	(14.220.179.920)	73.571.114.477
Trái phiếu	6.905.000	694.924.100.096	-	(18.989.659.726)	675.934.440.370
- *Phần xác định được giá trị thị trường (***)*	*600.000*	*63.298.865.753*	-	*(18.989.659.726)*	*44.309.206.027*
- *Phần không xác định được giá trị thị trường (*)*	*6.305.000*	*631.625.234.343*	-	-	*631.625.234.343*
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
Đầu tư dài hạn khác	***32.622.499***	***749.788.390.000***	***-***	***(833.500.000)***	***748.954.890.000***
Phần xác định được giá trị thị trường (**)	22.355.499	226.171.390.000	-	(833.500.000)	225.337.890.000
- *Công ty Xi măng Vissai Miền Trung*	*900.000*	*10.000.000.000*	-	*(833.500.000)*	*9.166.500.000*
- *Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex*	*19.955.500*	*201.171.400.000*	-	-	*201.171.400.000*
- *Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI*	*1.499.999*	*14.999.990.000*	-	-	*14.999.990.000*
Phần không xác định được giá trị thị trường (*)	10.267.000	523.617.000.000	-	-	523.617.000.000
- *Công ty CP Cao su Hoàng Anh Gia Lai*	*10.267.000*	*523.617.000.000*	-	-	*523.617.000.000*
	55.078.922	**1.878.645.369.464**	**3.163.320.881**	**(167.686.624.408)**	**1.714.122.065.937**

(*): Giá trị thị trường của các chứng khoán không xác định được giá trị thị trường được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

(**): Giá trị thị trường của các chứng khoán này được xác định theo giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán.

(***): Phần xác định được giá trị thị trường của trái phiếu thể hiện giá trị theo sổ kế toán và giá trị dự phòng của trái phiếu Vinashin. Dự phòng trái phiếu Vinashin được lập trên cơ sở đánh giá của Công ty về khả năng có thể thu hồi được của trái phiếu.

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn. Chi tiết các đơn vị mà Công ty thực hiện góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

- Ngày 16 tháng 12 năm 2011, Công ty tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai. Theo hợp đồng góp vốn, phần góp vốn của Công ty chiếm 2,62% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai. Các ngành sản xuất kinh doanh chính của công ty này bao gồm: trồng cây cao su; trồng cây lâu năm khác; trồng rừng và chăm sóc rừng; bán buôn cao su; sản xuất và mua bán giống cây trồng; dịch vụ trồng trọt; sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; mua, bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); khai thác đá; mua, bán, ký gửi hàng hóa; mua, bán, xuất khẩu mủ cao su có nguồn gốc hợp pháp, sản xuất, chế biến từ mủ cao su; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; khai thác và thu gom than bùn; khai thác quặng sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý; sản xuất sắt thép gang.

- Khoản góp vốn vào Công ty Xi măng Vissai Miền Trung, tiền thân là Công ty Xây dựng và Đầu tư Đại Việt, được thực hiện năm 2007. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: khai thác sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, ngoại thất; thi công lắp đặt, hoàn thiện và trang trí nội ngoại thất cho các công trình xây dựng.

- Năm 2007, Công ty cũng thực hiện góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI với tư cách là cổ đông sáng lập. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: kinh doanh nhà; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng; dịch vụ quản lý, cho thuê mặt bằng, văn phòng.

6.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn

Chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giảm so với giá thị trường VNĐ	Tổng giá trị thị trường VNĐ
Cổ phiếu niêm yết				
DAC	47.366	2.251.325.570	(1.540.835.570)	710.490.000
NSP	418.273	4.182.730.000	(1.087.509.800)	3.095.220.200
FPT	210.690	8.608.369.280	(1.192.181.578)	7.416.187.702
PDN	410.120	9.707.131.800	(930.563.800)	8.776.568.000
VFMVF4	14.226.250	124.687.062.241	(62.091.562.241)	62.595.500.000
SVC	2.345.442	48.978.224.783	(17.080.213.584)	31.898.011.199
TMT	2.500.238	65.813.021.526	(54.045.084.241)	11.767.937.285
VHL	1.244.939	21.801.196.622	(8.978.324.923)	12.822.871.699
Cổ phiếu khác	18.505	543.818.473	(363.038.472)	180.780.001
	21.421.823	**286.572.880.295**	**(147.309.314.209)**	**139.263.566.086**
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.869	117.843.800	(107.802.300)	10.041.500
CTCP Truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(357.000.000)	22.848.000.000
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.905.600.000)	94.400.000
CTCP Phân Lân Nung Chảy Văn Điển	2.140.000	53.000.000.000	(35.880.000.000)	17.120.000.000
Công ty CP Đầu tư Kim Tự Tháp	190.000	3.268.000.000	(1.558.000.000)	1.710.000.000
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
	3.672.639	**92.372.742.518**	**(47.044.611.018)**	**45.328.131.500**
	25.094.462	**378.945.622.813**	**(194.353.925.227)**	**184.591.697.586**

Dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn

Chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giảm so với giá thị trường VNĐ	Tổng giá trị thị trường VNĐ
Cổ phiếu niêm yết				
HAG	1.670.741	56.935.268.206	(20.847.262.610)	36.088.005.596
PDN	1.134.721	38.486.340.864	(14.203.311.464)	24.283.029.400
FPT	1.498.500	70.720.795.792	(17.973.595.792)	52.747.200.000
APC	2.265.690	23.428.395.299	(318.357.299)	23.110.038.000
NET	183.500	7.070.398.793	(5.648.793)	7.064.750.000
	6.753.152	**196.641.198.954**	**(53.348.175.958)**	**143.293.022.996**
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.540.000.000)	1.660.000.000
CTCP Công nghiệp Vĩnh Tường	132.140	3.039.220.000	(1.156.225.000)	1.882.995.000
Công ty CP Cao su Hoàng Anh Gia Lai	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
Công ty Xi măng Vissai Miền Trung	900.000	10.000.000.000	(775.900.000)	9.224.100.000
Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.545.996.454)	8.453.991.546
Cty CP Việt Tín	6.299	6.654.826.400	(1.450.592.600)	5.204.233.800
Các cổ phiếu khác	4.013.724	51.987.500.000	(1.478.844.800)	50.508.655.200
	17.517.632	**633.823.207.174**	**(121.889.766.628)**	**511.933.440.546**
	24.270.784	**830.464.406.128**	**(175.237.942.586)**	**655.226.463.542**

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN CỦA NGƯỜI ỦY THÁC ĐẦU TƯ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Cổ phiếu niêm yết	-	109.975.989.696
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	9.477.000.000
	-	**119.452.989.696**

Theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý Quỹ, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, các khoản tiền gửi, chứng khoán, danh mục đầu tư và các khoản phải thu, phải trả của nhà đầu tư ủy thác và vốn nhận của người ủy thác đầu tư sẽ được Công ty Quản lý quỹ theo dõi và hạch toán ngoại bảng thay vì ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Phải thu của khách hàng	500.024.123.162	291.054.053.897
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	*203.554.006.741*	*26.751.833.547*
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	*185.273.928.623*	*103.770.474.680*
- Phải thu khách hàng về các hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư chứng khoán (phát sinh trước ngày 30/8/2011)	*1.300.000.000*	*157.185.719.632*
- Phải thu từ trái phiếu Vinashin (1)	*60.000.000.000*	*-*
- Phải thu từ thanh lý quỹ SSIVF(2)	*14.593.307.741*	*-*
- Phải thu phí tư vấn (3)	*34.703.719.489*	*2.323.014.127*
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	*96.212.146*	*625.397.883*
- Phải thu khác	*502.948.422*	*397.614.028*
Ứng trước cho người bán	4.092.973.299	2.223.755.828
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	7.317.649.764	677.728
Phải thu khác	*339.346.884.820*	*122.281.746.055*
- Lãi tiền gửi	*19.567.552.410*	*6.586.311.679*
- Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán (trái tức, cổ tức, lãi kỳ phiếu)	*44.600.956.072*	*51.594.391.003*
- Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	*-*	*54.005.000.000*
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu (4)	*272.100.000.000*	*-*
- Phải thu lãi của hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	*150.944.442*	*6.440.323.295*
- Phải thu BHXH	*-*	*75.982.084*
- Phải thu khác	*2.927.431.896*	*3.579.737.994*
	850.781.631.045	**415.560.233.508**

(1) Khoản phải thu đã quá hạn thanh toán của trái phiếu Vinashin.
(2) Công ty đầu tư vào Quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư ban đầu là 485 tỷ đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Theo điều lệ Quỹ, Quỹ đã hết thời hạn hoạt động vào ngày 14 tháng 11 năm 2012. Theo nghị quyết Đại hội thành viên Quỹ Tầm nhìn SSI ngày 15 tháng 5 năm 2012 và Nghị quyết đại hội thành viên bất thường Quỹ Tầm nhìn SSI ngày 17 tháng 10 năm 2012, Quỹ đã thống nhất ý kiến về việc đóng quỹ vào ngày 14 tháng 11 năm 2012, theo đó Quỹ sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển toàn bộ giá trị danh mục đầu tư của Quỹ về tiền mặt trả cho cổ đông. Quỹ đã tiến hành tất toán tài sản ròng của Quỹ bao gồm cổ phiếu, tiền và các khoản phải thu theo đó phần SSI phải thu từ thanh lý Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 14.593.307.741 VNĐ.
(3) Bao gồm trong số 34.703.719.489 VNĐ này là 32.194.000.000 VNĐ phải thu từ nghiệp vụ tư vấn phát hành trái phiếu. Khoản phí này đã được Công ty thu hồi trong tháng 1 năm 2013.
(4) Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu là các khoản phải thu theo các hợp đồng môi giới mua gom trái phiếu, theo đó Công ty sẽ đặt cọc cho khách hàng một số tiền để khách hàng mua trái phiếu theo yêu cầu của Công ty. Trong trường hợp không mua được trái phiếu, khách hàng sẽ phải hoàn trả lại tiền đặt cọc kèm theo một khoản phạt do không thực hiện được hợp đồng.

9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn chủ yếu là khoản dự phòng cho khoản phải thu từ trái phiếu Vinashin đã đáo hạn. Chi tiết các khoản dự phòng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Khoản phải thu từ trái phiếu Vinashin đã đáo hạn (*)	(51.000.000.000)	-
Lãi trái phiếu Vinashin	(5.934.246.575)	(5.934.246.575)
Khoản phải thu từ thanh lý quỹ SSIVF	(8.817.289.058)	-
Khác	(433.300.000)	(12.002.500.000)
	(66.184.835.633)	**(17.936.746.575)**

(*) Dự phòng giảm giá cho khoản phải thu từ trái phiếu đã đáo hạn Vinashin được lập dựa trên đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của mỗi trái phiếu trong tương lai. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng cho số trái phiếu Vinashin đã đáo hạn mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Tạm ứng cho nhân viên	1.286.108.519	1.828.282.441
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.092.189.783	5.334.439.840
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	542.305.000	549.105.000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được khấu trừ của công ty con	464.966.248	3.347.725.304
Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	119.318.128	85.921.890
	7.504.887.678	**11.145.474.475**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VNĐ)	Máy móc thiết bị (VNĐ)	Phương tiện vận tải (VNĐ)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá					
Ngày 31/12/2011	2.609.391.520	76.460.915.559	16.875.816.403	1.909.158.397	97.855.281.879
Tăng trong kỳ	-	3.849.963.400	-	87.120.000	3.937.083.400
Mua mới	-	*3.849.963.400*	-	*87.120.000*	*3.937.083.400*
Giảm trong kỳ	-	(2.037.500.573)	(3.707.609.000)	(31.900.000)	(5.777.009.573)
Bán thanh lý	-	*(2.037.500.573)*	*(3.707.609.000)*	*(31.900.000)*	*(5.777.009.573)*
Ngày 31/12/2012	2.609.391.520	78.273.378.386	13.168.207.403	1.964.378.397	96.015.355.706
Hao mòn lũy kế					
Ngày 31/12/2011	1.304.380.617	47.932.951.186	11.432.710.893	1.516.344.844	62.186.387.540
Tăng trong kỳ	449.269.148	12.324.897.061	1.819.328.742	267.131.539	14.860.626.490
Khấu hao	*449.269.148*	*12.324.897.061*	*1.819.328.742*	*267.131.539*	*14.860.626.490*
Giảm trong kỳ	-	(1.756.082.099)	(3.338.023.922)	(31.900.000)	(5.126.006.021)
Bán thanh lý	-	*(1.756.082.099)*	*(3.338.023.922)*	*(31.900.000)*	*(5.126.006.021)*
Ngày 31/12/2012	1.753.649.765	58.501.766.148	9.914.015.713	1.751.576.383	71.921.008.009
Giá trị còn lại					
Ngày 31/12/2011	1.305.010.903	28.527.964.373	5.443.105.510	392.813.553	35.668.894.339
Ngày 31/12/2012	855.741.755	19.771.612.238	3.254.191.690	212.802.014	24.094.347.697

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm (VNĐ)	Quyền sử dụng đất vô thời hạn (VNĐ)	Tài sản cố định vô hình khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá				
Ngày 31/12/2011	42.868.697.151	109.671.558.000	1.656.576.688	154.196.831.839
Tăng trong kỳ	2.080.681.440	-	-	2.080.681.440
Mua mới	*2.080.681.440*	-	-	*2.080.681.440*
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31/12/2012	44.949.378.591	109.671.558.000	1.656.576.688	156.277.513.279
Hao mòn lũy kế				
Ngày 31/12/2011	24.101.559.972	-	1.554.075.004	25.655.634.976
Tăng trong kỳ	9.422.812.328	-	41.320.892	9.464.133.220
Khấu hao	*9.422.812.328*	-	*41.320.892*	*9.464.133.220*
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31/12/2012	33.524.372.300	-	1.595.395.896	35.119.768.196
Giá trị còn lại				
Ngày 31/12/2011	18.767.137.179	109.671.558.000	102.501.684	128.541.196.863
Ngày 31/12/2012	11.425.006.291	109.671.558.000	61.180.792	121.157.745.083

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và đất (*) (VNĐ)	Bất động sản đầu tư khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá			
Ngày 31/12/2011	282.497.013.600	-	282.497.013.600
Tăng trong kỳ	1.115.722.920	-	1.115.722.920
Tăng khác	*1.115.722.920*	-	*1.115.722.920*
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31/12/2012	283.612.736.520	-	283.612.736.520
Hao mòn lũy kế			
Ngày 31/12/2011	7.109.857.997	-	7.109.857.997
Tăng trong kỳ	7.155.762.746	-	7.155.762.746
Khấu hao	*7.155.762.746*	-	*7.155.762.746*
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31/12/2012	14.265.620.743	-	14.265.620.743
Giá trị còn lại			
Ngày 31/12/2011	275.387.155.603	-	275.387.155.603
Ngày 31/12/2012	269.347.115.777	-	269.347.115.777

(*) Bao gồm 6 (sáu) tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31/12/2011, nguyên giá của các toà nhà được ghi nhận là 13.769.423,66 USD, tương đương 282.497.013.600 đồng. Trong năm 2012, Công ty Quốc tế SSI đã điều chỉnh nguyên giá của các tòa nhà cho phù hợp với thực tế phát sinh; theo đó, nguyên giá mới là 13.824.781,70 USD, tương đương 283.612.736.520 đồng. Trong đó, giá trị đất là 2.544.423,18 USD, tương đương 52.065.180.034 đồng, và giá trị nhà là 11.280.358,52 USD, tương đương 231.547.556.486 đồng. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm 2012 là 11.686.425.009 đồng.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	% sở hữu của Công ty (%)	% biểu quyết của Công ty (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số trình bày lại (*) (VNĐ)
Quỹ Tầm nhìn SSI	-	-	-	483.846.448.559
Công ty CP XNK Thuỷ sản Bến Tre	24,0%	25,0%	112.184.115.815	134.906.247.108
Công ty CP Hùng Vương	20,0%	20,0%	446.226.979.256	410.758.104.260
Công ty CP Xuyên Thái Bình	20,0%	20,4%	66.343.313.982	54.939.092.153
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	25,3%	25,4%	80.423.308.230	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	20,0%	20,0%	71.161.019.957	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	20,0%	20,1%	89.591.299.013	-
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	20,0%	20,0%	35.042.388.806	-
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	20,0%	20,0%	200.600.757.738	-
CTCP Transimex-Saigon	20,0%	20,0%	114.887.252.451	-
			1.216.460.435.248	**1.084.449.892.080**

(*): Số trình bày lại liên quan đến chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, bao gồm giá trị lợi thế thương mại phát sinh tại thời điểm hợp nhất. Chi tiết số dư các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo (VNĐ)	Phân loại lại lợi thế thương mại (VNĐ)	Số trình bày lại (VNĐ)
Quỹ Tầm nhìn SSI	483.846.448.559	-	483.846.448.559
Công ty CP Thuỷ sản Bến Tre	112.461.220.086	22.445.027.022	134.906.247.108
Công ty CP Hùng Vương	410.758.104.260	-	410.758.104.260
Công ty CP Xuyên Thái Bình	54.939.092.153	-	54.939.092.153
	1.062.004.865.058	22.445.027.022	1.084.449.892.080

Lợi nhuận/ (Lỗ) phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết (bao gồm (lợi thế)/bất lợi thương mại phát sinh tại ngày mua và phần chia sẻ lãi/(lỗ) trong năm kể từ ngày mua) được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Quỹ Tầm nhìn SSI	(6.053.150.562)	(83.591.638.990)
Công ty CP Thuỷ sản Bến Tre	15.950.790.320	(584.637.381)
Công ty CP Hùng Vương	63.951.954.728	29.592.849.145
Công ty CP Xuyên Thái Bình	17.264.268.862	17.984.285.906
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	2.661.385.055	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	5.729.610.742	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	(2.231.982.768)	-
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	(9.455.381.037)	-
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	-	-
CTCP Transimex-Saigon	18.242.414.945	-
Kết quả ròng	**106.059.910.285**	**(36.599.141.321)**

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Chi phí tư vấn trả trước	6.898.276.376	14.423.668.784
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.963.484.017	5.858.762.426
	8.861.760.393	**20.282.431.210**

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	12.513.859.767	11.620.436.954
Tiền lãi phân bổ hàng năm	2.469.052.029	1.269.495.696
	14.982.911.796	**12.889.932.650**

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngày 31tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Vay ngắn hạn (*)	90.000.000.000	-
Vay thấu chi ngân hàng (**)	267.728.021.077	-
	357.728.021.077	**-**

(*) Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) với kỳ hạn 2 tháng mức lãi suất 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là hợp đồng tiền gửi trị giá 100 tỷ của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

(**) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") được đảm bảo bởi giá trị của các Hợp đồng tiền gửi tại BIDV với kỳ hạn là một năm. Tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi ngân hàng là 10,5% đến 10,8%.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.040.373.750	4.995.842.440
Ứng trước trước tiền mua chứng khoán của khách hàng (*)	95.009.400.000	65.009.400.000
Quỹ Tầm nhìn SSI trả trước phí quản lý cho SSIAM	-	3.484.586.392
	99.049.773.750	**73.489.828.832**

(*) Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng để mua cổ phiếu của các doanh nghiệp chưa niêm yết. Do chưa hoàn thành thủ tục sang tên vì vậy cổ phiếu này vẫn được ghi nhận trên danh mục đầu tư dài hạn.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Thuế Giá trị Gia tăng	5.269.593.349	378.513.020
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (*)	9.111.512.048	-
Thuế Thu nhập Cá nhân	3.489.079.612	3.160.205.887
Thuế khác	848.665.436	2.103.675.109
	18.718.850.445	**5.642.394.016**

(*) Chi phí thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành ước tính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 31.

Bảng tổng hợp tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Số phải nộp trong năm (VNĐ)	Số đã nộp trong năm (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)
I	**Thuế**	**2.294.668.712**	**128.404.309.841**	**112.445.094.356**	**18.253.884.197**
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	378.513.020	8.110.026.832	3.218.946.503	5.269.593.349
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-			
3	Thuế nhập khẩu	-			
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(3.347.725.304)	82.746.476.426	70.752.205.322	8.646.545.800
5	Thuế nhà đất	-	-	-	-
6	Tiền thuê đất	-	-	-	-
7	Các loại thuế khác	5.263.880.996	37.547.806.583	38.473.942.531	4.337.745.048
	Thuế thu nhập cá nhân	*2.748.793.957*	*16.988.814.460*	*16.657.958.392*	*3.079.650.025*
	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	*411.411.930*	*8.251.391.798*	*8.253.374.141*	*409.429.587*
	Thuế môn bài	-	*14.000.000*	*14.000.000*	-
	Thuế khác	*2.103.675.109*	*12.293.600.325*	*13.548.609.998*	*848.665.436*
II	**Các khoản phải nộp khác**	**-**	**992.236**	**992.236**	**-**
1	Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
2	Các khoản phải nộp khác	-	992.236	992.236	-
		2.294.668.712	**128.405.302.077**	**112.446.086.592**	**18.253.884.197**

(*) Số thuế phải nộp trong năm đã bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước của công ty con và số thuế phải nộp bổ sung theo Quyết toán thuế. Chi tiết ở Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 31.1.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Chi phí lãi vay phải trả	594.967.678	-
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký Chứng khoán	2.160.248.269	2.159.660.934
Phí phải trả cho Ngân hàng lưu ký	23.350.000	21.000.000
Phải trả Công ty Tài chính Dầu khí	7.755.626	7.755.626
Chi phí lãi hợp đồng mua và bán lại chứng khoán, hợp tác kinh doanh phải trả	793.804.982	1.579.498.264
Phải trả hợp đồng đặt cọc trái phiếu	2.267.577.777	-
Phải trả chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	425.000.000	260.000.000
Phí kiểm toán	881.658.000	896.079.600
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	741.039.893	1.011.901.617
Các khoản khác	1.288.388.328	246.427.512
	9.183.790.553	**6.182.323.553**

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Phải trả hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán (*)	17.690.685.976	155.589.925.000
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)	48.914.282.437	204.905.766.183
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	1.065.450.092	13.175.868.406
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư (***)	1.114.504.309.449	4.685.000.000
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	36.356.801.104
Các khoản khác	7.613.375.153	1.965.957.671
	1.189.788.103.107	**416.679.318.364**

(*) Khoản phải trả theo các cam kết bán và mua lại chứng khoán là khoản tiền Công ty nhận được khi bán các chứng khoán theo thỏa thuận bán và cam kết mua lại với khách hàng. Chi tiết các trái phiếu đã bán và cam kết mua lại được trình bày tại Thuyết minh số 37.5.

(**) Đây là khoản phải trả theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và khách hàng, theo đó khách hàng sẽ chuyển một khoản vốn cho Công ty để thực hiện hợp tác kinh doanh và sẽ nhận được mức lợi suất cố định theo thỏa thuận tương ứng với phần vốn góp.

(***) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư bao gồm các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới mua chứng khoán. Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty sẽ phải hoàn trả tiền cọc cho khách hàng kèm theo một khoản lãi suất theo thỏa thuận.

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh	239.504.169.800	21.916.153.444
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán	672.221.482.487	555.811.471.398
- *Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính*	*430.170.380.600*	*415.294.012.656*
- *Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hà Nội*	*144.166.669.044*	*60.188.344.404*
- *Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác*	*97.884.432.843*	*80.329.114.338*
	911.725.652.287	**577.727.624.842**

23. PHẢI TRẢ CỔ TỨC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	521.820.784	4.045.926.173
Phải trả cổ tức cho cổ đông và lãi trái phiếu SSI	3.953.103.066	2.430.992.250
	4.474.923.850	**6.476.918.423**

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)
Số dư đầu kỳ	90.064.800.637	69.431.253.766
Trích lập quỹ trong kỳ	-	50.701.098.116
Sử dụng trong kỳ	(14.999.224.549)	(30.067.551.245)
Số dư cuối kỳ	**75.065.576.088**	**90.064.800.637**

Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi sử dụng chủ yếu cho mục đích thưởng và trả thù lao cho Ban Điều hành và nhân viên. Ngoài ra, Quỹ được sử dụng cho các mục đích phúc lợi khác.

25. VỐN NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Vốn nhận từ các khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư (*)	-	122.504.095.276
	-	**122.504.095.276**

(*) Khoản vốn này được quản lý tại công ty con của Công ty là SSIAM. Theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý Quỹ, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, các khoản tiền gửi, chứng khoán, danh mục đầu tư và các khoản phải thu, phải trả của nhà đầu tư ủy thác và vốn nhận của người ủy thác đầu tư sẽ được Công ty Quản lý quỹ theo dõi và hạch toán ngoại bảng thay vì ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán.

B09-CTCK
THUYẾT MINH
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

26. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VNĐ)	Thặng dư vốn cổ phần (VNĐ)	Vốn khác của chủ sở hữu (VNĐ)	Cổ phiếu quỹ (VNĐ)	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính (VNĐ)	Lợi nhuận chưa phân phối (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	3.526.117.420.000	340.921.476.378	383.614.879	(88.591.286.000)	289.383.181.436	1.012.450.891.924	5.080.665.298.616
Điều chỉnh lại thuế TNDN phải nộp theo quyết toán thuế năm 2010	-	-	-	-	-	(182.594.264)	(182.594.264)
Trích cổ tức - theo Nghị Quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2012	-	-	-	-	-	(349.564.842.000)	(349.564.842.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(654.900.000)	-	-	(654.900.000)
Vốn khác phát sinh do công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.989.292.649)	-	-	-	(2.989.292.649)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	464.299.378.161	464.299.378.161
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	**3.526.117.420.000**	**340.921.476.378**	**(2.605.677.770)**	**(89.246.186.000)**	**289.383.181.436**	**1.127.002.833.821**	**5.191.573.047.865**

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM chấp thuận cho Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn mua lại 3.000.000 Cổ Phiếu SSI làm cổ phiếu quỹ theo Công văn số 2235/2010/SGDHCM-NY ngày 01/12/2010 và theo công văn số 434/2012/SGDHCM-NY ngày 14/3/2012 cho phép công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty và sửa lỗi giao dịch tổng cộng là 46.900 cổ phiếu. Đến thời điểm 31/12/2012 tổng cộng số lượng cổ phiếu quỹ là 3.046.900 cổ phiếu.

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VNĐ)	Thặng dư vốn cổ phần (VNĐ)	Vốn khác của chủ sở hữu (VNĐ)	Cổ phiếu quỹ (VNĐ)	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính (VNĐ)	Lợi nhuận chưa phân phối (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	3.511.117.420.000	340.921.476.378	-	(12.365.677.000)	220.524.469.842	1.399.114.338.962	5.459.312.028.182
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu	15.000.000.000	-	-	-	-	-	15.000.000.000
Trích quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	-	68.858.711.594	(68.858.711.594)	-
Trích quỹ từ thiện, phúc lợi, thù lao theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	-	-	(50.701.098.116)	(50.701.098.116)
Trích 10% cổ tức năm 2010 - theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2011	-	-	-	-	-	(348.111.742.000)	(348.111.742.000)
Điều chỉnh lại thuế TNDN theo quyết toán thuế năm 2010	-	-	-	-	-	1.929.271.735	1.929.271.735
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(76.225.609.000)	-	-	(76.225.609.000)
Trích bổ sung nộp thuế TNDN 2010 theo QĐ 4992/QĐ-CT của Cục Thuế	-	-	-	-	-	(50.179.757)	(50.179.757)
Chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ	-	-	383.614.879	-	-		383.614.879
Lợi nhuận sau thuế năm 2011	-	-	-	-	-	79.129.012.745	79.129.012.745
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	**3.526.117.420.000**	**340.921.476.378**	**383.614.879**	**(88.591.286.000)**	**289.383.181.436**	**1.012.450.891.924**	**5.080.665.298.616**

Báo cáo Tài chính
144
Báo cáo thường niên 2012

26.2 Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu		Ghi chú
1 -	Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
2 -	Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi luỹ kế chưa được ghi nhận	Không có
3 -	Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

26.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**352.611.742**	**352.611.742**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**352.611.742**	**352.611.742**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	352.611.742	352.611.742
- *Cổ phiếu phổ thông*	*352.611.742*	*352.611.742*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	**(3.046.900)**	**(3.000.000)**
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(3.046.900)	(3.000.000)
- *Cổ phiếu phổ thông*	*(3.046.900)*	*(3.000.000)*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**349.564.842**	**349.611.742**
- *Cổ phiếu phổ thông*	*349.564.842*	*349.611.742*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

27. DOANH THU

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	**849.294.221.184**	**848.048.772.890**
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	105.807.913.215	96.005.005.216
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	276.558.485.135	227.702.451.908
- *Cổ tức*	*65.757.337.279*	*102.012.851.566*
- *Trái tức*	*72.002.225.568*	*76.681.221.020*
- *Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu*	*85.917.525.175*	*27.069.379.734*
- *Doanh thu tự doanh từ ủy thác danh mục tại SSIAM*	*50.465.311.002*	*21.062.545.191*
- *Doanh thu hoạt động đầu tư khác*	*2.416.086.111*	*876.454.397*
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	6.420.000.000
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	29.061.000	-
Doanh thu quản lý DM đầu tư cho người UTĐT	15.519.110.635	18.328.050.969
Doanh thu hoạt động tư vấn	79.784.442.039	38.076.296.310
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	5.191.757.059	2.487.230.802
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	12.559.455.663	4.478.427.405
Doanh thu khác	353.843.996.437	454.551.310.280
- *Thu lãi tiền gửi*	*297.101.205.062*	*349.915.821.340*
- *Doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính*	*53.155.079.622*	*76.286.827.390*
- *Doanh thu khác*	*3.587.711.753*	*28.348.661.550*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**(5.850.000)**
Doanh thu thuần	**849.294.221.184**	**848.042.922.890**

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	28.851.815.161	27.024.047.794
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	124.144.793.033	112.128.653.441
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	(60.751.580.173)	169.021.552.430
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	123.110.036.639	96.018.703.656
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính, tư vấn khác	940.350.000	403.560.250
Chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	238.228.934.381	252.177.221.777
- *Chi phí nhân viên*	*118.250.738.862*	*112.668.098.962*
- *Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm*	*2.762.294.400*	*3.014.796.536*
- *Chi phí khấu hao và phân bổ*	*33.254.687.924*	*36.429.144.908*
- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*	*54.439.248.999*	*65.943.561.622*
- *Chi phí thuê văn phòng*	*27.447.845.880*	*32.629.956.289*
- *Chi phí khác*	*2.074.118.316*	*1.491.663.460*
	454.524.349.041	**656.773.739.348**

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Chi phí nhân viên	9.131.007.751	9.113.451.121
Chi phí khấu hao và phân bổ	334.425.000	334.425.000
Chi phí dự phòng	7.781.367.123	17.936.746.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	744.832.200	554.236.050
	17.991.632.074	**27.938.858.746**

30. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Thu nhập khác		
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.709.721.479	-
Thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng	3.146.645.861	-
Thu nhập khác	222.913.745	553.902.871
	5.079.281.085	**553.902.871**
Chi phí khác		
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	651.003.553	-
Chi phí khác	7.796.680	680.706.469
	658.800.233	**680.706.469**
	4.420.480.852	**(126.803.598)**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm kinh doanh có lãi đầu tiên của công ty là 2001. Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh năm 1999. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất 20%. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 25%.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5428/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài chính, các công ty mới niêm yết trên thị trường chứng khoán được giảm trừ 50% thuế TNDN tính từ năm đầu tiên niêm yết. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) từ ngày 15 tháng 12 năm 2006, theo đó, mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm 2009 là 20% (2008: 10%). Từ năm 2011, mức thuế suất áp dụng cho Công ty là 25%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày dưới đây:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	**487.258.631.205**	**126.604.379.877**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	**(163.143.237.565)**	**(216.926.467.105)**
Các khoản điều chỉnh tăng	210.987.995.176	82.304.498.347
- *Lỗ của công ty liên kết (*)*	-	*36.599.141.321*
- *Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết của kỳ này*	*177.751.666.705*	*45.025.264.646*
- *Chi phí dự phòng trái phiếu Vinashin*	*33.000.000.000*	-

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
- *Các chi phí không hợp lý*	*236.328.471*	*680.092.380*
Các khoản điều chỉnh giảm	(374.131.232.741)	(299.230.965.451)
- *Lợi nhuận trước thuế từ công ty con*	*(19.707.573.843)*	*(17.488.856.427)*
- *Lợi nhuận từ công ty liên kết (*)*	*(106.059.910.284)*	-
- *Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức*	*(65.072.337.279)*	*(100.209.611.566)*
- *Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết kỳ trước*	*(45.025.264.646)*	*(20.109.396.533)*
- *Hoàn nhập dự phòng đã trích của công ty liên kết*	*71.892.050.758*	*(160.611.417.925)*
- *Lỗ năm trước chuyển sang*	*(90.322.087.228)*	-
- *Hủy lỗ bán chứng khoán của công ty liên kết trên báo cáo riêng*	*(119.836.110.219)*	-
- *Chi phí trợ cấp thôi việc trích trước năm 2008 tính thuế cho năm hiện hành*	-	*(811.683.000)*
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	**324.115.393.640**	**(90.322.087.228)**
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành của Công ty mẹ	81.028.848.410	-
Thuế TNDN phải trả của công ty con	*1.535.033.752*	*3.937.863.518*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**82.563.882.162**	**3.937.863.518**
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	**(3.347.725.304)**	**17.494.080.073**
Điều chỉnh tăng/(giảm) thuế TNDN theo quyết toán thuế	182.594.264	(1.929.271.735)
Trích bổ sung nộp thuế TNDN 2010 theo QĐ 4992/QĐ-CT của Cục thuế	-	50.179.757
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(70.752.205.322)	(22.900.576.918)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	**8.646.545.800**	**(3.347.725.304)**

(*): Ghi nhận theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu (không bao gồm phần thực nhận).

Lỗ chuyển sang các kỳ sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán , Công ty có khoản lỗ tính thuế chuyển sang là 90.322.087.228 đồng Việt Nam có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong kỳ 31 tháng 12 năm 2012. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*) (VNĐ)	Đã chuyển lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2012 (VNĐ)	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2012 (VNĐ)
2011	2016	**(90.322.087.228)**	**(90.322.087.228)**	**-**
Tổng cộng		**(90.322.087.228)**	**(90.322.087.228)**	**-**

(*) Lỗ tính thuế ước tính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

31.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
Biến động của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu kỳ	8.330.545.610	5.532.841.362
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	47.357.996.065	(202.920.750)
Thuế hoãn lại của công ty con	(3.000.624.998)	3.000.624.998
Số dư cuối kỳ	**52.687.916.677**	**8.330.545.610**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả
Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm 2012 như sau:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ	43.592.871.995	881.886.941
Thuế từ lợi nhuận trong năm của công ty con	1.410.687.832	2.690.898.407
Thuế từ hoàn nhập dự phòng của công ty liên kết trong năm	(17.851.005.451)	40.020.086.647
Số dư cuối kỳ	**27.152.554.376**	**43.592.871.995**

Chi phí /(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Thuế từ lãi chưa thực hiện của Quỹ Đầu tư Thành viên SSI	1.410.687.768	2.690.898.407
Thuế hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết cho mục đích hợp nhất	(17.851.005.451)	40.020.086.647
Thuế hoãn lại phát sinh do tăng/giảm chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế	(36.409.942.544)	(3.000.625.000)
Thuế hoãn lại phát sinh do tăng chi phí dự phòng Trái phiếu Vinashin	(8.250.000.000)	-
Hoàn lại thuế hoãn lại trên phần trợ cấp mất việc làm năm 2008	302.571.479	202.920.750
	(60.797.688.748)	**39.913.280.804**

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 chuyển sang khấu trừ thuế trong các năm tiếp theo với mức thuế suất áp dụng là 25% của năm 2012.

Công ty không thực hiện tính thuế hoãn lại phát sinh liên quan đến dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 do kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bị lỗ và tại thời điểm đó Công ty chưa chắc chắn về khả năng thu được lợi nhuận trong tương lai để sử dụng khoản thuế thu nhập hoãn lại này. Các khoản dự phòng này đã được tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012.

32. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Số dư đầu kỳ	76.506.109.799	72.881.886.941
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	6.000.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số kỳ này	1.193.059.630	3.624.222.858
Số dư cuối kỳ	**83.699.169.429**	**76.506.109.799**

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên NDH Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là bên liên quan
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty có chủ sở hữu là bên liên quan
Công ty TNHH NDH Media Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là bên liên quan
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Công ty có chủ sở hữu là bên liên quan; Công ty liên kết
Ngân hàng ANZ Việt Nam	Cổ đông chiến lược
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược
Công ty CP XNK Thuỷ sản Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty CP Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất - Kinh doanh - Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Công ty liên kết
Công ty CP Giống cây trồng Trung ương	Công ty liên kết
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	Công ty liên kết
Công ty CP Transimex - Saigon	Công ty liên kết
Công ty CP Chế biến hàng xuất khẩu Long An	Công ty liên kết

B09-CTCK
THUYẾT MINH
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu kỳ (VNĐ)	Tăng trong kỳ (VNĐ)	Giảm trong kỳ (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)	
Công ty có chủ sở hữu là bên liên quan	Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	-	-	14.999.990.000	-
	Phí giao dịch chứng khoán	-	137.745.401	(137.745.401)	-	137.745.401
	Tiền hợp tác kinh doanh phải trả	(90.659.184.768)	(565.676.067.951)	620.561.198.318	(35.774.054.401)	-
	Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	(268.308.139)	(3.480.859.804)	3.316.848.347	(432.319.596)	(3.480.859.804)
	Tiền hợp tác kinh doanh phải thu	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	
	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	-	96.805.556	(96.805.556)	-	96.805.556
	Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu phải thu	-	503.600.000.000	(231.500.000.000)	272.100.000.000	-
	Nhận cọc môi giới mua bán trái phiếu phải trả		(36.730.000.000)	36.730.000.000	-	
	Cổ tức phải trả	-	(28.705.036.000)	28.705.036.000	-	-
	Cổ tức phải thu		2.249.998.500	(2.249.998.500)		2.249.998.500
	Tiền thuê mặt bằng	-	(12.858.675.088)	12.858.675.088	-	(12.858.675.088)
	Lãi tiền đặt cọc môi giới phải trả	-	(826.443.973)	826.443.973	-	(826.443.973)
	Phí tư vấn môi giới mua bán trái phiếu	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	5.000.000.000
Cổ đông chiến lược	Trả cổ tức bằng tiền	-	(97.405.840.000)	97.405.840.000	-	(97.405.840.000)
	Tiền gửi của nhà đầu tư	531.443.562	9.548.460.448	(9.624.588.049)	455.315.961	-
	Tiền gửi của công ty	2.315.082.477	20.605.603.645	(22.556.095.697)	364.590.425	-
Công ty liên kết	Phí môi giới	-	2.093.037.589	(2.093.037.589)	-	2.093.037.589
	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ	1.062.004.865.057	587.034.791.806	(589.213.118.874)	1.059.826.537.989	-
	Phí giao dịch, ứng bán chứng khoán	-	2.015.569.107	(2.015.569.107)	-	2.015.569.107
	Tiền hợp tác kinh doanh phải thu	7.153.858.819	185.113.522.543	(192.267.381.362)	-	-
	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	5.811.934	139.562.647	(145.374.581)	-	139.562.647
	Tiền hợp tác kinh doanh phải trả	-	(17.851.954.522)	17.851.954.522	-	
	Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	200.000.000.000	(200.000.000.000)	-	-
	Phí tư vấn, môi giới mua bán TP	-	5.637.500.000	(5.637.500.000)	-	5.637.500.000
	Ứng mua chứng khoán	(50.100.000.000)	(30.000.000.000)	-	(80.100.000.000)	-
	Chi phí thuê kho và dịch vụ	(36.036.154)	(1.207.128.334)	1.243.164.488	-	(1.207.128.334)
Các cá nhân có liên quan khác	Hợp tác kinh doanh	-	(4.159.608.733)	4.159.608.733	-	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2012 là 11.264.602.412 đồng (bao gồm thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

B09a-CTCK
THUYẾT MINH
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính hoặc do thiếu thông tin về thị trường.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

		Số tiền (VNĐ)
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VNĐ	464.299.378.161	79.129.012.745
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	349.577.749	348.408.905
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VNĐ	1.328	227

35. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (VNĐ)	Tự doanh (VNĐ)	Kinh doanh nguồn vốn (VNĐ)	Quản lý danh mục (VNĐ)	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	164.154.991.580	382.618.395.422	300.688.675.131	15.519.110.635	92.372.958.700	955.354.131.468
2. Các chi phí trực tiếp	(40.894.867.665)	(65.313.033.374)	(123.527.970.558)	(1.701.901.014)	(3.238.207.851)	(234.675.980.462)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	(134.904.542.504)	(25.503.458.428)	(14.103.345.699)	(26.721.731.831)	(32.186.441.339)	(233.419.519.801)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**(11.644.418.589)**	**291.801.903.620**	**163.057.358.874**	**(12.904.522.210)**	**56.948.309.510**	**487.258.631.205**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012						
1. Tài sản bộ phận	1.100.542.097.507	3.376.438.689.607	3.115.915.100.484	96.212.138	34.270.419.489	7.627.262.519.225
2. Tài sản phân bổ	114.739.436.598	14.805.088.593	3.084.393.457	17.272.603.359	17.889.482.050	167.791.004.057
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-		-	185.822.378.593
Tổng tài sản	**1.215.281.534.105**	**3.391.243.778.200**	**3.118.999.493.941**	**17.368.815.497**	**52.159.901.539**	**7.980.875.901.875**
1. Nợ phải trả bộ phận	916.136.808.643	104.175.484.894	1.542.493.649.377	-	6.864.194.257	2.569.670.137.171
2. Nợ phân bổ	51.367.903.161	6.628.116.537	1.380.857.612	7.732.802.626	8.008.974.149	75.118.654.085
3. Nợ không phân bổ	-	-	-		-	60.814.893.365
Tổng công nợ	**967.504.711.804**	**110.803.601.431**	**1.543.874.506.989**	**7.732.802.626**	**14.873.168.406**	**2.705.603.684.621**

Báo cáo Tài chính
156
Báo cáo thường niên 2012

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

36.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Đến 1 năm	23.197.788.906	24.863.298.120
Trên 1 - 5 năm	50.011.018.221	63.931.012.480
Trên 5 năm	-	-

36.1 Nghiệp vụ ký quỹ

Giá trị ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 mà Công ty đã cung cấp cho các nhà đầu tư như sau:

Chi nhánh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Trụ sở chính (TP Hồ Chí Minh)	12.098.963.670	2.466.749.515
Chi nhánh Hà Nội	8.338.774.355	4.524.849.695
Hải Phòng	831.983.430	135.861.803
Nguyễn Công Trứ	2.595.861.130	270.225.814
Nha Trang	278.041.702	69.622.417
Vũng Tàu	204.588.404	30.565.645
Quảng Ninh	-	55.284.865
Mỹ Đình	347.365.970	151.880.195
	24.695.578.661	**7.705.039.949**

37. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi kỳ hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty còn nắm giữ các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

37.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy cảm như trình bày dưới đây liên quan đến trạng thái của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy cảm này được lập trên cơ sở giá trị nợ thuần, tỷ suất giữa lãi suất cố định với lãi suất thả nổi của các khoản nợ và tỷ lệ các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ đều cố định.

Khi tính toán phân tích độ nhạy cảm, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng bảng cân đối kế toán có liên quan đến chứng khoán nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy cảm của các khoản mục trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng là sự ảnh hưởng của những thay đổi giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Giả định này dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Độ nhạy lãi suất

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ và các khoản nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Độ nhạy ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, Công ty Quốc Tế SSI sở hữu 5.064.383,83 đô la Mỹ, tương đương 105.389.827.502 đồng Việt Nam. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của tỷ giá liên ngân hàng có thể làm tổng tài sản của Công ty tăng (hoặc giảm) 10.538.982.750 đồng, và làm tăng (hoặc giảm) lợi nhuận của Công ty lên một khoản tương ứng.

Công ty cũng đang nắm giữ 51.155 đô la Mỹ, tương đương 1.065.450.092 đồng Việt Nam, của một số nhà đầu tư nước ngoài. Khoản tiền này được phân loại vào khoản mục Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của tỷ giá quy đổi có thể làm tổng tài sản và tổng công nợ của Công ty giảm (hoặc tăng) đồng thời số tiền là 106.545.009 đồng. Lợi nhuận của Công ty không bị ảnh hưởng.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết là VNĐ 557.376.403.902 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: VNĐ 793.579.840.028). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

37.2 Rủi ro giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

37.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khác hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

37.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho

là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Không kỳ hạn	Đến 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Vay và nợ phải trả	267.728.021.077	90.000.000.000	-	-	357.728.021.077
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	672.221.482.487	239.504.169.800	-	-	911.725.652.287
Chi phí phải trả	562.422.714	8.131.136.939	490.230.900	-	9.183.790.553
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.624.449.596	1.185.163.653.511	-	-	1.189.788.103.107
	945.136.375.874	**1.522.798.960.250**	**490.230.900**	**-**	**2.468.425.567.024**
Ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Vay và nợ phải trả	-	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	555.811.471.398	21.916.153.444	-	-	577.727.624.842
Chi phí phải trả	3.501.916.461	2.515.367.192	165.039.900	-	6.182.323.553
Các khoản phải trả, phải nộp khác	220.047.509.259	196.631.809.105	-	-	416.679.318.364
	779.360.897.118	**221.063.329.741**	**165.039.900**	**-**	**1.000.589.266.759**

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung thông qua khả năng các khoản nợ được tái tài trợ hoặc được tái tục với chủ nợ hiện tại, khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là tiền gửi của nhà đầu tư được quản lý tách biệt khỏi tiền gửi công ty và đối ứng bằng số dư tiền luôn luôn sẵn có tại ngân hàng.

37.5 Các khoản đảm bảo

Tại ngày báo cáo, Công ty đang tham gia các hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán có kỳ hạn 9 tháng. Tài sản của Công ty được dung để giao dịch trong các hợp đồng này là các trái phiếu phát hành bởi tổ chức tín dụng, với tổng giá trị theo sổ kế toán là 20.132.645.562 VNĐ, giá trị bán là 16.000.000.000 VNĐ và giá trị mua lại là 16.380.200.000 VNĐ.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng

cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

► ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

► ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► ***Các khoản cho vay và phải thu:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

► ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

► ***Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

► ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

► Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
► Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
► Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.
► Giá trị hợp lý của công cụ chưa được niêm yết được xác định dựa trên báo giá hoặc giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán. Trường hợp không có đủ nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy để xác định giá trị thị trường, giá trị hợp lý của công cụ chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

B09a-CTCK
THUYẾT MINH
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị VNĐ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Ngày 31 tháng12 năm 2012 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	2.292.163.797.758	(194.353.925.227)	1.053.037.748.335	(303.123.545.515)	2.118.646.503.055	765.200.929.998
- *Chứng khoán thương mại*	*589.163.797.758*	*(194.353.925.227)*	*1.052.561.099.307*	*(303.123.545.515)*	*415.646.503.055*	*764.724.280.970*
Cổ phiếu niêm yết	477.229.343.888	(147.309.314.209)	873.223.160.334	(292.141.620.515)	350.756.660.202	596.368.266.997
Cổ phiếu chưa niêm yết	99.434.453.871	(47.044.611.018)	93.173.000.000	(10.981.925.000)	52.389.842.853	82.191.075.000
Trái phiếu (*)	12.500.000.000	-	86.164.938.973	-	12.500.000.000	86.164.938.973
- *Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn*	*1.703.000.000.000*	-	*476.649.028*	-	*1.703.000.000.000*	*476.649.028*
Tiền gửi ngắn hạn	1.703.000.000.000	-	476.649.028	-	1.703.000.000.000	476.649.028
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	846.688.657.747	(66.184.835.634)	413.336.477.680	(17.936.746.575)	780.503.822.113	395.399.731.105
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.056.730.351.972	(82.059.042.586)	1.128.856.979.464	(166.853.124.408)	978.312.318.590	965.167.175.937
- *Chứng khoán sẵn sàng để bán*	*1.056.730.351.972*	*(82.059.042.586)*	*1.128.856.979.464*	*(166.853.124.408)*	*978.312.318.590*	*965.167.175.937*
Cổ phiếu niêm yết	258.115.910.455	(53.348.175.958)	346.141.584.971	(133.643.284.762)	206.619.743.701	215.661.621.090
Cổ phiếu chưa niêm yết	131.989.207.174	(28.710.866.628)	87.791.294.397	(14.220.179.920)	105.067.340.546	73.571.114.477
Trái phiếu	666.625.234.343	-	694.924.100.096	(18.989.659.726)	666.625.234.343	675.934.440.370
Đầu tư dài hạn khác	548.616.990.000	(93.178.900.000)	749.788.390.000	(833.500.000)	455.438.090.000	748.954.890.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.947.090.450.986	-	1.945.764.811.547	-	1.947.090.450.986	1.945.764.811.547
Tổng cộng	**6.691.290.248.463**	**(435.776.703.447)**	**5.290.784.407.026**	**(488.746.916.498)**	**6.279.991.184.744**	**4.820.487.538.587**
Nợ phải trả tài chính (*)						
Vay và nợ	357.728.021.077	-	-	-	357.728.021.077	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	911.725.652.287	-	577.727.624.842	-	911.725.652.287	577.727.624.842
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	605.427.160	-	605.427.160	-	605.427.160	605.427.160
Chi phí phải trả	9.183.790.553	-	6.182.323.553	-	9.183.790.553	6.182.323.553
Phải trả vốn ủy thác	-	-	122.504.095.276	-	-	122.504.095.276
Các khoản phải trả. phải nộp khác	1.195.006.742.142	-	423.733.327.972	-	1.195.006.742.142	423.733.327.972
Tổng cộng	**2.474.249.633.219**	**-**	**1.130.752.798.803**	**-**	**2.474.249.633.219**	**1.130.752.798.803**

(*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 1 năm 2013, Công ty đã hoàn thành chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty để tăng vốn điều lệ 3.537.949.420.000 đồng (Ba nghìn năm trăm ba mươi bảy tỷ, chín trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ và đã nhận được giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 09/GPĐC-UBCK ngày 01 tháng 03 năm 2013 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2013.

Người lập	Người phê duyệt	Người phê duyệt
Bà Hoàng Thị Minh Thủy Kế toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà Giám đốc Tài chính	Ông Nguyễn Duy Hưng Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

NHẬN XÉT CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Nhận xét chung:

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2012, và báo cáo tài chính đã tuân thủ đúng các quy định có liên quan hiện hành. Tỷ lệ vốn khả dụng và các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty luôn được duy trì đúng theo quy định của Bộ Tài chính. Các sai sót trong công tác kế toán đã được khắc phục, chỉnh sửa kịp thời theo các kiến nghị định kỳ của kiểm toán nội bộ.

TM Kiểm toán nội bộ SSI
Giám đốc

Trần Dương Anh Việt

THÔNG TIN KHÁC



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị / Ban Kiểm Soát

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban Kiểm Soát: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát được trình bày chi tiết tại mục Cơ Cấu Tổ Chức.
- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc và nhân viên Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	CTHĐQT/TGĐ	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Phó TGĐ	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	29 QTCT 158/QĐ-TTNC	08/09/2009
5	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010
6	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	18 QTCT 17/QĐ-TTNC	20/01/2010
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	GĐ Tài Chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
8	Nguyễn Kim Long	Giám Đốc Luật & KSNB	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
9	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
10	Trần Thị Thúy	GĐ CN Hà Nội	37 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009

Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cổ phiếu của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn được niêm yết vào giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch SSI và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Đến ngày 31/12/2012, vốn điều lệ của SSI là 3.526.117.420.000 đồng được chia thành 352.611.742 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2012 là 3.046.900 cổ phiếu, tăng 46.900 cổ phiếu so với năm 2011 do mua lại cổ phiếu đã phát hành cho nhân viên theo chương trình lựa chọn khi nghỉ việc và mua cổ phiếu sửa lỗi giao dịch. Giao dịch mua cổ phiếu quỹ đã thực hiện:

- Ngày 09/4/2012: mua 30.000 cổ phiếu giá 10.000 đồng/cổ phần
- Ngày 16/4/2012: mua 16.900 cổ phiếu sửa lỗi giao dịch

Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỉ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/11/2012 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

Phụ lục 1: Giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan:

Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Tỷ lệ (*)	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ			
1	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	177.920	0,05%	227.920	0,06%			Đăng ký mua 60.000 cổ phiếu trên sàn từ ngày 07/02/2012 đến 06/3/2012 Báo cáo kết quả ngày 12/3/2012
2	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	20.168	0,006%	10.168	0,003			Đăng ký bán 10.000 cổ phiếu từ 30/8/2012 đến 29/9/2012 Báo cáo kết quả 02/10/2012

Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% sở hữu
Công ty TNHH NDH Media	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH MTV NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Ngân Hàng ANZ	Cổ đông chiến lược
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI

Các khoản phải thu

Công ty liên quan	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ Tầm nhìn SSI				
Phí giao dịch chứng khoán	-	2.093.037.589	2.093.037.589	-
Quỹ đầu tư thành viên				
Góp vốn đầu tư	288.000.000.000	24.000.000.000	-	312.000.000.000
Công ty CP Đầu tư BĐS SSI				
Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	-	-	14.999.990.000
Phí giao dịch chứng khoán		89.859.833	89.859.833	-
Tiền hợp tác kinh doanh		20.000.000.000	20.000.000.000	-
Lãi hợp tác kinh doanh		96.805.556	96.805.556	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu		503.600.000.000	231.500.000.000	272.100.000.000
Cổ tức của BĐS SSI		2.249.998.500	2.249.998.500	-
Tiền thuê mặt bằng		11.963.789.338	11.963.789.338	-
Công ty TNHH MTV NDH Việt Nam				
Phí giao dịch chứng khoán		47.885.568	47.885.568	-
Phí tư vấn môi giới mua bán trái phiếu		5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty CP Xuyên Thái Bình				
Phí giao dịch chứng khoán		770.228.350	770.228.350	-
Phí ứng trước tiền bán chứng khoán		44.238.374	44.238.374	-
Tiền hợp tác kinh doanh		21.500.000.000	21.500.000.000	-
Lãi hợp tác kinh doanh		44.015.152	44.015.152	-
Cổ tức nhận được		1.493.280.000	1.493.280.000	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu		200.000.000.000	200.000.000.000	-
Phí tư vấn môi giới mua bán trái phiếu		5.150.000.000	5.150.000.000	-
Phí môi giới bán trái phiếu		487.500.000	487.500.000	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI				
Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Giá trị Uỷ thác danh mục đầu tư	1.451.417.818.541	137.208.684.928	40.000.000.000	1.548.626.503.469
Ngân hàng ANZ				
Tiền gửi của nhà đầu tư	531.443.562	9.548.460.448	9.624.588.049	455.315.961

Các khoản phải trả

Công ty liên quan	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI				
Hợp tác kinh doanh	61.205.780.079	564.793.883.211	590.744.193.267	35.255.470.023
Lãi hợp tác kinh doanh	180.579.666	2.928.656.718	2.680.207.211	429.029.173
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu		36.730.000.000	36.730.000.000	-
Lãi tiền đặt cọc môi giới		826.443.973	826.443.973	-
Công ty TNHH MTV NDH Việt Nam				
Trả cổ tức bằng tiền		28.705.036.000	28.705.036.000	-
Tiền hợp tác kinh doanh	29.453.404.689	354.600.362	29.808.005.051	-
Lãi hợp tác kinh doanh	87.728.473	501.291.551	589.020.024	-
Công ty CP Xuyên Thái Bình				
Tiền hợp tác kinh doanh	37.731.245.000	23.809.869.210	61.541.114.210	-
Lãi hợp tác kinh doanh	367.211.321	890.996.738	1.258.208.059	-
Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000	-	-	50.100.000.000
Chi phí thuê kho và dịch vụ	36.036.154	1.207.128.334	1.243.164.488	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI				
Phí quản lý danh mục	(1.595.974.804)	14.131.260.217	11.225.659.629	1.309.625.784
Công ty TNHH MTV NDH Media Việt Nam				
Hợp tác kinh doanh		527.584.378	9.000.000	518.584.378
Lãi hợp tác kinh doanh		50.911.535	47.621.112	3.290.423
Ngân hàng ANZ				
Trả cổ tức bằng tiền		61.934.420.000	61.934.420.000	-
Daiwa Securities Group Inc				
Trả cổ tức bằng tiền		35.471.420.000	35.471.420.000	-
Hợp tác kinh doanh		4.110.287.133	4.110.287.133	-
Lãi hợp tác kinh doanh		49.321.600	49.321.600	-

Phụ lục 2: Cơ cấu vốn cổ đông và tỷ lệ sở hữu đến ngày 31/12/2012

(căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 23/11/2012 – chi trả cổ tức cho năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư chủ sở hữu	**1.798.573.700.000**	**51,01%**	**1.727.543.720.000**	**48,99%**	**3.526.117.420.000**	**100,00%**
Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập	-	-	-	-	-	-
Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	287.050.360.000	8,14%	974.058.400.000	27,63%	1.261.108.760.000	35,77%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%	319.344.280.000	9,06%	179.577.100.000	5,09%	498.921.380.000	14,15%
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	1.161.710.060.000	32,95%	573.908.220.000	16,28%	1.766.087.280.000	49,22%
Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	30.469.000.000	0,86%	-	-	30.469.000.000	0,86%

Cơ cấu theo loại hình sở hữu:

STT	Đối tượng	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
I.	**Cổ đông đặc biệt**	**317.000**	**16.047.108**	**16.364.108**	**4,64%**
1.	Hội đồng quản trị	266.000	15.935.888	16.201.888	4,59%
	Trong đó - Nước ngoài	-	-	-	-
	- Trong nước	266.000	15.935.888	16.201.888	4,59%
2.	Ban Giám đốc	-	-	-	-
3.	Ban kiểm soát	31.000	111.020	142.020	0,04%
4.	Kế toán trưởng	20.000	200	20.200	0,01%
5.	Người được ủy quyền CBTT				
II.	**Cổ phiếu quỹ**	**30.000**	**3.016.900**	**3.046.900**	**0,86%**
III.	**Công đoàn Công ty**	**-**	**-**	**-**	**-**
IV.	**Cổ đông khác**	**1.153.000**	**332.047.734**	**333.200.734**	**94,50%**
1.	***Trong nước***	***1.143.000***	***159.303.362***	***160.446.362***	***45,50%***
1.1.	Cá nhân	1.143.000	114.789.166	115.932.166	32,88%
1.2.	Tổ chức	-	44.514.196	44.514.196	12,62%
2.	***Nước ngoài***	***10.000***	***172.744.372***	***172.754.372***	***49,00%***
2.1	Cá nhân	10.000	10.655.572	10.665.572	3,03%
2.2	Tổ chức	-	162.088.800	162.088.800	45,97%
	CỘNG:	**1.500.000**	**351.111.742**	**352.611.742**	**100,00%**

Sở hữu cp của cổ đông lớn và cổ đông nội bộ ngày 31/12/2012 Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

STT	Tên cổ đông	Chức danh/Quan hệ với công ty	Số lượng cổ phần (tại ngày 31/12/2012)	Tỷ lệ sở hữu (tính trên vốn điều lệ 3.526.117.420.000 đồng)
1	Australia and New Zealand Banking Group	Cổ đông lớn	61.934.420	17,564%
2	Daiwa Securities Group Inc.	Cổ đông lớn	35.471.420	10,060%
3	Công ty TNHH MTV NDH Việt Nam	Cổ đông lớn	28.705.036	8,141%
4	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	186.000	0,053%
5	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	15.747.968	4,466%
6	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	40.000	0,011%
7	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	227.920	0,065%
8	Alistair Marshall Bulloch	Thành viên HĐQT	Không có	0,000%
9	Masami Tada	Thành viên HĐQT	Không có	0,000%
10	Đàm Bích Thuỷ	Thành viên HĐQT	Không có	0,000%
11	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	115.012	0,033%
12	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	10.168	0,003%
13	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	16.840	0,005%
14	Hoàng Thị Minh Thuỷ	Kế toán trưởng	20.200	0,006%
15	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	25.000	0,007%

Ghi chú số liệu căn cứ vào:

i. Danh sách cổ đông chốt ngày 23/11/2012 – chi trả cổ tức cho năm 2010 của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp;

ii. Công bố thông tin giao dịch chứng khoán của cổ đông lớn và cổ đông nội bộ (nếu có).

THÔNG TIN
DOANH NGHIỆP

Thông tin doanh nghiệp	
Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Tên tiếng Anh:	Saigon Securities Inc (SSI)
Đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ
Ngày thành lập:	30/12/1999
Vốn điều lệ (tại 31/12/2012):	3.526.117.420.000 đồng
Trụ sở chính:	72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tổng số nhân viên (tại 31/12/2012):	398 trong đó có 126 người có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

Thông tin cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2012):	352.611.742 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2012):	3.046.900 cổ phiếu
Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)
Mã chứng khoán niêm yết:	SSI
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 28/12/2012):	16.100 đồng/cổ phiếu
Chi trả cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt	10%
Ngày thực hiện	14/12/2012
Ngày giao dịch không hưởng quyền	21/11/2012
Ngày chốt danh sách cổ đông	23/11/2012
Tạm ứng cổ tức năm 2012	không có tạm ứng cổ tức trong năm 2012
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt	15.000.000.000 đồng
Ngày kết thúc đợt phát hành	28/12/2011
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.500.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông, hạn chế chuyển nhượng
Thời hạn hạn chế chuyển nhượng	Từ 28/12/2011 đến hết ngày 28/12/2012
Niêm yết bổ sung	1.500.000 cổ phiếu
Ngày niêm yết bổ sung	19/01/2012
Ngày giao dịch bổ sung	18/6/2012

Thông tin liên hệ
Khối Truyền Thông – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn
1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà nội, Việt Nam
Tel. +84 (4) 39366321 Fax: +84 (4) 39366311
www.ssi.com.vn/InvestorRelations/
Email: pr@ssi.com.vn

Thông tin khác
Báo cáo thường niên 2012

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



TP. HÀ NỘI

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI
1C NGÔ QUYỀN, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: (+84 4) 39366321
FAX: (+84 4) 39366311

CHI NHÁNH MỸ ĐÌNH
TẦNG G, TÒA NHÀ THE MANOR – MỸ ĐÌNH, MỄ TRÌ, TỪ LIÊM, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: (+84 4) 37946699
FAX: (+84 4) 37946677

PHÒNG GIAO DỊCH TRẦN BÌNH TRỌNG
SỐ 25, TRẦN BÌNH TRỌNG, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: (+84 4) 39413383
FAX: (+84 4) 39413385FAX: (+84 8) 38213867

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI
1C NGÔ QUYỀN, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI (+84 4) 39366321
FAX: (+84 4) 39366337FAX: (+84 8) 38213867

TP. HỒ CHÍ MINH

TRỤ SỞ CHÍNH
72 NGUYỄN HUỆ, QUẬN 1, TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: (08) 38242897
FAX: (08) 38242997

CHI NHÁNH NGUYỄN CÔNG TRỨ
72 NGUYỄN HUỆ, QUẬN 1, TP. HCM
92-94-96-98 NGUYỄN CÔNG TRỨ, QUẬN 1, TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: (+84 8) 38218567
FAX: (+84 8) 38213867

TP. NHA TRANG

CHI NHÁNH NHA TRANG
TẦNG 3, CAO ỐC QUEEN, 50 LÊ THÀNH PHƯƠNG,
TP. NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA
ĐIỆN THOẠI: (+84 58) 3816969
FAX: (+84 58) 3816968

TP. VŨNG TÀU

CHI NHÁNH VŨNG TÀU
4 LÊ LỢI, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
ĐIỆN THOẠI: (+84 64) 3521906
FAX: (+84 64) 3521907FAX: (+84 58) 3816968

TP. HẢI PHÒNG

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
22 LÝ TỰ TRỌNG, QUẬN HỒNG BÀNG, TP. HẢI PHÒNG
ĐIỆN THOẠI: (+84 31) 3569123
FAX: (+84 31) 3569130